

Lý Đông A với công cuộc cách mạng dân tộc

Thái Hùng B

Thay lời tựa

*Chàng thiếu niên chí thánh, hành chữ vương
Sinh ra đời gặp lúc đại nhiễu nhương
Dân trăm nhà trăm luân trong nước lửa
Chàng thiếu niên găm thét động bi thương.*

*Phần hùng tâm gột mài tìm lẽ sống
Đặt tấm thân dày dạn giữa gió sương
Ngày công thành hẹn trước như cứu chúa
Cầm trong tay vận mệnh và kỷ cương.*

*Chàng thiếu niên gốc cháu con Hồng Lạc
Máu nóng sôi, hồn nằng lửa Viêm phương
Năm nghìn năm trong mạch sống chan chứa
Hoa thiên tài bùng nở nước Đông Dương.*

*Lòng trong trắng như vầng trời cao sáng
Đức uy nghi tiên cách khác ai thường
Tình yêu thương những ngày thiên mệnh sớm
Vì giống nòi trút lại chẳng tơ vương.*

*Vết phấn đấu như rồng bay tuyết căng
Tài thao lược cái thế có ai đương
Lưỡi gươm thề quyết mở đường Vạn Thắng
Gồm một nhà trăm giống Việt Kinh Dương.*

*Chàng thiếu niên rượu thần thơ lại thánh
Nét tâm đan mở miệng có văn chương
Bước Duy Tâm dòng Xuân Thu tha thiết
Uống năm hồ, ngâm trăm thuở cương thường.*

*Trang bất tử bước chân hùng khẳng khái
Vẻ hồn nhiên linh nhạc nảy cung thương*

*Thường ngâm câu: “Thiên hạ thủy nhân khắp”
Thoắt trông mình đầu tóc đã pha sương.*

*Gánh tài tình tự hện thời mưa gió
Dẹp cuồng lan xây đắp cõi kim cương
Thân lui về tiêu dao không ngày tháng
Muôn nghìn đời tài tử nhất danh trường.*

*Chàng thiếu niên tự hào thân lẫm lẫm
Đáng cháu con Hồng Lạc mặt dương dương
Cùng doanh hoàn đua chen với kim cổ
Hỏi xem đời mấy kẻ dám tương đương.*

*Chàng thét rượu mở tờ buông bút sử
Tự hào mình, mình hát lại mình thương
Rằng nghìn trước, nghìn sau, nghìn năm nữa
Có ai cùng Thái Dịch hú hồn hương?*

(Trích [Tự Hào](#) – Thơ Thái Dịch Lý Đông A)

Phần I

Tiểu sử Thái Dịch - Lý Đông A

Chương I

A. Bối cảnh lịch sử và xã hội

Chúng ta thừa hưởng được cuộc đấu tranh giữa Hán và Việt từ 5000 năm về trước trên lưu vực sông Hoàng Hà. Chúng ta còn tiếp thu bài học đau thảm hơn 1000 năm đô hộ của nòi Hán. Cái đặc điểm của lịch sử dân tộc đó biểu hiện ra bằng một dây truyền tiếp cách mạng không đứt, tranh đòi lấy sống, còn, nổi, tiến, hóa, thực không có lịch sử dân tộc nào trên thế giới đem so được. Lại gần đây, từ ngày Pháp đặt chân lên lãnh thổ chúng ta ở giữa thế kỷ 19, suốt thời kỳ lịch sử gần 100 năm, nối tiếp nhau các cuộc cách mạng nổi lên khiến kẻ thống trị không có mấy lúc ăn no ngủ kỹ.

Trào lưu văn hóa Âu Tây tràn vào đất Việt, trải qua một thời cực tuyệt rồi cũng bước sang thời thỏa hiệp, dung hòa, thâm thấu vào phong trào cách mạng có tác động xấu và tốt, mà cái tác động xấu nhất là gây chia rẽ trong hàng ngũ cách mạng chỉ vì một vài cái dị biệt vụn vặt trên lý luận. Các lãnh tụ cách mạng không biết tầm nhuần mình trong đời sống thực tiễn của quốc dân, tự dẫn mình đến chỗ đối đầu nhau kịch liệt, mà hệ lụy là những thảm kịch cốt nhục tương tàn kéo dài cho đến ngày nay vẫn chưa chấm dứt.

Ở cuối thế kỷ trước [sách này được viết năm 1989], mục đích và cứu cánh của cuộc vận động chống Pháp gồm khẩu hiệu Cần Vương. Bước sang thế kỷ XX, ý nghĩa Cần Vương mất hết hiệu lực trong việc hiệu triệu quần chúng, bởi các vua sau Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân đều chủ trương thỏa hiệp với Pháp. Trận chiến Nga Nhật 1904-1905 kết thúc với chiến thắng của Nhật ở eo biển Đối Mã mặt biển và Phụng Thiên mặt bộ. Đông Kinh trở thành một trung tâm thu hút các nhà cách mạng khắp vùng Á Đông. Các sĩ phu Việt thời ấy phát động phong trào Đông Du, mong gửi thanh niên Việt sang Nhật để học bài học phú cường và lại còn hy vọng Nhật giúp đỡ cho cuộc giải phóng dân tộc khỏi ách cai trị của người da trắng. Nhưng vì quyền lợi của Nhật, Đông Kinh phản bội thuyết “Đồng Văn, Đồng Chủng”, thỏa hiệp với Pháp, trục xuất các thanh niên Đông Du. Từ 1920 trở đi, Quảng Châu trở thành nơi tụ tập các nhà cách mạng Việt chống Pháp.

Tư tưởng chỉ đạo phong trào cách mạng trở nên phức tạp. Một số người chấp lấy chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên làm phương châm chỉ đạo cho nhóm mình; một số khác tự cho mình là tiến bộ, vô lấy lý thuyết Mác Lê nhai ngấu nghiền không cần nhà bả, để trang bị cho nhóm mình một lý luận mà họ cho là tiến bộ nhất, khoa học nhất,

hiệu lực nhất. Duy Phan Sào Nam tiên sinh, nghiêm chỉnh trên đạo đức, chín chắn trong suy tư, đã để lại cho hậu thế một câu bất hủ: “Tôi không duy tâm, tôi không duy vật, tôi chỉ duy dân” khi trả lời một người ngoại quốc muốn tìm hiểu lập trường chính trị của tiên sinh. Nhưng khi Phan Sào Nam bị Pháp bắt (30-6-1925) trên đường Thượng Hải – Hàng Châu, đưa về Hà Nội để xử tội thì các cán bộ của tiên sinh chia rẽ và chống đối nhau không phương hàn gắn.

Tả phái là Việt Nam Thanh Niên Đồng Chí Hội (Nguyễn Ái Quốc), trung phái là Độc Lập Đồng Minh Hội, hữu phái là Quốc Dân Đảng, Phục Quốc Đồng Minh Hội. Danh xưng “Đồng Minh Hội” sau này vào năm 1941 được Hồ Chí Minh tức Nguyễn Ái Quốc đem dùng để che dấu màu sắc cộng sản.

Vụ án Phan Bội Châu có một tác động mạnh vào lớp thanh niên trong nước. Chính tiên sinh cũng muốn lợi dụng việc tiên sinh bị giam cầm và bị xử tử làm hồi chuông báo thức lòng ái quốc của nhân dân. Nhiều hội kín do vụ án này được thành lập. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái – Hải Dương – Lâm Thao của Nguyễn Thái Học (Việt Nam Quốc Dân Đảng) là đích quả của vụ án Phan Sào Nam.

Trong thập niên 1930, nhiều biến cố chính trị xảy ra trên quốc tế. Ba trào lưu quốc tế đối nghịch nhau là đầu mối của thế chiến thứ hai: đó là tư bản Anh, Pháp, Mỹ; quốc tế cực quyền (totalitarianism international) Đức, Ý, Nhật và quốc tế cộng sản. Ba trào lưu trên thẩm thấu vào sinh hoạt chính trị và cách mạng trong nước tạo thành những đảng phái như Đại Việt Quốc Xã do Nguyễn Xuân Tiếu lãnh đạo; Đại Việt Quốc Dân Đảng do Trương Tử Anh lãnh đạo; Đại Việt Dân Chính của Nguyễn Tường Tam cùng nhóm Tự Lực Văn Đoàn; Phục Quốc Quân với các lãnh tụ Trần Trung Lập, Đoàn Kiếm Diễm, Hoàng Lương. Nhóm này khởi nghĩa đánh Pháp năm 1940 khi quân Nhật tràn vào Lạng Sơn qua ngã Nam Quan.

Còn các môn đệ của Staline sau một thời gian chia rẽ thành ba hệ phái cộng sản Bắc, Trung, Nam, được Nguyễn Ái Quốc hòa giải mà thành Việt Nam Cộng Sản Đảng, hậu thân của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. Đảng này nguyện đem Việt Nam làm đầu cầu cho việc Komitern hóa Đông Nam Á. Sau cuộc nổi dậy rập theo khuôn mẫu Liên Xô tại Nghệ Tĩnh thất bại, các lãnh tụ cộng sản Việt Nam quay ra hoạt động công khai, thỏa hiệp với Pháp dưới thời mặt trận Bình Dân 1936. Nhưng rồi Đảng Xã Hội Pháp mất chính quyền thì Đảng Cộng Sản Việt Nam quay về phương thức bí mật để dẫn tới việc lập mặt trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh hội năm 1941, tức mặt trận Việt Minh.

Chưa có thời kỳ nào lịch sử Việt lại chứng kiến nhiều đảng phái cách mạng xuất hiện như ở thập niên 1930 và đầu thập niên 1940 này. Nhưng tiếc thay, tâm huyết có thừa mà cách mạng lại không có nghiên cứu, cho nên mới ụa theo các trào lưu thế giới. Do đó ta thấy đủ các xu hướng: thân Nga, thân Nhật, thân Đức, thân Tàu hay thân Đồng Minh mà quên mất trong cách mạng, mình phải lấy chủ quan năng lực làm cốt yếu.

Giữa bối cảnh lịch sử và chính trị ấy, một thanh niên Việt xuất hiện trên trường cách mạng mình định rõ ràng lập trường dân tộc là lập trường căn bản của mọi cuộc cách mạng. Anh sang sảng nói lên: *“Chúng ta không thể làm đuôi cho bất cứ một trào lưu đế quốc nào. Không trông lại tự mình, không coi mình là chủ thể là tự mình chối bỏ quyền chủ động của mình, là tự hãm mình vào vòng chi phối của người. Chúng ta không thể đem dân tộc, nòi giống ta đi làm lâu la cho bất cứ một cường quốc nào hết, không thể làm lâu la cho Nga, cho Tàu, cho Đức, cho Nhật hay cho Anh, Pháp, Mỹ được. Hỡi các vị lãnh tụ các đảng phái, hãy mau mau tỉnh ngộ, hãy chữa ngay cái bệnh thiếu máu và thiếu trí thức của cách mạng. Nhược bằng các vị vẫn chấp mê không tỉnh, không lấy quyền lợi sống còn của dân tộc đặt lên trên quyền lợi cá nhân, đảng phái, hậu quả sẽ ra sao? Một cuộc chia rẽ trầm trọng, một cuộc chém giết trong những người chính lại là anh em cùng chung máu mủ. Trái lại chúng ta cũng không chấp nhận một dung tục quốc gia chủ nghĩa nào, một thứ chauvinisme là đi vào con đường tự tử.”*

Lời kêu gọi trên, mạnh bạo, đầy nhiệt huyết là của một thanh niên cách mạng Việt vào năm 1937, lúc ấy mới chưa đầy 17 tuổi đời, nhưng đã là lãnh tụ của một nhóm thanh niên yêu nước, đang chuẩn bị hình thành một đảng cách mạng. Đảng cách mạng ấy sau này trở thành Đảng Việt Duy Dân và người thanh niên ấy được mọi người tín nhiệm cử làm Thư Ký Trưởng của đảng với bí danh là Thái Dịch - Lý Đông A, và cũng là người sáng tạo ra chủ nghĩa cách mạng độc đáo và tuyệt vời cho công cuộc cứu nước, tồn chúng, tức chủ nghĩa Duy Dân.

B. Vài dòng tiểu sử

Người thanh niên trẻ tuổi ấy tên thực là Nguyễn Hữu Thanh, sinh ngày 01 tháng 11 giờ Mùi năm Canh Thân, tức ngày 10-12-1920 tại làng Bối Cầu, tục gọi làng Vối thuộc xã Yên Tập, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ông thân sinh anh Thanh là một nhà nho lỗi thời, ông sống vào thời mà văn hóa Việt Pháp đang trên đường thỏa hiệp, song ông vẫn giữ thái độ cự tuyệt. Bà thân sinh ra Thanh là một mẫu mực điển hình của các bà vợ Việt ở thời đại ấy: lam lũ, chân lấm tay bùn vất vả suốt ngày tháng để thờ chồng nuôi con. Nơi chôn nhau cắt rốn của Thanh, theo giải thích của một số người ưa nghiên cứu môn địa lý học Đông phương, vẫn là nơi sản sinh ra nhiều nhân vật văn học. Nguyễn Khuyến,

người mà trong văn học Việt Nam thường gọi là Tam Nguyên Yên Đỗ, cũng sinh ra trong miền này: Xã Yên Đỗ, tục gọi là làng Và (Vị Hạ) là xã kế cận của xã Yên Tập.

Nhưng không ai ngờ ở miền này lại có thể sản sinh ra một thánh nhân, một kỳ tài tuổi đời còn non trẻ mà đã tập đại thành được tư tưởng Đông Tây kim cổ, lại *“tiếp thụ của lịch sử di sản 5000 năm bồi đắp nên, diễn tiến ra bằng tất cả mồ hôi, nước mắt, máu mủ, xương thịt của tổ tiên, thông qua dân tộc tính, tình, chí, tu dưỡng mà thành tựu được sự nghiệp phi thường là chủ nghĩa Duy Dân, một chủ nghĩa của nòi giống Việt, cứu dân tộc và cứu nhân loại.”*

*“Mây lành hiện vẻ cát xây ngai
Điềm phá ai người dễ biết ai?”
(Bạch Vân Đàn Họa)*

Các cụ già trong vùng Nam Ninh thường kể lại rằng mùa Thu năm Canh Thân, mây ngũ sắc kết tụ trên vòm trời dãy Trường An và cũng vào năm ấy, động cát đùn, đùn cát xây thành cái ngai, do đó mới có tin đồn “điềm chân chúa ra đời”, và báo hiệu triều Nguyễn cáo chung. Điềm triều Nguyễn cáo chung thì đã rõ rồi, nhưng điềm chân chúa ứng vào ai thì có ai biết được, và đúng hay không đúng. Chỉ biết cha mẹ cậu nhỏ Nguyễn Hữu Thanh rất mừng khi nhận thấy con càng lớn càng thêm đỉnh ngộ.

Rất ít người biết Thanh ở tuổi thơ ấu, trừ mấy người thân trong họ mà sau này là những đảng viên Duy Dân. Lên 3 tuổi, Thanh đã đọc, viết thông thạo chữ quốc ngữ và học được nhiều Hán tự do cha Thanh giảng dạy. Năm lên 4 tuổi, thấy Thanh thông minh ngoài sức tưởng tượng, cha Thanh bèn nhờ một người cháu họ, đã lớn tuổi vốn là thầy đồ - thầy đồ Khuê – kèm cho Thanh học. Ông đồ Khuê kể lại: “Anh ấy thực là một thần đồng, trong vòng 8 tháng, anh ấy học hết chữ của tôi. Anh ấy tự tìm lấy trong tủ sách gia đình những sách để đọc, đọc đủ mọi thứ triết học, văn chương, binh pháp v.v...”

Lên 5 tuổi, Thanh học Pháp văn để thi vào lớp năm cấp tiểu học (ngày nay gọi là lớp một) ở tỉnh lỵ Hà Nam (Phủ Lý). Cấp tiểu học bấy giờ là hệ 5 năm. Người Pháp hạn chế giáo dục cho nên cả tỉnh Hà Nam chỉ có một trường tiểu học Phủ Lý. Các môn học giảng dạy toàn bằng Pháp ngữ. Thanh học rất xuất sắc, niên khóa nào cũng được xếp đầu lớp, được tuyên dương là học sinh giỏi và mẫu mực của trường. Về môn Pháp văn thực là đặc biệt. Thanh viết văn Pháp không mắc một lỗi. Ông thầy dạy, vào dịp phát thưởng cuối năm khen anh hết lời, ông nói: “Trong đời dạy học của tôi, chưa có một học sinh nào viết Pháp văn hay như Thanh”.

Một bạn học của Thanh ở trường Phủ Lý, nổi tiếng thông minh trong giới học sinh ở Hà Nội, mới học hết lớp quatrième année (lớp 9 bây giờ) mà đã thi đậu tú tài Pháp cả hai

ban triết và toán, khi được hỏi về Thanh, đã cho biết: “Thằng cha ấy có bộ óc kỳ lạ. Nếu nước ta có trường thần đồng, ắt hẳn có thể nuốt 4 chương trình trong một niên khóa”.

Sau khi tốt nghiệp bằng Cơ Thủy (certificat d'étude primaire Franco-indigène), Thanh thừa sức thi vào trường trung học Pháp (Lycée Albert Sarraut) hay trường trung học bảo hộ (trường Bưởi), hai trường này được coi là “đất hứa” của học sinh toàn quốc thời bấy giờ, bởi vì sau khi tốt nghiệp ở hai trường này, cửa học thên thang mở rộng để họ bước vào đại học hay các trường cao đẳng.

Thanh không có ý tham dự kỳ thi tuyển vào hai trường đó. Anh đâu muốn “lập thân hèn mạt” bằng văn chương. Anh lên Hà Nội cốt để tìm sách đọc ở Trung Ương Thư Viện và thư viện Viễn Đông Bác Cổ học viện. “*Thanh niên chi kế tại ư xuân*”, lúc thanh niên chính là lúc mình lập chí. Mới 12 tuổi đời, Thanh đã tự nguyện theo gót các nhà cách mạng tiền bối, hiến trọn thân mình cho việc cứu dân, cứu nước. Lòng ái quốc chưa đủ, bởi vì lòng yêu nước của thanh niên nhiều khi bùng bột, sôi nổi, mù quáng cực đoan, làm lỡ cả việc quốc gia đại sự, nên anh quyết tâm nghiên cứu để đưa ra một học thuyết cách mạng dân tộc làm phương châm chỉ đạo cho sự nghiệp cách mạng của anh. Chỉ có thư viện mới giúp anh đạt được chí nguyện.

Thanh trú ngụ tại phố Sinh Từ, tối đi kèm trẻ tư gia, suốt ngày ở thư viện. Anh nhờ một người bạn lớn tuổi cùng trọ một nhà, dẫn anh vào thư viện và mượn những sách anh cần coi. Một số học sinh và sinh viên nhận thấy Thanh nhỏ xúu mà lại rất siêng năng lui tới thư viện, tò mò ngồi cùng bàn để xem anh đọc những loại sách nào. Do đó Thanh làm quen với nhiều bạn mới. Việc mượn sách thư viện không còn khó khăn nữa.

Anh đọc đủ loại: khoa học, toán học, triết học, sử địa, chính trị, kinh tế, xã hội, văn nghệ..., ngay cả những loại sách về thiên văn, địa chất, kiến trúc, cổ sử Hy Lạp, La Mã, văn minh Incas anh cũng chẳng bỏ qua.

Anh coi rất nhanh, có những bộ sách chỉ coi bảng mục lục rồi lướt qua các trang mà vẫn nắm được nội dung. Thư viện trung ương không đủ tài liệu về sử Việt, nhất là phần luận về nguồn gốc nòi giống, anh phải tìm vào Viễn Đông Bác Cổ học viện, hy vọng nơi đây có đủ tài liệu có thể giải đáp những thắc mắc chứa trong đầu anh.

Thanh quan sát những di vật đào được từ đồ đá đẽo, đồ đá mài, đồ đồng, đồ gốm, các vũ khí cổ trưng bày trong phòng lớn của viện bảo tàng. Anh tìm đọc những sách của các nhà bác học khảo cứu về văn minh Bắc Sơn, Đông Sơn, giải thích về sự hiện diện của giống nòi Việt trên lưu vực sông Hồng và sông Mã. Một số nhà bác học Pháp cho rằng nòi giống Việt từ Triết Giang, Trung Hoa, di cư xuống vào thời kỳ có sự phân tán Bách Việt vào khoảng năm 333 trước công nguyên.

Thanh không được thỏa mãn với những giả thuyết nói trên. Sự thực là nòi giống Việt có một lịch sử lâu đời hơn: nòi giống đã có một nền văn minh. Anh tự hứa phải tìm hiểu cái lịch sử lâu đời ấy, cái văn minh ấy. Lại cuộc đấu tranh của tổ tiên ra sao? Thành bại ra sao? Đấu tranh sắt máu với những loài nào, trên địa bàn nào, nòi giống còn di lưu những gì? Chúng ta phải tập trung kiến thức vào một cách nhìn lịch sử của nòi giống ta, mới có một giải thích xác đáng những di tích hiện khai quật được, từ những cái hữu hình đến cái vô hình, từ những sử liệu thành văn đến những sử liệu bất thành văn.

Muốn mưu đồ sự nghiệp cứu quốc, tồn chủng, chúng ta phải tìm hiểu gốc tích của nòi giống, chúng ta phải tiếp thu được cái di tích của tổ tiên không lời mà đủ vẻ, phải hiểu đời sống, cách sống của cha ông ra sao, trải qua bao nhiêu gian nan, khổ ải mà mục đích trung tâm là tranh đấu cho con cháu sống còn và tiến hóa. Một nhà văn hào tây phương, bà Stael nói: *“Một dân tộc có một lịch sử càng lâu đời bao nhiêu, thì tương lai của dân tộc đó cũng đi xa bấy nhiêu”*. Sức sống của chúng ta chính là sức tiềm tàng tích lũy của bao thế hệ đã qua đó, vạch ra được một lộ tuyến chính trị đứng đắn, cần phải hiểu cái nền tảng xã hội ta ngày nay, với tất cả các điều kiện văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội, không để cho chúng ta, trong con đường quốc tế tương lai, bắt chước những chủ nghĩa ngoại lai được.

Cuối năm 1934, Thanh dọn nhà từ phố Sinh Từ đến sống chung với mấy người bạn ở đường Bờ Sông (Quai Clémenceau) cho tiện đường đến Viễn Đông Bác Cổ học viện. Mấy người này đều lớn hơn anh ba bốn tuổi, nhưng lại rất nể phục anh về tư cách, về lòng yêu nước, về kiến thức uyên bác của anh. Nhiều thanh niên hay lui tới căn gác trọ này, nghe nói Thanh không học hành theo kiểu chính quy trường lớp, song sự hiểu biết rất rộng, rất cao, nên thường tìm dịp để trắc nghiệm thực học của anh. Họ đem những bài toán khó thuộc lớp cuối trung học ra nhờ anh giải dùm hoặc họ đem những vấn đề triết, sử ra hỏi, hoặc những sự việc họ chưa tiếp thu được hết những lời giảng của giáo sư ở lớp học. Có người lại nêu cả những vấn đề chính trị, thời sự để dò xét sự hiểu biết và những quan điểm của anh.

Đối với những bạn thực tâm cầu học, anh chỉ dẫn kỹ càng, giảng giải như một giáo sư thực thụ. Còn đối với người thử học vấn của anh, anh rất ít nói. Anh giải thích thái độ hững hờ của anh: “thanh niên vốn hay hiếu thắng, lại thường cho tư tưởng của mình là đúng, ý kiến của mình là hay. Họ đã không thực tâm tìm chân lý, hà tất mình phải mất công hùng biện vô bổ làm chi”.

Trong đầu thập niên 1930, sau khi đập tan được cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Pháp bắt đầu thay đổi ít nhiều chính sách cai trị. Họ cảm thấy lo âu cho tương lai của chế độ thực dân. Nhận thấy giai tầng trí thức vẫn là giới lãnh đạo các cuộc chống đối nên họ mở thêm các trường cao đẳng, để sau khi các sinh viên tốt nghiệp

được tuyển vào các ngành cai trị mà chức vụ xưa nay vẫn do người Pháp nắm giữ. Mơ ước của đa số thanh niên thời ấy là làm quan, làm biên tập viên, kiểm soát viên v.v..., lương cao bổng hậu. Một thiểu số trí thức cảm thấy cái nhục của dân vong quốc, không muốn uốn gối khom lưng, tìm sinh sống bằng nghề tự do, mà nghề tự do ưa thích nhất là nghề dạy học ở các tư thực. Tư thực là một môi trường để họ bước vào cách mạng. Song cách mạng có trăm đường vạn nẻo, biết theo ngả nào cho khỏi sai đường lạc lối?!

Đành rằng, bọn chỉ biết vinh thân phì da, bất cần đến chuyện thương nước thương nòi là đáng khinh bỉ, những thanh niên có tinh thần bất khuất kia cũng không phải không đáng chê trách. Ôm bầu nhiệt huyết, nhập vào hàng ngũ cách mạng mà cách mạng không có nghiên cứu, tất kiến giải cách mạng của họ không nền tảng mà chẳng bờ bến, do đó mới có sự chia rẽ về lý luận cách mạng. Chia rẽ bao giờ cũng có hậu quả đau đớn cho dân tộc, nhất là dân tộc đó đang ở thời kỳ cần có sự vận động toàn dân đứng dậy tranh đòi lấy độc lập.

Chương II

“Đầu xanh học làm thánh”

A. Đầu xanh học làm thánh

Trong giới lãnh tụ cách mạng nước ta ở thời kỳ này, Thanh tuổi nhỏ nhất, thế mà đại chí của anh lại vô cùng vĩ đại. Có thể diễn tả đại chí của anh qua bốn câu thơ sau:

*Đầu xanh học làm thánh
Được cả học làm vương
Vì muôn sinh chấp mệnh
Cho toại chí mười phương.*
([Thánh Đồng Ngâm](#))

Người xưa có nói: “*Thánh cũng chỉ là người, nhưng đẩy mới thực là người*”. Cũng như Thiệu Tử nói: “*Biết thì ai cũng biết, nhưng biết chân thực mới là biết*”.

Từ năm 12 tuổi, Thanh vui đầu trong thư viện cầm cúi tìm tòi học hiểu, mục đích tìm cái biết chân thực, nghĩa là tìm lẽ phải, lẽ thực và lẽ sống của con người. Tuy nhiên không phải một sớm một chiều Thanh thức ngộ ngay được lẽ thực, lẽ phải và lẽ sống, tư tưởng Duy Dân bàng bạc trong đầu anh, nhưng chưa kết thành hệ thống.

Trường hợp anh đạt tới cái biết chân thực kia ra sao, rất ít người được nghe anh kể.

Vào năm 1936, Thanh thường lui tới chùa Quán Sứ, đường Richaud, gần nhà Đấu Xảo Hà Nội. Một số cư sĩ và tu sĩ thấy Thanh tuổi còn quá trẻ mà lại học rộng biết nhiều nên rất mến anh, vì thế sau này đảng Duy Dân có nhiều đảng viên và cảm tình viên trong giới Phật giáo.

Do sự giới thiệu của một lão cư sĩ, Thanh lên viếng chùa Yên Tử thuộc tỉnh Quảng Yên (ngày nay là Quảng Ninh) xin yết kiến vị cao tăng trụ trì, vị cao tăng này đạo pháp rất uyên thâm. Vừa gặp anh, sư đã có thiện cảm với anh ngay. Sư ngỏ ý muốn lưu giữ anh ở lại chùa một thời gian, có lẽ vì sư nhận thấy anh sức khỏe quá tồi tệ, nhận thấy anh có kiến thức Phật học cao thâm, nên muốn có người đàm đạo. Hơn một tháng anh sống tại chùa, sư lo thuốc thang cho anh, bồi dưỡng cơ thể cho anh và sáng nào sư cũng cùng anh dùng trà và đàm luận.

Rồi một hôm anh ngã bệnh, nằm liệt tại giường, anh miên man nghĩ ngợi. Thời cuộc thế giới sắp tới chắc sẽ có biến loạn lớn lao. Chiến tranh đem lại chết chóc và đau thương cho nhân loại, trái lại cũng đem đến cho các dân tộc nhược tiểu một cơ hội có một không hai, ngõ hầu họ đồng loạt đứng lên giải phóng đất nước họ khỏi sự thống trị của

các đế quốc. Rồi lại nghĩ tới thân phận nước nòi mình, thân phận của cả loài người sống bấp bênh trong cơn lốc, anh thấy anh cần phải vạch ra một con đường cứu quốc và cứu thế. Nhất định phải có một chủ nghĩa cứu quốc và cứu thế ra đời, dân tộc Việt mới mong được cứu vớt, nhân loại mới mong ổn định.

Ba ngày nằm trên giường bệnh là một cơ hội để anh duyệt lại toàn bộ các quan điểm triết học, đạo học, khoa học và sử học. Rồi anh đem tổng hợp những kiến thức về nhân loại khoa học, nguyên thủy sử và sử học, tất cả những vốn liếng thực sâu sắc và phong phú rất cần thiết cho việc anh đang suy tư để tìm đường Đạo. Có lúc ào ạt như thác đổ đầu nguồn, có lúc cuồn cuộn như nước lũ sông Hồng chảy xiết ra Đông Hải.

Có một sự thực mà ai cũng phải công nhận, đó là loài người đã được sống từ trước tới nay và còn được sống đến mãi mãi ngày mai.

“Loài người lại sống có xương, có thịt và rất có cơ năng, lịch sử xiết bao linh động, tuyệt không thể đem những luật tắc riêng biệt trong tự nhiên thuần túy và trong tinh thần thuần túy ra làm thẳng mực bắt lịch sử loài người uốn theo”.

(Tuyên Ngôn Duy Dân Học Xã)

Cho nên phải tu chỉnh lại hết các trào lưu triết học cũ sai lầm và hẹp nghĩa, các triết học duy tâm, duy vật, duy sinh mà từ trước đến nay vẫn được coi là đệ nhất lưu của triết học. Phải tu chỉnh các tiền đề và lý tắc của nó, những tiền đề này được đẩy lên siêu hình và lại đem những luật tắc siêu hình chụp lên đầu lên cổ loài người.

“Làm gì có một đời sống loài người thuần túy duy tâm, duy vật, hay duy sinh trên lý luận của các triết học này. Sự thực là sự thực của loài người sống theo phương châm, phương thức và phương pháp của loài người trong vũ trụ, sự thực là trên nền tảng loài người và vận động của lịch sử loài người. Duy tâm, duy vật với duy sinh chỉ là những điều kiện và phạm trù tự nhiên thẩm thấu vào hoạt động đó.”

“Duy tâm, duy vật với duy sinh phát sinh ra ở cái giác ngộ ấu trĩ của loài người trên tiến trình sinh hoạt, nó phát sinh ở cái tìm tòi của loài người một y quy vũ trụ của tinh thần trên quá trình khám phá và khai quật vũ trụ làm để uẩn cho sống còn. Nó phát sinh dưới cái điều kiện của loài người đang vật lộn, chưa choãi nổi ra khỏi cái trói buộc tinh thần của vũ trụ quan.”

(Những Quan Điểm Chính Thống Của Triết Học Duy Dân).

Trong giờ phút căng go của đêm hôm ấy, đêm thứ ba kể từ ngày anh thọ bệnh, anh kể lại như sau: “Thoạt tối tôi ngồi dậy tĩnh tọa, vào khoảng nửa đêm, trong phòng tối đen như mực, mà sao tôi trông rõ mọi vật chung quanh. Nhiều cảnh tượng, nhiều hình ảnh vụt

qua, diễn qua trước mắt tôi. Tác động của tâm linh hay của thức giác bị đột ngột kích động. Tôi chợt thức ngộ cái đại biện chứng tung hợp, làm tiêu chuẩn cho sự khám phá ra chân lý, **chân lý tuyệt đối Duy Nhân Nhất nguyên trên Nhân loại quan, chân lý Duy Dân Đa nguyên trên Chính trị quan và chân lý Duy Nhiên Vô nguyên trên Vũ trụ quan**. Nhiệt độ trên đầu tôi giảm dần. Tôi thấy trong người tôi khỏe khoắn, hết bệnh, tinh thần sáng khoái. Tôi đứng dậy đi lại trong phòng nhiều vòng. Một hệ thống tư tưởng hình thành trong đầu óc tôi thông suốt, nhất quán không còn mảy may vướng mắc.”

Nói về sự giác ngộ trên, sau này anh viết: “Bây giờ ta mới chân thực hiểu thế nào là Sinh Tri. Sinh Tri chẳng phải là nghiêm ngặt và ấu trĩ dè dặt đã biết, biết từ mới dè. Sinh tri là trí tuệ tự sinh, sinh ngay bằng sự bừng nở của trí tuệ. Với sự bừng nở ấy từ nay sẽ ‘chấm hết câu hưng phế cựu văn chương’.” (Ái Hoa – Sử Hồn).

Mười bữa sau, Thanh cáo biệt vị cao tăng. Đại sư tiễn anh xuống núi, cầm tay anh dặn dò: “Thí chủ còn nhớ lời bần tăng nói với thí chủ khi thí chủ xin thí phát không? Thí chủ không có duyên với nâu sùng kinh kệ, thí chủ còn nặng nợ với nước non. Bần tăng biết thí chủ đã đạt được thành tựu lớn lao ở ngay tại ngôi chùa này. Đó là một vinh dự cho đất nước và cho cả ngôi chùa này. Hãy mang tài trí ấy ra phục vụ cho dân tộc, nòi giống và loài người. Trong bước đường đầy chông gai, hiểm hóc, hãy luôn luôn đề phòng cạm bẫy mà gìn giữ lấy thân mệnh. Đừng khinh xuất mà để hận cho non sông. Chúc thí chủ chóng công thành danh toại. Sớm được như vậy, cái duyên tái ngộ vẫn còn.

B. Những sáng tác của Lý Đông A

Thanh từ biệt vị Đại sư trong dạ buồn vui. Về tới Hà Nội, Thanh đến thẳng chùa Quán Sứ, rồi về quán trọ đường Bờ Sông, bắt tay ngay vào việc viết chủ nghĩa Duy Dân. Khởi đầu anh vẽ những đồ hình gọi là Duy Dân Đồ Hình cũng giống như tuyến mục (chaine logique) của Duy Dân Chủ Nghĩa.

Toàn thể bộ chủ nghĩa Duy Dân (DD) chia thành pho, bộ, tập, chương, mục (mục nhỏ và mục lớn, mục lớn còn gọi là bộ).

1. Đại Việt Mô

Là Duy Dân (DD) Chủ Nghĩa Đại Cương Thảo Án Toàn Pho, còn gọi là Phương Án Duy Dân hay **Đại Việt Mô**. Đại Việt Mô gồm bảy bộ: **Mở Quyền**, Tổ Đảng, **Lập Học**, **Thiết Giáo**, Kiến Quốc, Đồng Nhân và Giới Thiệu¹.

¹ Tài liệu “Giới Thiệu” hiện đã bị thất lạc.

Bộ Tổ Đảng có 12 tập: Đảng Sách, Đảng Lược, Đảng Cơ, Đảng Công, Đảng Quy, Đảng Chế, Đảng Chiến, Đảng Quân Chính, Giáo Vận (tức cương lĩnh tuyên truyền), Cán Huấn, Đảng Huấn.

Bộ Kiến Quốc còn vĩ đại hơn bộ Tổ Đảng, gồm: [Duy Nhân Cường Thường](#), Cơ Năng Hiến Pháp, [Bình Sản Kinh Tế](#), Kiến Quốc Nghiệp Vụ, Kiến Quân Nghiệp Vụ v.v...

2. Đại Việt Huấn

Là pho thứ hai gồm Huấn Dục, Huấn Cáo, Huấn Phương.

Bộ Huấn Dục bao gồm những nguyên tắc và phương pháp để mỗi đảng viên DD tu dưỡng tính, tâm, thân, mệnh của mình.

Bộ Huấn Phương gồm những phương châm học hỏi đào luyện cho đảng viên, ngõ hầu có đủ tư cách, kiến thức xây dựng một văn minh mới ở thời đại mới.

Bộ Huấn Cáo là bộ [Chu Tri Lục](#). Đó là những chỉ thị gửi cho đảng viên để các đảng viên tự đào tạo cho mình có một lý luận, có một phương hướng trên đấu tranh cách mạng. Bộ Huấn Cáo tức là bộ chủ nghĩa DD rất ngắn gọn trong 10 tập, mỗi tập có 9 quan điểm, cho nên mới có câu thơ:

*“Chín mươi huấn cáo quý thần khố
Mười vạn quy mô thù địch tiêu.”*

Mười vạn quy mô tức mười vạn quan điểm kiến quốc.

3. Đại Việt Nhã

Là pho thứ ba của chủ nghĩa DD, trong đó có những bài tiểu văn, tiểu luận, thi, ca, nhạc, kịch...

Quyển Huyết Hoa² xuất bản năm 1969 ở Sài Gòn; tập thơ [Đạo Trường Ngâm](#) xuất bản lần thứ nhất ở Hà Nội năm 1945, tái bản 1968 ở Sài Gòn. Tất cả các tác phẩm kể trên

² Quyển Huyết Hoa lấy tựa từ tiểu luận “Huyết Hoa” của Lý Đông A, xuất bản tại Sài Gòn năm 1969, cũng trùng tên với một bài thơ của ông. Để tránh sự trùng hợp này, Học Hội Thăng Nghĩa (HHTN) đã đặt lại tựa là “[Tiểu Luận Thăng Nghĩa](#)” khi đưa lên trang nhà [Thăng Nghĩa Lý Đông A](#) tháng 5 năm 2020.

đều ký bút danh Thái Dịch - Lý Đông A, kèm theo năm tháng tính theo lịch Việt. Thí dụ tác phẩm ghi tháng 3 năm 4822 tuổi Việt, tính theo dương lịch là tháng 3 năm 1943.

Kịch có hai bản: Hội nghị Postdam và Hội nghị San Francisco khai sinh ra Liên Hiệp Quốc.

Thái Dịch không thông thạo về nhạc nên anh chỉ soạn lời. Phổ nhạc là do các nhạc sĩ đảng viên như Thái Hòa hoặc do các nhạc sĩ có cảm tình với đảng DD như bản “Cơ Cánh” và bản “Xích Long Vệ” do nhạc sĩ Văn Cao, bản “Bách Việt Ca” do nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc.

Về mặt hội họa, Thái Dịch Lý Đông A đề ra một số nguyên tắc chỉ đạo làm phương châm cho các họa sĩ. Anh viết: *“Kinh nghiệm của Edison cho chúng ta hay rằng, lời nói, câu văn dù sao cũng không mô tả hết ý của người ta. Sự truyền bá chủ nghĩa DD rất thâm cao, muốn cho được phổ biến và thâm nhập toàn dân, muốn cho được chấp nhận, một cách khoái trá và nhẹ nhàng phải phát tiết bằng hội họa và biểu hiện.”*

Về mặt kiến trúc, không ai có thể ngờ Thái Dịch lại có hiểu biết cao độ, thâm sâu và độc đáo như vậy. Sau một buổi tiếp xúc với các đồng chí trong tổ kiến trúc, anh có gửi cho họ 3 bức thư: bức thứ nhất nói về triết học của kiến trúc, bức thứ hai nói về kiến trúc với dân sinh, bức thứ ba nói về kiến trúc với quốc phòng. Trong non một trăm trang đánh máy, họ hết sức ngạc nhiên và khâm phục sự hiểu biết uyên bác của anh. Họ học được ở đây nhiều bài học quý báu không riêng gì về bản thân kiến trúc mà còn cả kiến trúc liên quan tới quốc phòng, kinh tế và môi sinh.

Đồng chí Thái Khanh giữ ba bức thư ấy. Bản thảo được Thái Dịch xếp vào trong tập Thái Dịch Bí Thư. Ngoài ba pho Mô, Huấn, Nhã, Thái Dịch viết 4 bản tuyên ngôn:

- [Tuyên Ngôn](#) ngày thành lập Tổng Đảng Bộ.
- [Bị Vong Lục](#) ngỏ cùng toàn thể các Đảng phái, Nhân sĩ, Đồng chí và Đồng bào Việt.
- Việt Duy Dân Đảng [thanh minh cùng giòng giống Trăm Việt](#) trong cõi và ngoài cõi.
- [Tuyên Ngôn của Duy Dân Học Xã](#) (trong đó Thái Dịch trình bày về nền học thuật mới của dân tộc).

Qua bốn bản tuyên ngôn, người đọc nhận thức ngay được lập trường dân tộc đứng đắn, có nghiên cứu, và lộ tuyến chính trị có lịch sử chứng minh. Thái Dịch còn phác

họa công cuộc kiến thiết quốc gia dân tộc sau khi thu hồi độc lập, một công cuộc vĩ đại, toàn diện, triệt để, hướng thượng trên mọi mặt chủng tộc, chính trị, kinh tế, văn hóa... Một chương trình 30 năm xây dựng đất nước làm nền tảng cho 500 năm tiến hóa của nòi giống.

Chủ trương Cùng Sống và Giúp Tiến đối với các dân tộc nhỏ bé trong vùng là một sách lược đấu tranh đi đôi với cuộc vận động thành lập cộng đồng các nước vùng Đông Nam Á châu Thái Bình Dương mà Thái Dịch gọi là Liên Bang Đại Nam Hải Cộng Hòa.

Độc giả còn nhận thức được ở bốn bản tuyên ngôn việc cứu quốc tồn chủng không phải bằng vài khẩu hiệu rỗng tuếch như độc lập, tự do, dân chủ, hạnh phúc, bác ái v.v... mà thực hiện được, cũng như những cương lĩnh chính trị vụn vặt, chấp vá, hay những chủ nghĩa sai hỏng, lỗi thời vay mượn của nước ngoài mà cứu được nước, trái lại chỉ làm hại nước mà thôi.

Sau hết, những tác phẩm không được phổ biến hay chưa được phổ biến nằm trong “Thái Dịch Bí Thư”, không mấy đảng viên biết tới tập sách này, nói chi đến việc được đọc. “Cấm ngặt các đồng chí đảng viên mở tập này”, đó là dòng chữ viết ngay trên bìa tập sách, cho nên Thái Dịch Bí Thư chỉ có một bản thảo, tuyệt không có bản sao nào cả.

Thái Dịch Bí Thư gồm 3 tập: Tập thứ nhất là phần chính, có thể nói nó là phần chỉ đạo cho mọi công tác cách mạng và kiến thiết DD. Nó là chìa khóa của công việc tiến hành cách mạng và kiến quốc.

Tập thứ hai là bộ biên khảo về nguồn gốc của nòi giống và văn hóa Môn. Nhan đề của tập sách này là Văn Hóa Môn toàn bộ. Thái Dịch còn diễn tả bộ này dưới hình thức thơ, thể lục bát dài ba ngàn câu.

Tập thứ ba là bộ Thái Dịch Bình Thư. Gọi là Thái Dịch Bình Thư vì chính thực là tập sách sở đắc của Trần Hưng Đạo, nhan đề là “Hưng Đạo Di Thư” do Thái Dịch chú giải và bình luận. Tập sách này thất truyền từ thời Minh thuộc, khi nhà Minh sang nước ta thu hết các sách vở của ta đem đốt đi hoặc đem về Tàu. Hưng Đạo Di Thư là báu vật đệ nhất của dân tộc sao không khỏi bị chiếm đoạt.

Thái Dịch sưu tầm được tập này trong trường hợp nào, thực là một thiếu sót khi đã không hỏi anh về việc đó. Có thể anh tìm được trong dân gian vì vẫn có người cất

dấu được, cũng có thể anh sưu tầm được trong thời kỳ anh sống lưu vong ở Trung Quốc. Nhiều sách vở ở thư viện Nam Kinh, Thượng Hải được di chuyển về Trùng Khánh, Trường Sa, Liễu Châu.

Tập Hưng Đạo Di Thư vốn vẹn có 300 chữ Hán, nhưng theo Thái Dịch, giá trị của nó còn vượt xa bất cứ một cuốn binh thư Đông Tây kim cổ nào.

Anh nói với một số đồng chí: “*Các anh hãy đọc Lục Thao Tam lược, Tôn Ngô Bình Pháp, Chiến Tranh Luận của Clausewitz. Các anh đọc thêm cả các bút ký của Napoléon, của Foch, Joffre mà tôi thấy bày bán ở hiệu sách Taupin, rồi tôi sẽ hướng dẫn các anh đọc Hưng Đạo Di Thư.*”

Nếu Thái Dịch Bí Thư được gìn giữ mật thì Thái Dịch Ngoại Thư được truyền bá rộng rãi. Mục đích của Thái Dịch Ngoại Thư là giúp cho các đảng viên Duy Dân hoặc kém trình độ văn hóa, hoặc không có thì giờ đọc sách ngoài có thể thông hiểu các thể hệ văn minh thế giới, có thể nắm được, giữ được những công cụ và vũ khí tinh thần mọi mặt, mọi từng, mọi nước, có thể vận dụng các tư trào chủ nghĩa thế giới.

Những tập như Âm Dương Học tiêu biểu cho văn hóa Trung Hoa, Nhân Minh Học của Ấn Độ, những tập luận về Fascism, Nazism, những tập tóm lược các quốc sách của Đông Kinh, Luân Đôn, Hoa Thịnh Đốn... đều được các đảng viên Duy Dân truyền tay nhau chép và nghiên cứu.

Thái Dịch khởi đầu viết chủ nghĩa Duy Dân vào năm 1937 và hoàn tất vào 1944, nghĩa là phải mất 8 năm trời. Toàn bộ, nếu đem xuất bản, số trang có thể lên tới vài ba chục ngàn trang.

Từ giữa năm 1944 trở về sau, anh viết rất ít. Anh chỉ còn sáng tác một số bài thơ tùy theo cảm xúc mới đến với anh.

Những bài viết trong Thời Cực Thông Cáo, phát hành hàng tuần, in ronéo trên loại giấy bản do Thái Dịch viết. Đây là những bài bình luận thời cuộc mà các đảng viên DD dễ tiếp nhận nhất. Nhờ những bình luận này, họ học tập được phương pháp phân tích thời cuộc rất độc đáo, vừa khách quan vừa chính xác. Khẩu hiệu tuyên truyền của DD là: *Tuyên truyền phải có tác dụng giáo dục. Tuyên truyền không phải là lòe bịp quần chúng.* Do đó các đảng viên DD không mê hoặc ai và cũng không một ai bị mê hoặc bởi một xảo thuật tuyên truyền của các thế lực đang theo đuôi các cường quốc.

Cũng theo thể thức truyền bá tư tưởng bằng cách thẩm thấu, Thái Dịch viết những bài Huấn Thoại (tức loại tâm thư) nhắc nhở anh em phải tuân theo triệt để những điều mà anh cho là không thể không có được ở bất cứ một đảng viên cách mạng DD nào, đó là phong cách, đạo đức cách mạng DD. Anh viết: *“Phong cách của mỗi anh, mỗi chị là Đảng cách. Đảng cách là quốc cách sau này. Các anh, các chị hãy giữ chặt lấy sở trường của các anh, các chị, vì bỏ nó đi các anh, các chị không còn có gì nữa hết...”* Cái sở trường ấy là lý luận DD, tác phong của đảng viên DD. Văn của anh viết đã hay lại rất truyền cảm. Các đồng chí DD không quên được anh, một phần lớn chính là những bản huấn thoại này hơn là những tài liệu vừa cao lại vừa khó tiếp thu.

Mấy chục ngàn trang sách viết trong 8 năm, thực là một sự nghiệp vĩ đại không mấy nhà tư tưởng cổ kim vượt được anh. Anh đâu có điều kiện tốt đẹp, sống trong một tháp ngà để chuyên sáng tác. Anh phải lo dạy học, lo sinh sống. Anh phải lo mọi công việc của một chiến sĩ cách mạng, nhất là từ ngày anh được tin nhiệm lãnh đạo Đảng Duy Dân. Anh phải xuôi ngược lo cơm áo cho anh em, những anh em nghèo dùng hết thì giờ hoạt động cho đảng. Anh lo huấn luyện, lo đôn đốc công tác, lo đủ thứ việc. Giải quyết hết các việc ấy anh mới ngồi vào bàn viết.

Có người hỏi tại sao anh có thể sáng tác nhiều như vậy trong một thời gian mà anh còn phải tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn chống Pháp, anh còn phải lưu vong sống ở Trung Quốc mất hai năm? Có gần anh, sống chung với anh mới hiểu được anh là thiên tài bậc nhất của thời đại. Chữ viết rất đẹp kể cả chữ Hán và anh viết rất nhanh. Tư tưởng anh chảy theo ngòi bút như gió cuốn mây bay. Thơ cũng như văn, anh viết một mạch, viết xong quẳng bút đứng dậy, không bao giờ phải sửa một chữ, một câu, và cũng không bao giờ anh đọc lại những trang đã viết. Cú pháp cũng như từ ngữ anh sử dụng độc đáo. Mới đọc thấy khó hiểu, nhưng càng đọc càng say mê, và mỗi lần đọc lại, lại hiểu thêm được ý nghĩa mới.

Chẳng thế mà anh tự hào: *“Nét tâm đan mở miệng có văn chương.”*

Như trên đã nói, trong một bối cảnh trang nghiêm và hùng vĩ của chùa Yên Tử, trong cái bối cảnh xã hội thế giới, xã hội Việt hỗn loạn và nhiễu nhương, Thái Dịch quyết tâm tìm một con đường giải thoát vĩnh viễn cho nhân loại và nòi giống Việt khỏi tai ương và khổ nạn, và anh đã thành công tìm ra được con đường ấy. Sau một phút giây mà đóa hoa nhân ái của lý tưởng Việt bừng nở trong trí tuệ anh, cái thành công ấy là một vinh dự không những cho riêng anh mà cho cả dân tộc Việt và cho cả

loài người. Anh đã trở thành Thánh, một vị thánh trẻ non chưa chẵn 16 tuổi đời. Thánh tức là một thiên tài mô phạm sáng tạo ra một chủ nghĩa diu dắt nòi giống và loài người đạt tới hạnh phúc, nghĩa là đạt được sự mãn thích chung nhân loại.

Trước hết anh sáng tạo ra một chủ nghĩa của nòi giống Việt, đúc kết nên do tiềm lưu của dòng sống máu Việt qua bao lớp tử vong. Lịch sử dân tộc cùng cái hình thể đất đai mà trên đó ta đang sống, cho phép chúng ta khẳng định rằng, dân tộc ta thời nay muốn sống thì phải cường thịnh, không thể nào chèo kéo nửa vời được. Cho nên chủ nghĩa Duy Dân “triệt để chủ trương một dân tộc cầu sống, được sống, đáng sống, sống bình đẳng, cộng tồn, cộng vinh, đồng qui ư tâm với nhân loại.” Anh lại “thể hội được văn minh Hồng Bàng và Lý-Trần, tiếp thu được lịch sử di sản, lịch sử bồi đắp nên, diễn tiến ra bằng tất cả mồ hôi, nước mắt, máu mủ, xương thịt của tổ tiên,” và dân tộc ta đã trải qua bao đời vinh quang và vùi dập. Sự kế thừa cái di sản của cha ông không có di chúc, truyền thừa y bát, mà do “thông suốt” cái sứ mệnh lịch sử ở một đêm giấc ngộ.

Lại dân tộc ta sức thừa độc lập, và cũng đã nhiều thời tạo được nhiều thành tích vinh quang, nhưng thực sự chưa bao giờ được uyên nguyên độc lập, nghĩa là độc lập trên tinh thần. Cái nô lệ tinh thần vẫn dai dẳng đè nặng lên đầu óc dân ta. Nếu trước kia, các hủ nho luôn luôn lái nhái ‘Khổng Tử viết’, ‘Mạnh tử viết’ thì sau thời văn hóa Đông Tây giao tiếp, phát sinh ra lớp người trí thức và bán trí thức, bọn trên mắc bệnh ngóng trông về phía trời Tây, bọn sau còn tệ hơn, mắt luôn hướng về chân trời Mạc Tư Khoa, miệng không ngớt tụng kinh Lénine và Karl Marx. Hệ lụy là mọi sáng kiến dân tộc đều bị bóp nghẹt.

Cho nên Thái Dịch Lý Đông A chủ trương triệt để “sáng tạo thành công một thể hệ văn hóa mới, sinh mệnh sự nghiệp mới, tân sinh khí lực đích sản bởi 5000 năm văn hóa, tiềm năng, tiềm lực, tiềm trí của dân tộc.”

Chủ nghĩa dân tộc mà anh đề xướng ra không phải là một chủ nghĩa dân tộc cực đoan, một thứ ưu việt chủ nghĩa lối Nazi, hay lối Hán tộc đế quốc thiên triều chủ nghĩa. Chủ nghĩa DD xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa nhân loại do anh tu chỉnh những cống hiến của các nhà tư tưởng Đông Tây kim cổ.

Trong cái đêm lịch sử của đời anh ở chùa Yên Tử, anh đưa tư duy anh trở lại lúc ban đầu thành lập xã hội nguyên thủy để tìm cái quan hệ bản nhiên nó làm cội gốc cho cương thường chính trung thể nào, và tìm xem cái nhân tính, nhân bản, nó làm nền tảng cho cái cội gốc đó, và anh đã phát hiện ra cái “xã hội tự tính” (société en soi).

Từ xã hội tự tính, anh lập định được cái cương thường nhân loại, tức Duy Nhân Cương Thường, anh kiến lập được *chủ nghĩa sinh mệnh, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa loài người*. Cương Thường ở đây không có nghĩa là tam cương ngũ thường, mà là *giềng mối quan hệ giữa người với người, giữa quốc gia với quốc gia, giữa người với xã hội...* Tất cả giềng mối đưa dắt loài người sống thực, sống đúng.

Chương III

“Được cả học làm vương”

Đại chí thứ nhất lúc đầu xanh học làm thánh, Lý Đông A đã đạt được, nhưng còn đại chí thứ hai, việc học làm vương thì ta có thể nói ngay: anh đã mất hết cả, mất gần hết cán bộ đảng viên ưu tú của anh, mất cả thân xác anh dưới bàn tay uế độc của bọn đồ tể mệnh danh ‘cách mạng’. Anh lại còn mất gần hết sự nghiệp tư tưởng mà anh đã dày công sáng tác suốt 8 năm trường, mất vào tay bọn xuẩn ngốc, dốt nát không có một chút ý thức nào về cái vô giá của những tác phẩm văn hóa, những báu vật của dân tộc. Vào cuối phần tiểu sử Lý Đông A, ta sẽ trở lại luận sự thành bại của anh. Bây giờ ta hãy tiếp tục thuật về đời hoạt động cách mạng của anh đã.

Anh tạm trú ở chùa Quán Sứ Hà Nội vào khoảng một tuần sau ngày xuống núi Yên Tử. Anh trở lại nhà trọ đường Quai Clémenceau để tìm gặp những bạn cũ. Quán trọ đường Bờ Sông cũng có một lịch sử như quán trọ ở ngõ Yên Thành phố Hàng Bún, nơi trú ngụ của một số lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng trước cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Nguyễn Thái Học, Đoàn Trần Nghiệp tức Ký Con thường hay lui tới đó bàn luận với Hồ Văn Mịch và một số đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng. Hai bà chủ trọ nấu cơm cho hai nhóm thanh niên ái quốc, tuy cách nhau trên thời gian 10 năm, nhưng cũng giống nhau ở lòng yêu nước. Hai bà trước sau đều hết lòng yểm trợ cho những hoạt động của họ.

Đảng cách mạng Duy Dân, trên quá trình thành lập cũng giống bất cứ một đảng cách mạng Việt nào, xuất phát từ một nhóm bạn bè thân nhau, sống chung với nhau ở một nhà trọ hay gần gũi nhau dưới một mái trường. Tiểu tổ hạch tâm đầu tiên họp ngày 15-9-1937. Thanh đứng ra tuyên thệ chịu trách nhiệm lãnh đạo Đảng Duy Dân, lấy bí danh là Thuần, bút danh là Thái Dịch – Lý Đông A. Các ủy viên khai sáng ngày nay hầu hết đã khuất như: Tu Long, Thái Kim, Việt Bằng, Hoài Nam, đồ Khuê. Đồng chí Nguyễn Duy Mỹ tức Tu Long bị Việt Minh cộng sản ám sát tại ấp Thái Hà gần nhà anh tạm trú vào tháng tư 1945. Đồng chí Việt Bằng bị giết ở Cao Bằng, cụ đồ Khuê chết bệnh năm 1946.

Ngay sau ngày thành lập cơ quan chỉ huy đảng, các ủy viên chia nhau đi những nơi nào mà họ có nhiều liên hệ, liên hệ gia đình, liên hệ bạn hữu để vận động thành lập cơ sở. Các cơ sở đầu tiên được xây dựng ở Lạng Sơn, Bắc Giang, Lục Nam, Kim Bảng (Hà Nam), Quỳnh Côi, Kiến Xương (Thái Bình) và Hà Nội. Theo tổ đảng, mỗi tiểu tổ gồm 5 người, nhưng trong buổi ban sơ để bảo đảm bí mật, mỗi tiểu tổ chỉ có 3 người và mỗi người biết 3 người mới khác. Công việc đảng đang trên đà phát triển đều đặn, thì tình hình thế giới trở nên khẩn trương, ba trào lưu chính trị thế giới đối nghịch nhau, hình thành rõ rệt ở thập kỷ 1930, đó là *quốc tế tư bản*, *quốc tế cực quyền* và *quốc tế cộng sản* như đã nói ở trên.

Phe tư bản nhiều tiền lắm của, ăn no ngủ kỹ không có phòng bị kỹ càng, phe cộng sản quốc tế là phe yếu nhất trong 3 phe, lúc đồng hóa với tư bản, lúc đồng hóa với cực quyền, dựa dẫm chờ có chiến tranh để thủ lợi. Trào lưu quốc tế cực quyền (totalitarianism international) gồm Đức, Ý, Nhật, do điều kiện địa lý, kinh tế, nhân chủng, sớm chuẩn bị chiến tranh. Cho nên đối nội thì tập trung tất cả sinh hoạt quốc gia về nhà nước bằng bàn tay sắt, và đối ngoại thì đòi sinh tồn không gian (espace vital). Đức là đầu đàn của trào lưu cực quyền, sau khi nuốt trôi Áo quốc, tràn quân vào Tiệp rồi tiếp tục xâm lăng Ba Lan, sau khi Ribeltrop và Molotov ký với nhau một hiệp ước bất tương xâm ở Moscou, chiến tranh thế giới bùng nổ. Pháp bị Đức đánh bại ở chính quốc vào tháng 6-1940. Quân đội Phù Tang lấp ló ở biên thùy Đông Dương...

Đền xanh thấp ở Hà Nội và ở các đô thị lớn báo hiệu sắp có biến loạn lớn xảy ra. Có chiến tranh tức có tàn phá, có giết chóc, có thương vong, nhưng không có người dân Việt nào lại sợ hãi chiến tranh cả. Lòng người dân Việt lúc ấy tràn đầy hy vọng thoát cảnh nô lệ, ngục tù. Phong trào cách mạng Việt lắng dịu từ sau cuộc khởi nghĩa Lâm Thao, Yên Bái, Nam Sách, lại bắt đầu sôi nổi. Chi bộ trưởng Lạng Sơn, đồng chí Việt Bằng cho liên lạc về Thăng Long (Hà Nội) báo cáo, Nhật Bản sắp xua quân qua biên giới và cuộc khởi nghĩa của Phục Quốc Quân đang được chuẩn bị ráo riết. Đồng chí Việt Bằng yêu cầu anh lên gặp Nam Quan để quyết định nên hay không nên cho phép anh em tham gia vào phong trào khởi nghĩa chống Pháp của Phục Quốc Quân.

Trong phiên họp bất thường, Thái Dịch báo cáo về tình hình chiến tranh ở châu Âu. Anh dự đoán: Mỹ, Nhật chẳng bao lâu sẽ tham chiến, Nga chẳng có gì đặc biệt mà có thể chủ động được thời cuộc như mấy cán bộ cộng sản Việt tuyên truyền. Nếu Nga Xô Viết không bị Nazi tiêu diệt thì cũng phải đồng hóa vào tư bản. Pháp thua trận sẽ đưa tới việc Nhật đem quân vào Đông Dương, dùng Đông Dương làm đất liên lạc, làm hậu phương cơ địa cho mặt trận Đông Nam Á mở rộng và sẽ dùng Đông Dương làm nơi dưỡng quân cho tiền tuyến. Cho nên cuộc khởi nghĩa của Phục Quốc Quân sẽ là cuộc

“Cao Biền dậy non”. Pháp quá yếu sẽ nhượng bộ những yêu sách của Nhật, và Nhật sẽ phản bội người “đồng minh” của mình.

“Chúng ta sẽ học thêm một bài học cay đắng là trong công cuộc cứu quốc, chúng ta không thể trông mong một ngoại lực nào cứu vớt dân tộc ta. Chúng ta phải hiểu chỉ có ta mới cứu nổi ta. Dân chúng ta mới là chủ lực, ngoại viện chỉ là ngoại lực mà thôi.”

Các anh em ngồi nghe báo cáo đều tán đồng quan điểm và nhận xét của anh, và anh cho biết tiếp là anh sẽ đi ngay Lạng Sơn. Đi chuyến này không phải tích cực tham gia vào cuộc khởi nghĩa, mà là để “thu dọn chiến trường”. Anh nói sau thất bại của cuộc khởi nghĩa, Đảng Duy Dân sẽ có rất đông các chiến sĩ của Phục Quốc Quân theo về. Nếu máu tinh khiết của các anh em DD có chảy ra trong biến cố này thì cũng không có gì phải hối tiếc. Máu chiến sĩ DD được hòa lẫn máu của các anh hùng hy sinh cho dân tộc. Anh căn dặn: *“Vâng tôi, các anh em cứ theo chương trình kế hoạch đã định mà phát triển đều đặn. Chúng ta còn thì giờ. Cuộc giải phóng dân tộc chỉ thành tựu sau khi thế chiến kết liễu. Nếu không có gì bất hạnh xảy ra cho tôi trong cuộc hành trình này, tôi sẽ sang Tàu thực hiện một số công tác. Cuối năm 1942 tôi sẽ về nước, chậm lắm là vào đầu năm 1943.”*

Rồi anh lên đường ngay vào chiều hôm ấy, đi chuyến xe lửa Hà Nội-Lạng Sơn. Không có hình ảnh nào đẹp và cảm động bằng hình ảnh của người trai nước Việt ra đi hôm đó. Giũ áo ra đi ngay khi khói ải bay. Cách mạng không kiếm hiệp và cũng không phong trào. Anh ra đi với một chủ đích rõ ràng.

Để tránh tai mắt của sở Liêm Phóng Pháp, anh không xuống Lạng Sơn mà xuống Đồng Mỏ. Ở đó đã có một số đồng chí đợi sẵn để dẫn anh đi đường tắt lên địa phận Lạng Sơn. Do sự giới thiệu của đồng chí Việt Bằng, bí thư của Hoàng Lương, anh được mời vào chính trị bộ của Phục Quốc Quân. Hoàng Lương là một trong ba lãnh tụ của Phục Quốc Quân.

Quân Nhật tràn qua biên giới vào Lạng Sơn. Cuộc khởi nghĩa vừa nhóm lên thì Pháp ký ngay với Nhật một thỏa ước nhận cho Nhật đóng quân từ biên giới Quảng Tây đến phía bắc sông Hồng, kiểm soát con đường tiếp tế vũ khí của Trung Hoa Dân Quốc qua đường xe lửa Hải Phòng – Vân Nam. Nhật bỏ rơi ngay Phục Quốc Quân. Pháp tấn công các đạo nghĩa quân, tái chiếm Lạng Sơn, Đồng Mỏ. Đông Triều bị vây và bị cô lập. Đoàn Kiếm Điểm và Trần Trung Lập bị giết.

Lý Đông A đề nghị với Hoàng Lương rút hết nghĩa quân sang Trung Hoa, đợi cơ hội khác. Nhờ vậy, số nghĩa quân theo họ Hoàng đều thoát nạn. Sau họ được theo học ở trường Quân Chính Tây Cán Ban lập tại Liễu Châu, thủ phủ Quảng Tây. Họ trở thành những cán bộ quân sự trong đội ngũ cách mạng Việt sau này.

Việc thu dụng các thanh niên Việt vào một trường quân chính Trung Hoa không mang một tính chất nhân đạo hay từ thiện nào cả. Chúng ta nhớ lại cái quốc sách gia truyền của người Hán đối với người Việt. Chúng ta hãy mở lại những trang sử đau thương và sâu hận đời hậu Trần, đời Lê mặt đem so sánh với cái xử sự tốt đẹp của ta đối với lũ Tống, Minh.

Thu nạp tất cả các thanh niên lưu vong sau cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn thất bại vào trường Quân Chính Tây Cán Ban, Trung Quốc nhằm thành lập đệ ngũ trung đội (5è colonne) chuẩn bị cho cuộc Hoa quân nhập Việt ở thời hậu chiến sau này. Chẳng biết có các nhà cách mạng và chính trị sống lưu vong ở Liễu Châu thời bấy giờ có nhận ra điều đó hay không? Và họ nói gì? Nghĩ gì?

Thấy nhà lãnh tụ DD nhiều lần giảng giải cho bọn thanh niên cách mạng theo anh về hành động thực tiễn của Trung Hoa Dân Quốc, chứng minh cái chính sách xâm lược liên tục của người Hán đối với các dân tộc bốn chung quanh nước Tàu, dù dưới chế độ phong kiến, Dân Quốc hay bất cứ một chế độ chính trị nào khác, một lãnh tụ Việt có một lần trách anh không nhìn nhận thực tế cái tốt của các nhà đương cuộc Trung Hoa Dân Quốc, lại hay bởi móc những cái đã qua, anh nói:

“Quý vị có nhận xét dư luận dưới sự chỉ đạo của Trung Hoa Dân Quốc nói về Việt Nam không? Chỉ có hai câu ‘*Việt Nam là Tàu, ta phải thu phục lại đất cũ đã mất của ta là Việt Nam*’.

“Quý vị có để ý tới chính sách giáo dục của họ không? Giáo dục, tức để nuôi cái xu hướng chính trị trong mầm mống nòi giống cũng chỉ có hai câu ‘*Việt Nam là Tàu*’, suốt từ ấu học đến đại học.

“Bảo tôi moi móc, thì quý vị hãy đọc những trang sách vở của Chính Trị Địa Lý Bộ, tức là bộ tham mưu chính trị Trung Quốc, từ 1940 đổi thành Đông Á Địa Lý Bộ, quy định chính lược và chiến lược. Bộ này quy định rõ rệt 8 con đường phát triển của nòi Hán. Một trong 8 con đường ấy là Việt-Thái-Miến-Tân Gia Ba.

“Nếu quý vị hãy còn thắc mắc, xin quý vị hãy nghiên cứu chính sách của Kiều Vụ, tức là tiền phong ngoại giao xâm lược, có một khoản quy định về Việt Nam: *Bắc kỳ quy về mẫu quốc, Trung kỳ và Nam kỳ thuộc về Hoa kiều thống trị. Nước ấy sau khi đồng hóa hết thổ dân sẽ hợp nhất với mẫu quốc.* Cái dã tâm muôn thuở của Hán tộc quá rõ ràng, bất tất luận thêm.”

Anh không sợ bị nhà đương cuộc Trung Hoa bắt giam, vì lập trường chính trị nghiêm chỉnh của anh, vì cũng có nhiều nhân vật Trung Hoa nể phục anh, danh vọng anh quá cao, làm lu mờ hết những nhân vật cách mạng Việt qui tụ ở Liễu Châu thời ấy.

Anh luôn luôn khuyên nhủ các thanh niên Việt hãy hết sức giữ gìn phong cách của mình, kẻo khi sa chân thì hối tiếc đã muộn. Sống trong bầu không khí chiến tranh, điều kiện vật chất thiếu thốn, điều kiện tinh thần bi thảm, người cách mạng Việt Nam, nếu không có công phu hàm dưỡng cao, tất dễ bề sa đọa.

Vừa tới Liễu Châu, anh nhận thấy cần phải vận động thay thế Trương Bội Công, chủ tịch cái tổ chức chính trị của Việt Nam ở Trung Quốc, là Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội, do Trung Quốc chỉ định. Trương Bội Công là một nhân vật cách mạng Việt sống ở Trung Quốc lâu đời, vì không có bản ngã mạnh nên bị “Tàu hóa”, cho nên không tha thiết gì với số phận của các thanh niên mới tới tị nạn.

Một mặt anh vận động cho các thanh niên làm áp lực đòi các nhà đương cuộc Trung Hoa phải bỏ Trương Bội Công, thay thế bằng một nhân vật mới làm chủ tịch của hội, mặt khác anh mách cho Nguyễn Hải Thần những lý luận để phân giải với Trung Hoa, vạch cho họ biết cái lợi và cái hại, cái hợp pháp, hợp lý và hợp tình của vụ hạ bệ này. Cụ Nguyễn Hải Thần giữ chức chủ tịch Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội (VNCMĐMH) từ ngày đó. Vốn là đồng chí của cụ Phan Bội Châu, cụ Nguyễn Hải Thần là một nhà nho thật thà, chất phác, hay tin người. Bất cứ ai xưng là một nhà cách mạng Việt, cụ cũng tin ngay, thương yêu, hết lòng giúp đỡ. Ở hải ngoại cụ mới thực sự là người chia cơm sẻ áo cho anh em. Cho nên đối đầu với kẻ nhiều thủ đoạn và gian trá, nhất định cụ chịu thua.

Riêng đối với lãnh tụ DD, cụ rất tin tưởng và kính nể. Điều gì Lý Đông A nói cụ cũng cho là đúng, việc gì Lý Đông A làm, cụ cũng cho là phải. Những nhân vật quan trọng của Trung Hoa Dân Quốc hay những chánh khách quốc tế qua viếng Liễu Châu, hỏi cụ về chính trị, cụ chỉ có một câu trả lời: “Quý vị cần phải tiếp xúc với anh Thanh. Ở đây chỉ có anh Thanh là người hiểu sâu sắc về chính trị.”

Liễu Châu tuy là thủ phủ Quảng Tây, song rất nghèo nàn, đường phố chật hẹp, nhà cửa lụp sụp.

Trong trận thế chiến, Liễu Châu nổi tiếng về quân sự. Liễu Châu nằm trên một chiến tuyến chạy suốt từ Hán Khẩu đến biên giới Việt Nam, che đỡ cho Trùng Khánh. Bộ tư lệnh Đệ Tứ Quân Khu do Trương Phát Khuê làm tư lệnh đóng cách Liễu Châu 6 cây số. Về chính trị, Liễu Châu tập trung hầu hết các nhà cách mạng Việt Nam sống lưu vong ở Trung Quốc.

Cho nên, qua trung gian của vị chủ tịch VNCMĐMH, Lý Đông A có nhiều dịp tiếp xúc với nhiều nhân vật trung ương Quốc Dân Đảng Trung Hoa, nhiều chính khách quốc tế. Đặc phái viên của Tổng thống Roosevelt, PTT Wallace, trên đường từ Trùng Khánh về Hoa Kỳ, ghé thăm Liễu Châu cũng gặp anh, thảo luận nhiều vấn đề chiến hậu, vấn đề dân chủ hóa các nước Đông Nam Á sau này sau khi thoát khỏi ách thống trị của thực dân.

Một số nhân vật trong Trung Ương Chính Trị Bộ Quốc Dân Đảng Trung Hoa, đều cho anh là lý thuyết gia đệ nhất của Việt Nam. Trong số này có một nhân vật tỏ vẻ hiểu nhiều về lịch sử Việt Nam, nói với cụ Nguyễn Hải Thần rằng, anh là hậu thân của trạng nguyên Lương Thế Vinh. Nhà văn kiêm cách mạng gia, Nguyễn Tường Tam, đảng trưởng đảng Đại Việt Dân Chính, xuất dương sang Nhật, thất vọng về tham vọng chính trị của Nhật, ông quay về, vượt tuyến Quảng Châu để tới Liễu Châu. Khi nghe Lý Đông A trình bày con đường cứu quốc, họ Nguyễn rất thán phục lãnh tụ DD, hứa sẽ liên lạc về nước cho các lãnh tụ Dân Chính lo việc sát nhập Dân Chính vào Duy Dân.

Từ cuối năm 1941 sang 1942, sau khi anh hoàn thành công tác huấn luyện các đảng viên kết nạp ở hải ngoại, và sau khi anh thành lập hai chi bộ ở Liễu Châu và Nam Ninh, anh dành phần lớn thì giờ vào thư viện hoặc tổ chức những cuộc thăm viếng các danh lam thắng cảnh vùng Hoa Nam.

*Mây năm núi, gió năm hồ
Nghìn xưa bến Sở, sông Ngô thế nào?
Mây bay gió cuốn ra sao?
Non kia, nước ấy thấp cao những gì?...
(Dương Tử Giang Âm)³*

³ Trong [Tuyển Tập Thơ Thái Dịch Lý Đông A](#), tựa của bài này là Dương Tử Giang Ngâm.

Nói là đi du lịch, thực sự anh đi tìm những di tích của tổ tiên những miền từ lưu vực sông Dương Tử trở về phía Nam, vào thời xa xưa là đất của nòi Việt, miền đất mênh mông này bị xâm chiếm từ đời Tần, Hán khiến cho Bách Việt tan tác.

Những người Bách Việt ở lại, lâu dần bị nòi Hán đồng hóa, nhưng họ còn gìn giữ được những gì để chúng ta có căn cứ viết lại những trang sử cũ đau thương ấy! Việt Đông, Việt Bắc, Việt Tây là những miền người Hán vẫn dùng để chỉ những địa bàn xưa kia Bách Việt cư ngụ. Việt Đông là Mân Việt Phúc Kiến; Việt Bắc là đất Ngô, Việt, Sở; Việt Tây là nơi anh đang sống lưu lạc. Có một lần anh đến một làng xa xôi hẻo lánh, dân cư nơi đó nhuộm răng ăn trầu, nhưng không nói được tiếng Việt. Phải chăng họ là di duệ của dòng Âu Việt xưa, vẫn nhất quyết cự tuyệt sự đồng hóa của Hán tộc? Không thấy có một nơi nào còn ghi tạc Totem của nòi giống!

Thời gian thấm thoát, mùa đông năm 1942 đã tới. Nhớ lời hẹn với các đồng chí quốc nội, Lý Đông A sửa soạn về nước. Ngỏ ý với cụ Nguyễn Hải Thần, cụ nói: “Anh hãy đợi tôi một tuần, tôi chuẩn bị mọi việc cho anh. Về phía người Tàu không có gì trở ngại, nhưng về phía người Việt ở đây, anh phải thận trọng lắm mới được. Trong cái khối 800 người Việt sống ở Liễu Châu này, bề ngoài đều mang danh nghĩa VNCMĐMH, song bề trong vô cùng phức tạp. Tranh chấp cá nhân, tranh chấp chính kiến, tranh chấp bè phái. Vì ăn nhờ ở đậu, họ rất sợ Trung Quốc nên không dám ngang nhiên làm những điều phi pháp, nhưng họ vẫn có thể lén lút làm những việc bậy bạ. Anh có nhớ buổi anh mới tới đây không, đã có người tố cáo anh là nhân viên phản gián của Nhật. Anh Tam vừa vượt tuyến đến Liễu Châu, đã bị chúng cho là gián điệp của Nhật. Nếu tôi không can thiệp, anh Tam đâu có được thông thả như vậy. Đối với những hạng người ấy, nhất là với bọn vô tổ quốc, cái hào quang của anh trong hai năm trời đã làm lu mờ lãnh tụ của họ. Lại cái lập trường cách mạng của anh, nếu chúng có dịp là thủ tiêu anh ngay, để sau này khỏi bị vướng chân trên con đường chính trị.”

Rồi một già một trẻ chụp chung một tấm hình kỷ niệm. Cụ phải đi bộ suốt 4 ngày mới lấy được cho anh một chứng minh thư của Bộ Tư Lệnh Đệ Tứ Quân Khu và một ủy nhiệm thư của Lý Tế Thâm, một yếu nhân của Quốc Dân Đảng Trung Hoa. Khi trao cho anh giấy thông hành, cụ còn dặn thêm: “Tôi vừa về thì đã được báo cáo, việc anh xuôi Nam đã bị tiết lộ. Anh phải hết sức thận trọng, hết sức đề phòng từ miếng ăn, miếng uống, từ lùm cây, mô đất bên đường. Vượt khỏi Nam Ninh là đến miền có nhiều xã phang lẫn quất, tôi cho hai vệ sĩ bảo vệ an ninh cho anh. Họ rất rành về địa hình địa vật. Họ lại giao du thân mật với các nhóm xã phang trên tình nghĩa kiểu Lương Sơn Bạc.”

Cụ chỉ bộ quần áo treo ở góc phòng nói thêm: “Tôi dành bộ quần áo kia để mặc về nước đấy. Tôi hy vọng đó là bộ quần áo của vị tổng thống đầu tiên của nước Việt độc lập, sau gần một thế kỷ vong quốc, nhưng dù tôi có làm nên chức phận gì cũng chỉ là chợ qua.

Tôi hết sức tin tưởng vào anh, vì anh mới là người sẽ làm nên được sự nghiệp vĩnh cửu và huy hoàng cho đất nước. Tôi sẽ về nước ngay sau khi Thế Chiến kết thúc. Đến biên giới tôi tin liền cho anh và nhờ anh chuyển dùm tôi những bản hiệu triệu tới các lãnh tụ các đảng cách mạng trong nước. Hôm nay chúng ta coi là ngày tạm biệt.”

Nhìn hai người cán bộ thân tín của cụ, lưng đeo hai khẩu forty five, tay cầm khẩu tiểu liên bọc kín, anh thầm cảm tạ người bạn già đối xử với anh chí tình ít thấy ở đường đời.

Hai cán bộ thủ túc của cụ Nguyễn rất nhiều kinh nghiệm đi đường, nét mặt hiền hòa nhưng mắt sắc sảo, không có gì khác lạ mà qua được mắt họ.

Một buổi chiều gần đến Nam Ninh, còn cách khoảng 10 cây số thì trời mùa đông đổ tối rất mau. Họ vừa thúc dục cả đoàn phải đi gấp thì có thể tới thị trấn Nam Ninh trước 8 giờ tối. Bất thành linh trưởng đoàn ra lệnh nằm sát xuống cỏ, bò về phía trái và lăn mình xuống một khe sâu, kéo cỏ phủ lên trên. Một hồi sau, một tốp người, Tàu có, Việt có rầm rập kéo tới. Ở dưới hố nghe rõ một tên nói tiếng Việt, “rõ ràng ta thấy 5 bóng in trên bầu trời, chúng là ma hay sao mà đến đây mất hút.”

Sáng ngày hôm sau vào huyện đường trình giấy thông hành. Viên huyện trưởng nói: “Thì ra quý vị là người của Lý tướng công và Trương tư lệnh, thế mà người đồng hương của quý vị báo cáo với chúng tôi hôm qua là có một bọn vô ơn Trung Quốc trốn về Nam phục vụ cho giặc.”

Đoàn người tiếp tục lên đường. Người chỉ huy đoàn bỏ đường chính, đi theo con đường mòn đến một trang trại, xưng danh và xin yết kiến trang chủ, ở đây đoàn được tiếp đón nồng hậu. Trong bữa tiệc tiếp tân, trang chủ cho biết có một người Việt làm nghề gián điệp hai mang, theo cộng sản vẫn qua lại vùng này. Y báo có một đoàn 5 người buôn lậu, y phục như các bạn đây, về biên giới lấy hàng. Đoàn buôn này có rất nhiều vàng, tiền và súng. Mật báo cho biết, đã không hành động vì theo nhận xét của họ, những người bộ hành không đúng là phường buôn lậu.

Trang chủ kết luận câu chuyện: “Đã có sự này, các bạn hãy thay đổi lộ trình về nước. Nên chuyển hướng đi về phía Tây, phía Cao Bằng, qua sông Pắc Nặm là quê hương các bạn rồi. Từ đây đến đấy đi gấp một ngày đường. Về phần tôi, tôi sẽ trừng trị bọn chó đó, chúng định lừa cả tôi. Đối đầu thì phải trực diện, chứ ném đá giấu tay, dùng thủ đoạn hèn mạt, tôi không bao giờ tha thứ.”

Đến bờ sông biên giới, hai người trao cho anh một khẩu forty five theo lệnh của cụ Nguyễn rồi chào chia tay quay về phương Bắc. Mặc dầu lúc đó trời sắp tối, anh cùng hai người đồng chí trong bộ y phục thổ dân, ngồi chờ bên bờ sông, đợi đêm tối lội qua sông về đất tổ. Hoàng hôn đổ xuống, bên kia bờ sông một người đàn bà Việt đang rửa chân.

Đã hai năm rồi, anh không được trông thấy cảnh vật này, lòng anh tràn dâng một niềm xúc cảm dạt dào. Anh lấy giấy bút ghi ngay một bài thơ tựa đề “Thi Nhiệt”, như sau:

*Ta đã về đứng bên bờ Pắc Nậm
Mặc heo may quấn quít hồn cổ hương.
Thấm hàng cây lấp ló những ven tường
Hòa làn khói mơ màng bao nhớ ước!
Cách dòng nước ta là người mất nước!
Nước non ta ai ngăn trở ta về?
Thấy người quê, không được tỏ tình quê,
Rõ trước mắt mà tìm đâu cho thấy!
Hãy hét lớn hai bàn tay nắm lấy
Hãy khua tan quân địch của Rồng Tiên
Hãy làm cho giống Việt lại đoàn viên,
Quê nước ở trong đáy dòng sông máu,*

Quê nước ở trong đáy dòng sông máu.

Tối khuya bốn bề yên lặng, anh cùng hai đồng chí lội qua sông về đất Việt. Ngủ đêm trong rừng, trần trọc suốt thâu đêm, ngổn ngang trăm mối. Trên cành cây, con quạ kêu báo hiệu trời sắp sáng. Anh sáng tác bài thơ thứ hai trong đoạn đường về nước. Bài này tựa là “Chiến Sĩ Tư” có 56 câu thơ, và có những đoạn mà không một chiến sĩ DD nào không thuộc:

*Những người bạn thiên cổ
Yêu nhau chịu đựng nhau
Đồng chí là nghĩa đó
Phú quý mà chi đâu!
Nghĩa Duy Dân phấn đấu
Máu giống nòi nung nấu
Thiên cổ anh em ta
Chút vị vì mắc mấu...*

Về tới Hà Nội, anh tìm liên lạc với các đồng chí, đặt các trạm giao liên suốt từ Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang đến Hà Nội để đón các đồng chí ở hải ngoại về nước. Việc điều động số đảng viên ở Liễu Châu do đồng chí Hà Tố Lý đảm trách. Sau đó Lý Đông A đi một vòng Hòa Bình, Sơn La, Trấn Ninh rồi quay về Thanh Hóa đặt liên hệ cảm tình với các quan lang thuộc địa bàn này. Từ Thanh Hóa anh theo đường Quỳnh Lưu, ngừng tại

đồi Nga Mi, tiếp theo đó anh theo đường Chi Nê ra Kim Bảng, đến Hà Đông. Anh ở Hà Đông trong một thời gian, do đó mà chi bộ Hà Đông trở nên mạnh nhất trong các chi bộ. Chính cũng ở Hà Đông anh hoàn thành bộ chủ nghĩa, đồng thời cho phổ biến một số tài liệu đánh máy hoặc chép tay.

Tháng 11-1943, Lý Đông A triệu tập hội nghị, gồm các đồng chí đảng viên kỳ cựu, các chương quản cơ quan và một số cán bộ đã về nước như Việt Bằng, Thái Phong, Thái Năng, Thái Đức, Thái Tố... (vắng mặt Thái Kim), quyết định thành lập Tổng Đảng Bộ của Việt Duy Dân Đảng. Anh được suy tôn làm thư ký trưởng. Bốn bản tuyên ngôn được phát hành ở thời kỳ này.

Từ 1944, các đồng chí hải ngoại tấp nập về nước. Đảng phát triển mau lẹ. Để đáp ứng với nhu cầu mọi mặt càng ngày càng lớn (cán bộ chính trị, tài chính, tài liệu tuyên truyền, trạm liên lạc, thu dung...), nhiều cơ quan mới được thành lập (Biệt lập cơ quan, Chính lý bộ, đặc khu Thăng Long...). Đích thân Lý Đông A cùng Thái Kim, Thái Lân huấn luyện các lớp đại học, lập ở Hoàng Mai. Các cán bộ ở Trung Hoa về nước phải qua học ở lớp này mới được Chính Lý bộ điều động những công tác mới.

Vào đầu năm 1945, cuộc chiến tranh Mỹ-Nhật tiến gần sát tới Đông Dương. Tình hình chính trị sôi động, cộng sản thành lập những đội vũ trang tuyên truyền hoạt động ở một vài tỉnh thượng du Bắc Kỳ, đồng thời cuộc tuyên truyền bằng miệng lan rộng xuống một số tỉnh phía Bắc sông Hồng.

Tổng đảng bộ Duy Dân họp và quyết định thành lập ba khu chiến lược gọi là Đảng C (Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương), Ngâu B (Cao Bằng, Bắc Kạn) và Thực A (Ninh Bình, Hòa Bình, Sơn La...).

Đảng C do đồng chí Việt Thanh phụ trách, Ngâu B do đồng chí Việt Bằng chỉ huy và đồng chí Thái Kỳ chỉ huy Bắc Kạn. Thư Ký Trưởng Lý Đông A phụ trách Thực A.

Chính Lý bộ, trước 1945 đặt ở Cercle de Renaissance (ký túc xá do một linh mục lập, gần trường nữ học Félix Faure), sau dời về Hàng Bột. Lý Đông A về Hà Nội tạm trú ở đó để cùng Thái Kim xếp đặt mọi công việc, đốc đạo mọi công tác.

Sau biến cố 09-3-1945, Tổng Đảng Bộ hạ lệnh quân sự hóa toàn bộ đảng viên, thành lập Cơ A (tức Cơ Yếu ủy viên hội A) và Cơ B. Cơ A lo việc phát triển chủ lực, phối hợp công tác giữa các cán bộ quân sự và các cán bộ dân sự. Cơ B lo việc ngoại vận.

Thư Ký Trưởng Lý Đông A trao cho Cơ B một kế hoạch tiến hành gấp việc thành lập mặt trận quốc gia cách mạng làm cơ sở để thuyết phục chính phủ do Nhật dựng lên, thực hiện một chính phủ liên hiệp quốc gia cách mạng đòi tự quyết dân tộc. Đồng chí Thái Lư, người lãnh đạo Cơ B, thất bại trong việc thực hiện kế hoạch trên. Có thể anh cho

rằng uy tín của anh không đủ để thuyết phục các lãnh tụ quốc gia, nên anh đề nghị thư ký trưởng về Hà Nội chủ trì một cuộc hội thảo do anh tổ chức. Tham dự có một số nhân vật chính phủ Trần Trọng Kim, một số lãnh tụ các đảng cách mạng, một số trí thức. Thái Lư cho rằng với kiến thức của Lý Đông A, với tài hùng biện của anh, anh có thể thuyết phục được các nhà chính trị và cách mạng Việt đi đến một chính phủ liên hiệp quốc gia.

Kế hoạch của Thái Lư không thành vì đề nghị của anh đưa ra giữa lúc đồng chí Tu Long bị cộng sản ám sát, trụ sở Chính Lý bộ ở đường Hàng Bột, do chỉ điểm của cộng sản, bị cơ quan an ninh của Nhật lục soát, đồng chí Thái Kim bị bắt. Sự đụng độ giữa Duy Dân và cộng sản càng tăng, tuy cả hai đảng vẫn còn đang trong vòng hoạt động bí mật.

Ngày 19-8-1945, mặt trận Việt Minh lợi dụng cuộc tập hợp các công chức thành phố Hà Nội biểu tình ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim, kéo cờ khởi nghĩa và cướp được chính quyền một cách dễ dàng. Sự thành công đó nhờ vào một kỹ thuật tuyên truyền hoàn toàn bịp bợm, và cũng nhờ vào sự ngu dốt và ươn hèn của khâm sai đại thần Phan Kế Toại.

Hành động đầu tiên của cộng sản (CS) là thanh toán căn cứ Nga Mi của DD. Làng Nga Mi nằm trên đồi Nga Mi, cạnh đồi Quá Quan, sát thông lộ Quỳnh Lưu Chi Nê.

Nơi đó Lý Đông A thiết lập một trường chính trị và văn phòng Tổng Đảng Bộ. Ngày 2-9-1945, ngày Hồ Chí Minh [đọc] tuyên ngôn độc lập ở vườn hoa Ba Đình, cũng là ngày cộng quân tiến đánh Nga Mi, bắt được lãnh tụ Thái Kim và một số cán bộ, học viên Duy Dân. Cũng trong thời kỳ Nga Mi vỡ, các chiến khu Ngâu B, Đẳng C, Bắc Kha bị cộng quân phá vỡ.

Lý Đông A ở Hà Nội, ngày ngày nhận những tin tức thật bất lợi đưa về. Hết tin đồng chí Hà Tố Lý bị giết trong một trận phục kích, đến tin đồng chí Nguyễn Phú Ân tức Thái Kim là bạn thân nhất của Lý Đông A, có thể nói là tri kỷ và cũng là môn đệ trung thành nhất của anh [mất]. Mất Thái Kim tức anh bị gãy một cánh tay vậy.

Hà Tố Lý là một trong những lãnh tụ Đại Việt Dân Chính, cùng Nguyễn Tường Tam xuất ngoại sang Nhật. Từ Thiên Tân về Quảng Châu, hai người vượt tuyến đến Liễu Châu. Nghe Lý Đông A trình bày các quan điểm về công cuộc cách mạng dân tộc, Hà Tố Lý cùng Nguyễn Tường Tam chấp nhận gia nhập Duy Dân để phụng hành Thắng Nghĩa. Khi Nguyễn Tường Tam đi Côn Minh, Lý Đông A hàng ngày trao đổi tư tưởng với Hà Tố Lý. Anh biết họ Hà là con người lý tưởng, anh hết sức truyền thụ cho người đồng chí mới này những hiểu biết cần thiết của một lãnh tụ DD. Anh kỳ vọng ở họ Hà sau này trở về nước sẽ là lãnh tụ cốt cán của DD thay anh để gánh vác những công tác quan trọng mà

anh cho rằng hơn 100 cán bộ do anh đào tạo ở Liễu Châu chưa tới trình độ gánh vác được.

Phải có một dũng cảm phi thường anh mới giữ được bình tĩnh để hoàn tất khóa huấn luyện đặc biệt, nhằm đào tạo một số cán bộ cao cấp bù đắp vào số cán bộ bị cộng sản sát hại qua những biến cố nói trên.

Lòng anh tan nát, đau đớn lại hối hận nên mới có sự công khai tạ lỗi với các anh em về “sự chỉ huy không đến nơi đến chốn, khiến cho bao nhiêu chiến khu nay chỉ là những nắm mồ đau thương”. Viết ra chủ nghĩa, lãnh đạo sai sót khiến gây ra bao chết chóc, nếu coi là “tội ác” thì tội ác ấy anh nhận lấy hết.

Nhưng không có một đồng chí nào lại có thể quy lỗi cho anh cả! Ở người anh phát tiết ra cái gì mà ai gặp cũng phải mến, phải thương, phải cảm phục. Cái gì ở anh phát tiết ra đó chính là lòng yêu thương nhân loại, yêu thương dân tộc nòi giống, yêu thương đồng chí. Chưa bao giờ thấy có cái dấu hiệu gì anh nghĩ tới thân anh. Cuộc đấu tranh giữa DD với CS là một cuộc đấu tranh giữa dân tộc với phi dân tộc, giữa dân chủ với độc tài, giữa nhân đạo với phi nhân đạo, giữa lòng yêu thương với căm thù..., nói tóm là giữa Phật lành với Ma ác.

Những biến cố xảy đến cho DD vào giữa thập niên 1940 đều do tội ác của bọn môn đệ Staline gây ra cả. Stalinisme, một thứ đế quốc thiên triều chủ nghĩa lỗi Hán tộc, nhưng lại trên quy mô quốc tế. Cái tổ chức hắc ám ấy có bao giờ chấp nhận một chính kiến khác với chính kiến cộng sản, có bao giờ chấp nhận một sự đua tranh để cùng chống đế quốc Pháp. Những khuôn mẫu du nhập từ Nga Sô Viêt vào Việt Nam không ngoài mục đích độc tôn chính trị, độc quyền khống chế dân Việt, bắt dân Việt phải cúi đầu phục tùng một chế độ độc tài đảng trị phi dân tộc, phi nhân bản ghê tởm nhất trong lịch sử nước ta. Đua tranh chính trị là tiêu biểu của dân chủ, của trí sáng tạo, của tiến hóa: các vị tiền bối cách mạng trong thời đại Cần Vương, Duy Tân có biết bao nhiêu nhóm, mà có nhóm nào nuôi dã tâm tiêu diệt các nhóm khác để độc quyền chính trị đâu!

Khi ở Liễu Châu, Lý Đông A đã bộc lộ quá sớm lập trường dân tộc cách mạng DD xây dựng trên nền tảng nhân loại, đối nghịch rõ rệt với lý thuyết vô sản Mác-Lê sai lầm và nguy hiểm. Lý Đông A đã vạch trần cái vô nhân đạo của giai cấp đấu tranh luận, cái không tưởng của cái thế giới đại đồng vô sản.

Nguyễn Hải Thần đã cảnh giác Lý Đông A, khi họ Lý ngỏ ý trở về quê cha đất tổ. Họ Lý đã trở về biên giới an toàn chính nhờ sự yểm trợ của cụ.

Cho nên cướp được chính quyền, CS hạ tay ngay mong tiêu diệt toàn bộ lực lượng cách mạng DD trước khi tiêu diệt các lực lượng cách mạng quốc gia khác; nhưng tình thế chính trị diễn biến có nhiều dấu hiệu bất lợi cho quyền cai trị của CS Việt Minh. Trong Nam,

quân đội Anh giải giới quân đội Nhật, quân đội Pháp theo chân quân đội Anh tiến chiếm Sài Gòn và các tỉnh lân cận. Ngoài Bắc, quân đội Trung Hoa do tướng Lư Hán chỉ huy, từ Vân Nam nhập Việt, giải giới quân đội Nhật. Các lực lượng thân Trung Hoa lần lượt kéo về nước. Nguyễn Hải Thần từ Liễu Châu, Vũ Hồng Khanh từ Côn Minh, công khai hoạt động, lập trụ sở, dùng loa phóng thanh tố cáo CS tàn bạo với dân chúng, khủng bố các đảng phái bất đồng chính kiến. Một cuộc thanh toán Quốc, Cộng diễn ra ác liệt ghê tởm trước mắt dân chúng, trước mắt quân đội Trung Hoa và cả trước mắt những người ngoại quốc muốn tìm hiểu Việt Nam.

Trong khi ấy trên quốc tế, chính phủ De Gaule mở những cuộc vận động ngấm ngầm với Nam Kinh, cho quân đội Trung Hoa đi để Pháp vào thay thế. Trong quốc nội Việt Nam, ở hành lang chính trị cũng có những cuộc vận động ngấm ngầm. Theo chiều hướng đó, Hồ Chí Minh vốn sống lâu năm ở Trung Quốc, rất am hiểu cái lễ thói “quan xa nha gần” của các viên chức Trung Hoa. Tướng Lư Hán, một tuồng quân phiệt như Long Vân thuở trước, tránh né áp lực của Nam Kinh rất dễ dàng. Tiêu Văn, một tướng Trung Cộng nằm vùng trong chính phủ Tưởng Giới Thạch, làm môi giới cho Lư Hán và Hồ Chí Minh mật đàm. “Tuần Lễ Vàng” đã giúp cho Hồ Chí Minh, được sự đồng ý của Lư Hán, đưa ra một chính phủ liên hiệp Quốc Cộng mà Nam Kinh buộc phải chấp nhận.

Chính phủ liên hiệp Quốc Cộng Việt Nam khác với chính phủ liên hiệp Quốc Cộng Trung Hoa, Đảng Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn chủ động. Nguyễn Hải Thần phó chủ tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Vũ Hồng Khanh phó chủ tịch quân ủy hội, Nguyễn Tường Tam, ngoại trưởng, đều vô quyền.

Lại Vũ Hồng Khanh, quyền rơm vạ đá, ghé tên ký cùng Hồ Chí Minh vào thỏa ước 06-3, chấp nhận cho quân đội Pháp vào Bắc Việt. Lãnh tụ họ Vũ chắc không lường được tai hại của thỏa ước 06-3, đối riêng với Việt Nam Quốc Dân Đảng, và đối chung với phe thân Tàu. Pháp vào Bắc Việt tất sẽ điều đình với chính phủ Tưởng Giới Thạch cho quân Lư Hán rút khỏi đất Việt. Quân Tàu rút lui, các lực lượng dựa vào Tàu sẽ bị tiêu diệt, và tiêu diệt luôn cả mọi lực lượng chống đối cộng sản (CS). Còn lại gì? Chỉ còn lại CS và Pháp. Nếu cuộc xung đột Việt Pháp xảy ra, CS sẽ độc quyền kháng Pháp. Với danh nghĩa kháng Pháp, CS sẽ tiêu diệt bằng hết những thành phần quốc gia, mặc dầu đã đồng hóa vào phong trào kháng Pháp.

Chương IV

“Công tội Xuân Thu hiểu”

Trong thời kỳ Hoa quân nhập Việt, giải giới quân đội Nhật Bản, cuộc tranh chấp giữa chính quyền CS và lực lượng quốc gia thân Tàu diễn ra ác liệt. Cuộc thanh toán lẫn nhau xảy ra đều đều, ngay cả khi chính phủ liên hiệp Quốc Cộng được thành lập. Lý Đông A lợi dụng cơ hội CS không có thời giờ nhòm ngó tới DD, trực tiếp đôn đốc các công tác chinh đồn lại cơ quan lãnh đạo.

Nhưng nội bộ Đảng Duy Dân lại trải qua một cuộc khủng hoảng chưa từng có từ ngày thành lập đến giờ. Việc khủng hoảng ấy phát sinh từ việc Lý Đông A lần lượt trực tiếp tiếp xúc rộng rãi với nhiều thành phần trong đảng, nhiều đồng chí cán bộ quân sự từ hải ngoại về nước. Anh muốn đón nhận ý kiến của mọi người về xây dựng lại đảng sau những thất bại liên tiếp vừa qua và anh cũng muốn kiểm tra lại tinh thần nhân sự và số lượng cán bộ quân sự còn sống sót, nhiên hậu anh sẽ bố trí họ vào những công tác mới phục vụ cho một chiến lược mới mà anh sẽ đem ra thảo luận.

Quan những cuộc tiếp xúc, anh nhận thấy một số đảng viên, đa số là cán bộ quân sự, vận động đòi tham dự vào mọi quyền quyết định quan trọng trong đảng, nghĩa là đòi chia quyền lãnh đạo với phe chính trị. Anh chấp nhận và hẹn họ sau ba ngày thảo luận sẽ trình lên anh bản dự án tổ chức hợp với yêu cầu của họ. Trong thời gian ba ngày, anh tham khảo ý kiến Cơ A và Cơ B, và sau khi phe quân sự không đưa ra được một dự án tổ chức nào, anh xuống lệnh cải tổ cơ quan lãnh đạo đảng.

Trừ cấp Chi Bộ trưởng trở xuống, tất cả các cơ quan cũ đều bị giải tán. Tổng Đảng Bộ chia thành X.TL và Y.TH, tức tư lệnh quân khu và phân lập chỉ huy.

X.TL phụ trách duyên sơn có quân sự phụ đạo ủy viên hội phụ tá Thư Ký Trưởng Lý Đông A, do Thái Nhân đứng đầu, một nhân vật quân sự thật thà chất phác nhưng có tinh thần quyết tử. Các cán bộ quân sự điều động vào quân khu đều do phụ đạo ủy viên hội phân phối đi các vùng để huấn luyện dân quân.

Trong quân khu có một trường võ bị và một trường chính trị. Trường chính trị lấy tên là Bạch Sơn Biệt Tụng.

Y.TH do đồng chí Thái Khanh lãnh đạo, gồm phần lớn các ủy viên của Cơ A và Cơ B cũ phụ trách duyên giang, tức lãnh đạo các chi bộ và mọi tổ chức trong khu vực đồng bằng.

Với sự cải tổ trên, Lý Đông A tưởng có thể chấm dứt việc phân hóa nội bộ và có thể tăng hiệu năng cho hai cơ quan phân lập. Thực anh không ngờ, sự phân hóa có một nguyên nhân khác và sự phân hóa càng thêm trầm trọng. Cơ cấu đảng chỉ vì một khe hở trong việc phân quyền, phân nhiệm mà bị suy yếu đi. Những phần tử cơ hội chủ nghĩa, có chỗ bám víu để thao túng những đảng viên trung kiên của đảng.

Bọn buôn cách mạng len lỏi vào hàng ngũ DD, khi tới được gần lãnh tụ liền tìm cách bao vây lãnh tụ, kéo bè, kéo cánh, chia rẽ đảng bộ. Sự chia rẽ do đó mà ra chứ đâu phải chỉ vì tranh chấp quyền lãnh đạo đảng giữa hai phe chính trị và quân sự.

Lại sự tôn thờ lãnh tụ, thần thánh hóa lãnh tụ, nẩy mầm bén rễ ở giai đoạn này. Cũng giống như đảng CS Việt Nam, điều gì Hồ chủ tịch dạy cũng đúng, việc gì Hồ chủ tịch làm cũng tuyệt vời... Cái lễ thói tôn thờ cá nhân bóp chết sáng kiến của con người cách mạng, bóp chết dân chủ, gieo rắc tinh thần ý lại, hẹp hòi, cố chấp cũng diễn ra trong Đảng DD vậy.

Tinh thần tự lực cánh sinh vốn cố hữu của mỗi đảng viên DD được trau dồi từ lúc còn là tổ viên trong tiểu tổ tình chế. Dân chủ được tập luyện sao cho ăn sâu vào nếp sống của đảng viên. Dân chủ lại được chuốt lọc suốt từ dưới lên trên để khi đảng chuyển sang kiến thiết quốc gia, không còn bỡ ngỡ, lạch lạc trước một môi trường rộng lớn, trong đó còn chứa đựng bao nhiêu tệ đoan xã hội. Cho nên đạo đức cách mạng, phong cách DD, chí kiên trì, lòng quả cảm cùng thái độ trực triệt là những điều kiện cốt yếu của mỗi đảng viên DD. Hội đủ những điều kiện ấy, đảng viên DD mới xứng đáng là người hướng đạo cho một văn minh mới ở một thời đại mới.

Những nét hủ bại, hư nguy cản đường canh tân là những nét vong quốc. Thời kỳ sau cuộc vỡ lở Nga Mi, sự kết nạp đảng viên không còn theo tiêu chuẩn qui định trong đảng chế. Sinh hoạt và giáo dục đảng viên lơ là, kỷ luật lỏng lẻo, lại thái độ của cấp lãnh đạo không nghiêm minh nên mới có hiện tượng bè phái. Những phần tử xấu trong xã hội len lỏi được vào hàng ngũ DD, đem theo biết bao nhiêu nét xấu vong đảng.

Để tránh những cuộc tiếp xúc với nhiều thành phần đảng viên phức tạp, Thư Ký Trường Lý Đông A rời chỗ tạm trú từ đường Hoàng Cao Khải đến đường Hàng Bông Thợ Nhuộm. Chỗ ở mới là một căn gỗ nhỏ nhưng kín đáo và ấm cúng, ít đảng viên lui tới, nên anh có thời giờ để suy nghĩ một phương lược tranh đấu và một chương trình hành động. Hàng tuần anh viết mục thời cuộc thông cáo. Tin tức mật về chính trị được đưa về nơi anh để anh nghiên cứu, phân tích và kết luận. Nhờ sự hướng dẫn của anh, các cán bộ, các đảng viên DD nắm vững được biến chuyển thời cuộc.

Rồi một hôm, gần cuối năm 1945, anh cho triệu tập hội nghị Phân Lập Chỉ Huy, báo ý định anh vào quân khu Hòa Bình. Ngày anh từ biệt thủ đô Hà Nội chưa được ấn định,

nhưng chỉ trong vòng 10 ngày trở lại. Rất ngắn và gọn, anh giải thích: “Tôi ở lại Hà Nội cũng chỉ nhìn thấy, nghe thấy chúng lộng hành, chúng diễn những cảnh độc ác, bất nhân như Lénine đã diễn ra ở Nga thời 1917, như Staline ở thập niên 1920 và 1930. Tôi ra đi để tìm một đường sống cho Đảng. Việc làm biết trước là khó khăn và nguy hiểm, nhưng chúng ta không thể vì hiểm nghèo mà từ khước sứ mệnh của dân tộc và của Đảng được.”

Vào Hòa Bình, anh chuẩn bị cuộc khởi nghĩa rất gấp. Ngày khởi nghĩa chưa định vào ngày nào, nhưng chắc chắn là vào thời gian sau khi Pháp thỏa hiệp với cộng sản đưa quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam. Biến cố này theo anh dự đoán thế nào cũng xảy ra. Cho nên lúc ấy, hiệu triệu quốc dân chống Pháp, tức hiệu triệu quốc dân chống cộng sản vậy. Điều dự đoán của anh chẳng bao lâu trở thành sự thật. Chiều ngày 06-3-1946, Pháp và cộng sản đã cùng nhau thỏa hiệp. Thỏa ước được ký kết giữa Sainteny, đại diện Pháp quốc và Hồ Chí Minh, cùng Vũ Hồng Khanh đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa⁴. Nguyễn Hải Thần, phó chủ tịch Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa, phản đối thỏa ước 06-3, rải truyền đơn tố cáo cộng sản đã đặt quyền lợi đảng mình lên trên quyền lợi dân tộc, âm mưu bán nước cho Pháp⁵.

Tin biến cố trên đưa tới Hòa Bình, Lý Đông A ráo riết hành động. Một lần nữa cải tổ lại cơ cấu Đảng. Quân khu vẫn do quân sự phụ đạo ủy viên hội phụ trách; ứng hậu tác chiến khu do các chi bộ Sơn Tây, Hà Đông, Phủ Lý, Ninh Bình liên hợp lại thành một bộ chỉ huy. Phân Lập Chỉ Huy bị giải tán. Để thay thế, anh thiết lập 3 cơ quan khác là Biệt lập Cơ quan do Thanh C⁶ lãnh đạo; cơ cán là ủy hội cán sự bộ lãnh đạo các chi bộ, và đặc bộ cơ quan do Thái Hùng lãnh đạo, phụ trách công tác ngoại vận, tức liên hệ với các đảng phái chính trị và cách mạng trong nước, vận động sự ủng hộ của các lực lượng này và vận động phát triển ý thức DD trong dân chúng. Liền sau đó, anh cho ban phát rộng rãi bản [hiệu triệu kháng Pháp](#), xuống lệnh khởi nghĩa.

Lý Đông A rời Mường Tè, ước hẹn trở lại nếu cuộc khởi nghĩa thành công. Nhược bằng thất bại anh sẽ qua Lào. Và anh đã bật tin từ ngày ấy. Năm cán bộ quân sự và 12 dân quân đi theo để hộ vệ anh cũng không có người nào trở về.

⁴ Ký xong, Sainteny thở phào nhẹ nhõm, mặt hân hoan nói: “C’est un grand jour pour moi”.

⁵ Trong một bữa tiệc chia tay với bằng hữu từ thời Đông Kinh Nghĩa Thực, tổ chức tại nhà hàng Asia, góc phố Hàng Bông, Nguyễn Hải Thần đã giải thích về việc ra đi lần này của mình, và nói sẽ cố gắng vận động với chính phủ Nam Kinh giúp cụ để cứu vãn cái gì còn có thể cứu vãn được. Nếu việc không thành, cụ chấp nhận bỏ xương nơi đất khách. Khi các bạn cũ tặng cụ vàng bạc, tiền, cụ từ chối và nói: “Tôi cảm ơn nhưng tôi không cần tiền bạc, tôi có một người đồng chí trong nước. Anh ấy còn trẻ nhưng đạo đức. Người cách mạng chân chính ấy là Lý Đông A, đảng trưởng đảng Duy Dân. Khi nào anh ấy yêu cầu gì, các cụ nên chấp nhận, hiệu triệu gì các cụ nên hưởng ứng.”

⁶ Có một tiểu tổ mang tên “tam Thanh” (ba người cùng tên Thanh, chia thành A, B, C).

Cuộc khởi nghĩa thất bại nguyên nhân chính là thiếu vũ khí, đạn dược. Để khắc phục nhược điểm ấy, các cấp chỉ huy quân sự DD quyết định một chiến thuật liều lĩnh, một mặt dùng địch vận để thuyết phục các đơn vị cộng sản theo về với chính nghĩa DD, các anh em ấy cho rằng tổ chức cộng sản chưa chặt chẽ, CS cướp chính quyền chưa được bao lâu, lại tinh thần cán binh CS có thể giao động vì thỏa ước 06-3. Mặt khác dùng chiến thuật đột kích chớp nhoáng để chiếm các kho vũ khí của địch.

Nhưng CS chuyên đi cướp vũ khí của đối phương, đâu để DD dễ dàng cướp vũ khí của chúng. Chúng bao vây Hòa Bình suốt từ phủ Nho Quan đến Hà Đông, Sơn Tây, rồi rình mồi như mèo rình chuột.

Đồng chí Thái Nhân, người chỉ huy cuộc khởi nghĩa, biết trước sự phản bội của cha con Đinh Công Phủ, chủ tịch tỉnh Hòa Bình, tuy nhiên anh vẫn cho tiến hành cuộc tiến binh và đã tuần tiết vào ngày 25 tháng 2 ấy.

Hậu quả của cuộc khởi nghĩa Hòa Bình thất bại thực thê thảm, gần 1000 chiến sĩ DD bị giết, bị bắt, trừ một số nhỏ, tất cả đều vĩnh viễn ra đi không có ngày trở lại. Chiến dịch khủng bố kéo dài suốt năm 1946 sang năm 1947. Cho đến khi dân chúng ta thán quá, khiến Hồ Chí Minh phải cử Bộ trưởng Tư Pháp Vũ Đình Hoè đi thanh tra các trại giam và cho quyền trả tự do cho một số nhận xét là oan uổng, cốt để xoa dịu lòng dân⁷.

Sinh lực Đảng Duy Dân tiêu hao gần hết. Người anh cả tuyệt tích. Việc anh xuống lệnh phân tán chỉ huy trước ngày khởi nghĩa để tránh hủy diệt, chính lại đem đến hậu quả Đảng bị phân hóa nặng nề không phương cứu chữa.

⁷ Bộ trưởng Tư Pháp Vũ Đình Hoè đến trại giam Chợ Bến, trông thấy một người bạn cũ cùng học ở trường Luật Đông Dương, là anh Nguyễn Hữu Lãm, một đảng viên DD, cũng là một thi sĩ, tính tình cương trực, rất ghét bạo lực và gian dối. [Ông Hoè hỏi:]

- Tại sao cậu lại ở đây?
- Bị bắt chứ còn tại sao nữa.
- Nhưng tại sao cậu lại bị bắt?
- Tôi gặp thẳng Dương Đức Hiền (Bộ trưởng Bộ Thanh Niên) ở Phú Thọ, nằm đêm tâm sự với nó, tưởng nó tốt, nào ngờ nó tố cáo tôi, thế là vào tù.
- Cậu đợi tôi giải quyết một số vụ ở đây, rồi tôi ký giấy để cậu về.

Đó là mẩu đối thoại giữa Bộ trưởng Tư Pháp Vũ Đình Hoè và người bạn cũ bị bắt giam.

Ra khỏi trại, Lãm một mạch đến Văn Đình, thấy phố chợ treo cờ. Nhẩm tính ngày mới biết là kỷ niệm ngày 19/8. Xót thương thân thể mình, xót thương dân, anh sáng tác một bài thơ, xin trích vài đoạn:

A ha ngày hội chi đây?/ Lơ thơ phố chợ cờ bay bẽ bàng/ Người rằng kỷ niệm vinh quang/ Ta rằng kỷ niệm một tràng đau thương./ Nhớ hồi năm ngoái cũng hôm nay/ Trong cảnh lao lung uất hận đầy/ Cùng sáu bảy người chung số phận/ Đưa về thiên cổ, bạn bèo mây./ Bạn không sống trọn với đời/ Ven rừng gửi xác, lưng trời hồn xiêu/ Trong khi bao ngọn cờ điều/ Như khoe được nhuộm rất nhiều máu oan!

Những phần tử hoạt đầu, cơ hội chủ nghĩa lại bắt đầu nổi lên, mạo xưng có ủy nhiệm này, ủy nhiệm nọ của thư ký trưởng, lập lòe dom đóm trong những năm đen tối của Đảng.

Do đó mới có hiện tượng bè phái, năm bè, bảy mối làm đau lòng cho những ai đã từng thành tâm đem hết tim óc dành cho Đảng DD.

Nhưng rồi, những nhóm quấy hôi, bôi nhọ ấy cũng tự bị đào thải, hay bị đào thải bởi thời cuộc, không còn vương chân cho những chiến sĩ DD chân chính hay những chiến sĩ dân tộc chưa từng biết tới con người Lý Đông A, nhưng do sự biến hóa ý thức của thời đại, do những phản tỉnh lớn lao ý thức dân tộc, đang và sẽ hành động như những đồng chí của Lý Đông A vậy.

Và Lý Đông A sẽ thấy rằng: Nếu 50 năm về trước, trong thập kỷ 1940, anh bắn khoản thiếu thốn tri kỷ, thì 50 năm về sau, sẽ có biết bao nhiêu người chưa từng nghe anh giảng dạy, chưa từng vào Đảng DD mà nồng nhiệt hưởng ứng những quan điểm cách mạng và chính trị của anh.

Thông thường người ta hay nói, không thể căn cứ vào sự thành bại mà luận anh hùng. Có thể như vậy, sự thành công hay thất bại của một nhân vật lịch sử phụ thuộc vào nhiều nhân tố, trong đó sự may rủi cũng là một nhân tố đáng kể. Sức nhân vi đã đành là nhân tố quan trọng nhất, nhưng mà sự thành công với danh vọng đó có thể đạt tới được khi ý thức với sự nghiệp đi đúng với con đường đi của nước nòi, đáp ứng được yêu cầu của quần chúng, từ yêu cầu bình diện tới yêu cầu lập thể. Lại ý thức và sự nghiệp ấy phối hợp được với nền tảng của thời đại.

Nếu bản chất của sự nghiệp là một cuộc tranh bá đồ vương, dù đạt được bằng một kỹ thuật tối tân, hiện đại, ý thức với sự nghiệp trái với xu hướng dân tộc, lý tưởng nhân đạo thì sự nghiệp với ý thức ấy cũng chỉ tồn tại nhất thời, chung cuộc nó sẽ không tránh khỏi luật đào thải, đi vào sự lãng quên, nếu không muốn nói lịch sử sau này sẽ gắt gao phê phán.

Dưới tiền đề đó, ta hãy quay về lịch sử nước nòi ta vào thập niên 1940, một thập niên đầy biến động. Các đế quốc thực dân, vì cuộc thế chiến làm cho suy yếu, tạo cơ hội tốt đẹp cho các nước bị thống trị đứng lên đòi độc lập. Dân Việt ta cũng vùng lên trong thời cơ ấy, dưới sự dẫn dắt của các nhà cách mạng. Nhiều đảng cách mạng Việt được thành lập, nhiều lãnh tụ cách mạng xuất hiện. Như ta đã biết, Đảng CS VN, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã dùng nhiều mưu thần chước quỷ, giết hại các lãnh tụ cách mạng khác, cướp công tranh đấu cho giải phóng dân tộc của các đảng cách mạng khác để độc quyền lãnh đạo quốc gia. Lịch sử nước ta từ gần nửa thế kỷ nay là như vậy đó. Nhưng nếu ta muốn đánh giá những nhân vật lịch sử trong giai đoạn gần 50 năm qua dưới tiền

đề đã nêu ở trên, ta phải trở lại lịch sử nước ta với 3 nhân vật lịch sử cùng 3 xu hướng chính trị của 3 nhân vật ấy, để có những nhận xét đúng đắn.

Ba nhân vật này đều có cơ may tiến đến chính quyền: Người thứ nhất là Hồ Chí Minh, lãnh tụ Đảng Cộng Sản Việt Nam; người thứ hai là Trương Tử Anh, đảng trưởng đảng Đại Việt Quốc Dân Đảng; người thứ ba là Thái Dịch Lý Đông A, thư ký trưởng Đảng Đại Việt Duy Dân.

Trong 3 người, Hồ Chí Minh lớn tuổi hơn hết. Bước vào thập kỷ 1940 ông đã 51 tuổi, hơn Trương Tử Anh 23 tuổi, và hơn Lý Đông A 30 tuổi. Ông Hồ thành công vẻ vang, nắm được chính quyền, diệt được hết các đối thủ, cướp được lá cờ kháng Pháp. Biết bao sách viết về sự nghiệp của ông; tuy nhiên ở đây nhân viết về lịch sử Lý Đông A, nói lướt qua về con người và sự nghiệp của ông Hồ cũng không phải là thừa.

Hơn 30 năm bôn ba nơi xứ người, Hồ Chí Minh đã thu thập được rất nhiều kinh nghiệm đấu tranh chính trị. Ông Hồ đã học Lénine trong cuộc diệt đối thủ ở thời nội chiến. Ông đã học Staline cách thức thanh trừng đối lập, tiêu diệt tư sản nông dân để thiết lập chế độ tập thể nông trường. Con người ông là hiện thân của con người kỹ thuật và trá thuật.

Vừa xuất hiện ở Pắc Bó năm 1941, các lãnh tụ CS quốc nội khâm phục ông sát đất. Không có ông Hồ, Đảng CS VN không thành một lực lượng thống nhất. Đũa bằng đầu, chẳng có lãnh tụ nào chịu phục tùng lãnh tụ nào. Ông Hồ ban cho mấy lời chỉ dạy làm sáng mắt những đồng chí của ông như Võ Nguyên Giáp... Trước đó họ mò mẫm đấu tranh không phương hướng. Cho nên mới hết ‘dã đảo’ rồi lại ‘hoan hô’, ‘muôn năm’ ông Đại sứ của Pháp quốc dưới thời Mặt trận Bình Dân, để rồi lại có kẻ đi tù, người trốn lẩn.

Hồ Chí Minh còn là nhân vật có tầm vóc ngoại giao quốc tế, với kỹ thuật đạt tới mức cao độ. Là nhân viên của Komintern, ông thực hết sức khôn ngoan để được Liên Xô tin cậy mà lại không mất lòng Trung Quốc vĩ đại nằm kề bên mình.

Những người thừa kế sự nghiệp ông đã không theo kịp ông nên mới có “bài học biên giới” (1979) chua cay cho đến tận ngày nay vẫn chưa giải tỏa được cái thù hận giữa hai huynh đệ chung lý tưởng CS. Nét son của ông Hồ còn ở chỗ chiếm ngôi vị chí tôn mà vẫn giữ được đời sống thanh đạm. Không gia đình, “không vợ con” nên ông không bị cái nạn bà Giang Thanh, bà Ceaucescu, bà Ngô Đình Nhu hay bà Marcos làm thân bại danh liệt cho những đấng trượng phu.

Nhưng người ta có mấy ai hoàn toàn. Ngòi bút trung thực không thể nào không viết những cái gì mà nhiều người đã không dám viết.

Ông Hồ thực giỏi về thủ đoạn cách mạng, nghĩa là việc tranh đoạt quyền hành, nhưng thực không có sáng kiến nào về địa hạt kiến thiết đất nước. Mục đích tích cực của cách

mạng là kiến thiết. Kiến thiết thành công mới gọi là cách mạng thành công. Suốt từ 1945 đến 1969 là năm ông Hồ qua đời, chúng ta tuyệt không thấy ông đề ra được một qui mô kiến thiết nào ngõ hầu đưa đất nước lên hàng các nước tân tiến và giàu thịnh. Những công cuộc vụn vặt theo kiểu mẫu Liên Xô hay Trung Quốc chỉ biểu lộ cái kiến thức hạn hẹp của ông về vấn đề trị quốc mà thôi. Ngày nay, kinh tế quốc gia lụn bại, dân chúng nghèo đói, giáo dục phá sản, xã hội đầy rẫy tham nhũng, gian dối, lừa lọc, bất lương, tất cả cái tệ trạng đó là hệ quả của sự lãnh đạo sai lầm từ bao năm rồi đó. Đất nước được lèo lái để đi đến đâu? Ai công, ai tội? Chỉ có Xuân Thu mới luận được.

Nhân vật thứ hai là lãnh tụ Đại Việt Quốc Dân Đảng (ĐVQDD), Trương Tử Anh. Ngoại trừ trong giới cách mạng Việt Nam, ít người biết tới ông, bởi lẽ dễ hiểu, ông hoạt động bí mật vào thời Pháp thuộc và khi CS cướp chính quyền từ 1945, ông vẫn phải lẩn trốn và hoạt động bí mật. Chính ông cũng là người ưa thích bí mật. Nhiều đảng viên ĐVQDD không biết được tông tích ông.

Trương Tử Anh quê làng Mỹ Thanh (sau đổi là xã Hòa Phong), phủ Tuy Hòa tỉnh Phú Yên. Người thân sinh ra ông là cụ Trương Bội Hoàng, một nho sĩ đã từng tham gia phong trào Duy Tân chống Pháp, và là một đại điền chủ, giàu có tiếng trong vùng. Trương Tử Anh ra Hà Nội theo học. Ông tự học và thường lui tới thư viện trung ương. Vốn dòng dõi cách mạng, ông đã sớm hun đúc được một lòng yêu nước rất nhiệt thành. Ông muốn theo gương Quang Trung, đưa nước Việt lên đài vinh quang thế giới, vì ông và vị anh hùng áo vải Tây Sơn cùng quê. Bình Định và Phú Yên trước kia là một tỉnh, tỉnh Bình Phú địa linh nhân kiệt, ông tin như vậy.

Từ 1935, ông theo dõi sát những diễn biến chính trị trên thế giới và trong nước. Ông rất ghét CS vì ông cho những đảng viên CS không phải là chiến sĩ của dân tộc; ông rất ghét những cuộc mít tinh do CS tổ chức vì ông cho mít tinh và biểu tình không phải là phương thức hữu hiệu để giải quyết vấn đề độc lập của nước ta.

Trái lại, ông lại rất có cảm tình với phong trào Đức Quốc Xã. Ông sùng bái Adolf Hitler và quyển sách gối đầu giường của ông là cuốn Mein Kampf. Từ tổ chức, kỷ luật thép đến tuyên truyền, ông cũng đều bắt chước các thầy Nazi cả. Thuyết Sinh Tồn Không Gian (espace vital) hấp dẫn ông, khiến ông lấy luôn làm chủ thuyết cho đảng ông. Thi tú tài Pháp rớt, ông bỏ luôn và dấn thân vào hoạt động cách mạng. Ông sáng lập ra Đại Việt Quốc Dân Đảng (ĐVQDD). Đảng viên tuyển lựa trong giai tầng trung và thượng lưu. Những thanh niên nào không thành công trên đường học vấn, được ông cho huấn luyện kỹ càng, sau đó ông gửi vào các cơ quan của Nhật để học kỹ thuật hay quân sự của Nhật. Những sinh viên được tổ chức và khuyến khích tiếp tục học hành, nhiên hậu tích cực mở rộng đảng trong giới trí thức.

Cuốn năm 1940, ông được mời tham dự hội nghị các lãnh tụ một số đảng quốc gia như Đại Việt Dân Chính, Đại Việt Quốc Xã và một số nhà ái quốc, mục đích thành lập một mặt trận quốc gia thống nhất ngõ hầu phối hợp hoạt động cách mạng. Mặt trận không thành do sự cố chấp của ông.

Sở mật thám Pháp theo dõi, Nguyễn Tường Tam phải xuất ngoại mới khỏi bị bắt. Nguyễn Tường Long, Nguyễn Xuân Tiểu bị đày ở Sơn La. Trương Tử Anh bị giam ở Vụ Bản (Nam Định). Năm 1943 được thả về, lãnh tụ Đại Việt Quốc Dân Đảng lại tiếp tục hoạt động.

Ngày 09-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, đưa Trần Trọng Kim ở Tân Gia Ba về làm thủ tướng chính phủ, cơ may đến gần cận với chính phủ thân Nhật này, có người là cháu đương kim thủ tướng, có người là thân cận với Bảo Đại.

Tiếc rằng Trương Tử Anh không phải là chiến lược gia giỏi. Nếu ông triệu tập được một hội nghị đảng phái quốc gia, thành lập được một mặt trận cách mạng, mang danh nghĩa đó thuyết phục chính phủ do Nhật dựng lên chuyển quyền cho mặt trận; Hitler không bao giờ để lỡ cơ hội ấy nhưng Trương Tử Anh đã bỏ lỡ, ông vốn là người quyết đoán, nhưng lại tự cao và cố chấp, không lắng tai nghe một lời khuyên nào.

Nếu ông đừng để lỡ cơ hội nói trên, với số quân sĩ bảo an của chính phủ Trần Trọng Kim trao lại, với số thanh niên ái quốc đang sục sôi trước một tình hình mới của đất nước đầy hứa hẹn, ông chỉ cần tiêm nhồi cho họ một luồng sinh khí cách mạng, nhất định là cờ kháng Pháp sẽ ở trong tay ông chứ không phải ở tay Hồ Chí Minh.

Rút cuộc ông bị CS giăng lưới khắp nơi ruồng bắt ông, hết đường Đại Cồ Việt đến Hàng Đẫy, hết đường Duvigneau đến Hàng Khai, những nơi ông thường tá túc hay qua lại. Đến gần ngày chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, ông sa lưới và bị sát hại, như CS đã sát hại biết bao lãnh tụ quốc gia khác cũng vào thời điểm đó.

Trương Tử Anh chết đi, nhưng ông không ngờ đảng “Đại Việt hậu Trương Tử Anh” lại có tiềm lực chính trị rất hùng hậu.

Đảng viên do ông kết nạp thuộc đẳng cấp trí thức, tư sản, quan liêu phong kiến có nhiều điều kiện hoạt động chính trị. Cho nên, từ sau thỏa ước Hạ Long, hiệp ước Elysées, không có chính phủ Bảo Đại nào mà không có sự tham gia của các đảng viên ĐVQDD.

Nguyễn Hữu Trí, thủ hiến Bắc Việt; Phan Huy Quát lần lượt là bộ trưởng quốc phòng, phó thủ tướng rồi thủ tướng; Nguyễn Tôn Hoàn, Nguyễn Ngọc Huy, Bùi Diễm, Hà Thúc Ký và Nguyễn Văn Thiệu (tổng thống Việt Nam Cộng Hòa), Nguyễn Văn Kiếu, Nguyễn Văn Hường... đều là đảng viên đồng chí của Trương Tử Anh. Chỉ có một điểm đáng buồn

là Trương Tử Anh lúc sinh thời, tận tụy hi sinh cho quốc gia dân tộc, thì các đồng chí của ông, lợi dụng danh nghĩa ông, đảng ông, để mưu cầu danh lợi cá nhân.

Các cơ hội mà Trương Tử Anh bỏ lỡ, Lý Đông A muốn nắm lấy mà không nắm được. Sau khi nhận xét toàn bộ nội các Trần Trọng Kim, về thành phần cũng như về chính sách, họ Lý đi tới kết luận: chính phủ Trần Trọng Kim sẽ bị tê liệt dưới áp lực của Nhật, bị bối rối về nội tình do những cuộc tuyên truyền và phá rối của CS. Họ Lý trao cho Cơ B một kế hoạch gọi là vô hình diễn tập (*manuvre invisible*) để chính phủ Trần Trọng Kim chuyển nhượng quyền hành hợp pháp hay bất hợp pháp, nếu không được toàn bộ chính quyền, thì ít nhất quyền hành miền Bắc, cho một mặt trận gồm các đảng phái quốc gia.

Tiếc là Lý Đông A không có tư thế như Trương Tử Anh, và Thái Lư, người lãnh đạo Cơ B, hay không có vị thế của Bùi Diễm, đảng viên ĐVQĐĐ, đồng thời lại là cháu đương kim thủ tướng.

Trên trường chính trị, Lý Đông A còn quá trẻ, chưa gây được tiếng tăm để quần chúng biết đến. Đảng viên DD phần lớn là nông dân, ít học, không có tầm mức thực hiện những cuộc vận động chính trị ở thượng tầng xã hội.

Trong giai đoạn lịch sử nước ta vào thời điểm này, phải có một Von Papeu Việt Nam mới thuyết phục được Bảo Đại và Trần Trọng Kim chấp nhận một cuộc chuyển quyền cho một nhân vật cách mạng tài ba, khả dĩ đối phó được những bất trắc của thời cuộc.

Mặt khác, so với uy thế của Hồ Chí Minh và Đảng CS trong nhiều tầng lớp dân chúng, Lý Đông A và Đảng DD cũng thua thiệt.

Từ năm 1930, nhiều đảng viên CS bị Pháp giết hay bị bắt tù đầy. Dân chúng Việt Nam đâu có hiểu CS là gì, đâu có phân biệt được đồng chí của Nguyễn Thái Học khác với đồng chí của Trần Phú ra sao. Dưới con mắt của quần chúng, Nguyễn Thị Minh Khai hay cô Giang, cô Bắc đều là người Việt Nam yêu nước mà họ đều ngưỡng mộ. Đó là lợi điểm của Đảng CS của ông Hồ Chí Minh.

Đảng Duy Dân, tuy thành lập từ năm 1937, nhưng người lãnh tụ xây dựng đảng chưa được bao lâu đã phải tham gia vào cuộc khởi nghĩa [của] Phục Quốc Quân, rồi phải sống lưu vong ở Trung Hoa. Lúc ra đi, họ Lý để lại một tổ chức hầy còn ở trong thời kỳ trứng nước. Ngày trở về nước, vừa hoạt động vừa viết chủ nghĩa, mà hoạt động trong những điều kiện khó khăn và nghèo nàn. Thế chiến kết thúc mau lẹ. Do đó sự chuẩn bị không đầy đủ. Lại nữa, họ Lý phải đương đầu với kẻ địch vô cùng tàn bạo, man rợ, nguy hiểm, một kẻ địch không từ một thủ đoạn độc ác nào, miễn là tiêu diệt được đối thủ.

Những phân giải trên cắt nghĩa hết những thất bại của các đảng cách mạng quốc gia nói chung và của Đảng DD nói riêng. Hậu quả trầm trọng nhất trong vụ khởi nghĩa Hòa Bình thất bại là người lãnh tụ DD tuyệt tích. Màn bí mật trùm phủ lên vụ này từ 1946 đến tận ngày nay mà vẫn chưa được ai vén lên để biết sự thực. Vào thời điểm ấy mạng lưới công an CS chẳng suốt từ Ninh Bình đến Sơn Tây, kiểm soát chặt chẽ sự qua lại của người Kinh lên xuống miền Thượng. Cho nên rất khó tìm ra dấu tích của Lý Đông A.

Chỉ có CS mới biết sự thực, song họ chưa có lần nào tiết lộ, dù chỉ là một chi tiết nhỏ của nội vụ. Trong Đảng DD, sự nhận xét về sự thất tung của lãnh tụ rất lẫn lộn. Những đảng viên chất phác gia nhập đảng với một lòng tin, ít hay lý luận, cho rằng: Người anh cả của đảng không thể chết một cách tối tăm như vậy được, vì anh là một vị cứu tinh dân tộc, một vị cứu thế nhân loại. Nếu đấng anh hoa ấy tàn lụi phũ phàng như thế thì thực không có trời, không có đất, không có Bụt cũng như không có Chúa nào hết!

Nhận xét tương tự ở một số đảng viên chịu ảnh hưởng xấu của sấm ký Bạch Vân, cá quyết cho rằng Lý Đông A sẽ xuất hiện khi mà đất nước chia rẽ đến mức tam phân ngũ liệt, khi mà “đào viên tán loạn, ngô dân thủ thành”⁸, họ Lý sẽ xuất hiện như con rồng ở núi Thái Lĩnh bay ra không còn ai cản được.

Còn những đảng viên thuộc lớp tân học, không chia sẻ nhận xét của các đồng chí nói trên. Lớp người này cho rằng lãnh tụ Lý Đông A đã bị CS sát hại rồi. Không thể có chuyện người thư ký trưởng Đảng DD lẩn tránh cuộc đời, ẩn náu trong rừng sâu núi thẳm, bởi không có một người nào thời ấy đi bảo vệ lãnh tụ trở về⁹.

Ba nhân vật lịch sử đề cập trên đây đã khuất cả rồi. Sự nghiệp của mỗi người để lại cho hậu thế còn gì?

Trương Tử Anh để lại một hệ thống tổ chức quan liêu, phong kiến gồm đa số thành phần đại trí thức, từ thập kỷ 1950 đến thập kỷ 1970, Đảng ĐVQDD “hậu Trương Tử Anh” chi phối chính trường của nửa nước Việt Nam, bề ngoài đoàn kết, nhưng bề trong phân hóa khá nặng nề, vì sự đua tranh chiếm quyền hành hay thế lực chính trị. Nói tới đại trí thức tức nói tới cá nhân ích kỷ chủ nghĩa, lại không có lý tưởng chỉ đạo, các đảng viên ĐVQDD “hậu Trương Tử Anh” không làm sáng tỏ được cái chí của người đảng trưởng, mong muốn cho Việt Nam anh hùng và cường thịnh như thời Quang Trung trước đây

⁸ Đoạn kết sấm ký Bạch Vân.

⁹ Vào khoảng 21 giờ một ngày cuối tháng Tư 1985, vừa mở truyền hình ra, thấy hình ảnh một trung tá công an đang báo công nhân dịp kỷ niệm 10 năm sau ngày chiếm Sài Gòn, có một đoạn nguyên văn như sau: “... chính tay tôi đã bắn chết ‘thằng’ Lý Đông A; đảng trưởng Đảng Duy Dân, ngay tại nơi ẩn nấp của nó.”

[Tuy nhiên, trên trang nhà của đảng bộ CS tỉnh Hòa Bình (hiện không còn có thể truy cập để đọc được đoạn kế tiếp đây), là CS đã giết được đảng trưởng Đảng Duy Dân tên Trần Khắc Tường, tức CS không biết rõ tên họ thật của Lý Đông A là Nguyễn Hữu Thanh. TD]

hai thế kỷ. Vì ích kỷ nên hầu hết các lãnh tụ ở giờ phút đen tối của 1975 bỏ chạy ra nước ngoài, để cả một nửa non sông gấm vóc, thành trì cuối cùng của những người không chấp nhận chủ nghĩa CS rơi vào sự thống trị của CS.

Hồ Chí Minh thực là người toại chí nhất. Sau hơn 30 năm lăn lộn ở nước ngoài, ông là người đầu tiên thành công đưa lý thuyết Mác Lê vào đất Việt, thành công mở rộng đế quốc Liên Xô tới vùng trời Đông Nam Á. Môn đệ trung thành của Staline, ông thành công trong việc thiết lập một chế độ Stalinisme vững chắc ở Việt Nam, môn đệ ông suy tôn ông là lãnh tụ vĩ đại của thế giới, nhà văn hóa lớn của Việt Nam, và ông cai trị Việt Nam suốt một phần tư thế kỷ, những người thừa kế sự nghiệp của ông vẫn còn cai trị Việt Nam trong suốt 20 năm rồi.

Nếu cho rằng trị nước phải lấy “áo cơm là đạo cả” thì ông Hồ không quan tâm đến cái đạo ấy.

Nếu lấy “phục hưng dân tộc, quảng đại dân sinh, sáng hóa dân văn” làm tối cao mục đích cho công cuộc cai trị quốc gia - nói cách khác, nếu lấy sự dẫn dắt dân tộc lên địa vị ngang hàng với các nước tiên tiến, lấy sự phát triển kinh tế, lấy sự phát triển dân chủ, nghĩa là lấy sự phồn thịnh quốc gia để cho quốc dân một đời sống vật chất phong phú đầy đủ, tiện nghi thời đại để cho quốc dân có một đời sống thoải mái trên tinh thần: lấy tất cả các cái đó làm thước đo cho sự thành công cách mạng - thì ông Hồ đã thất bại chua cay. Lãng tâm nguy nga, tượng đồng, bia đá không tránh khỏi lớp bụi thời gian phủ kín, sẽ không còn gì hết ở tương lai!

Lý Đông A xuất hiện trên trường cách mạng Việt Nam cùng thời đại với Hồ Chí Minh, xuất hiện như một vì sao băng vụt sáng ngời rồi sớm tắt. Họ Lý không bia to, đài lớn ghi công, nhưng sự nghiệp văn hóa vẫn còn tồn tại với thời gian.

Con người của Lý Đông A là hiện thân của cách mạng dân tộc, đạo đức dân tộc, tinh thần sáng tạo dân tộc, tinh thần tự lực tự cường, tinh thần dân tộc siêu thoát..., tất cả các cái đó mới thực sự là còn sống mãi trong lòng mọi người Việt qua hết lớp thế hệ này đến lớp thế hệ khác.

Lý Đông A là biểu tượng của lòng khoan dung, nhân đạo, của hòa bình mà mĩa mai thay họ Lý gục ngã ở một địa điểm địa danh Hòa Bình, dưới bàn tay đao phủ của ông Hồ.

Lý Đông A chết đi, để lại một tiếc hận cho dân tộc vì cái chết của ông đã làm chậm bước tiến hóa của dân tộc.

Lý Đông A chết đi, nhưng để lại cho dân tộc và loài người một lâu đài tư tưởng đồ sộ. Mặc dầu cái lâu đài đó bị CS phá hủy đi gần hết, nhưng những viên gạch vỡ hãy còn, những mảnh đá vẫn còn, những viên ngói vẫn còn, đồ hình của lâu đài vẫn còn. Tòa lâu

đài đó có một ngày sẽ được xây dựng lại do một thiên tài nào đó của dân tộc, kiến trúc sẽ được hiện đại hóa, trang trí sẽ nguy nga tráng lệ.

Tư tưởng Lý Đông A không bao giờ chết được, không bao giờ bị đào thải vì lỗi thời, bởi tư tưởng ấy là nhân bản, là lẽ thực, lẽ sống của dân tộc và của loài người.

Năm trăm năm nữa gió Nam Dương

Chớ bảo ta trong hàng trăm tuổi.

(Vạn Niên Thư)

Thờ thụ tất cả tinh hoa của hết thảy các dân tộc với thời đại di lưu lại cho loài người, Lý Đông A đưa ra một chủ nghĩa chính trung nhất, tiêu chuẩn của chân lý, đưa dắt dân tộc và loài người trên con đường sống thực, sống đúng, sống hòa hài, sống toàn thể, sống thành tựu và tiến hóa, sống nhất như và tự tại.

Tháng 5 năm 1989 (4868 tuổi Việt)

Thái Hùng B

Phụ lục

HIỆU TRIỆU KHÁNG CHIẾN

Nòi giống Việt đã đi đến đường cùng của sống chết. Sau khi chính phủ CS Hồ Chí Minh ký kết bán nước không xong, trong giờ phút nghiêm trọng này, tình tự kháng chiến của quốc dân Việt đã tới mức cực điểm của phần uất, thời con đường sống sẽ mở ra tương lai, bắt đầu từ trong đáy lòng của mỗi người dân Việt, đã sẵn sàng dang tay ra, lấy máu xương ra giết giặc nước đòi lại nhà. Cái thắng lợi tối hậu của người Việt ở đó, cùng thành một sự thật quyết nhiên, đi đôi với sự thật sắt đá của thời đại, toàn thế giới các nòi giống nhỏ yếu và cả loài người, nhân loại tất thắng trong cuộc tranh đấu cường liệt của công lý ngày nay.

Đảng Duy Dân chúng tôi canh cánh vì dân tộc không phải đến ngày nay, những hành động kháng Pháp, kháng Nhật từ 1937 đến giờ đã tỏ rõ cái tác dụng tiềm tàng của chúng tôi đối với cái vận mệnh quyết liệt của nòi giống. Đã hẹn trước giờ phút này, chúng tôi thề đứng lên cùng quốc dân kháng Pháp, và cùng quốc dân, nghĩa là tất cả các giai tầng, các đảng phái, các thế hệ, các tôn giáo, các đoàn thể dân chúng, bất cứ màu sắc nào mà giờ này cùng đứng lên kháng Pháp. Chúng tôi thề hy sinh những kiến giải riêng biệt có thể gọi là hẹp hòi được, phục tùng ý chí chung để thành lập một hàng ngũ liên hiệp của dân tộc kháng chiến, chính phủ dân tộc kháng chiến, cùng chọn một ước pháp hợp lý mà chủ nghĩa Duy Dân chỉ là một đề án, không hơn là một đề án.

Nòi giống Việt từ xưa đã không từng không phục tùng những nguyên tắc nhân đạo tối cao của văn minh loài người. Nòi giống Việt trong cuộc kháng chiến này chỉ có một yêu cầu duy nhất mà không hơn, là độc lập và thống nhất. Hàng ngũ dân tộc kháng chiến của nòi giống chỉ có địch nhân là Pháp, tuyệt đối tôn trọng những quyền lợi chính đáng của quốc tế, nhưng mà không ngần ngại phấn đấu đến cùng để đối đầu với những áp bức quá cực.

Hỡi tất cả các dân tộc văn minh! Hỡi tất cả đồng bào Việt! Hãy gia nhập vào cuộc chiến đấu danh dự của công lý, của sống còn. Hỡi đồng bào! Hãy giác ngộ, hãy đứng lên. Thời cơ quyết định của sống chết ở ngay cái quyết tâm của chúng ta giờ này, cái quyết tâm thứ nhất là để đổi chết lấy sống, là phải triệt để thành thực cùng nhau ăn năn những cái lầm lẫn vừa qua, đừng đặt chủ nghĩa, đảng, ngẫu tượng lên trên tổ quốc.

Hy sinh hết mới thắng được hết, mới lấy lại được hết, hỡi người Việt đau thương!

Duy Dân Đảng kính cần hiệu triệu

Thái Dịch Lý Đông A

Thư ký trưởng đảng Duy Dân
Làm tại Hoà Bình
Ngày 12 tháng 02 năm 4825 tuổi Việt (1946)

Ghi chú: Đảng Đại Việt Duy Dân đã lập chiến khu tại Hoà Bình và hiệu triệu kháng chiến từ đầu năm 1946, trước Việt Minh gần một năm, nhưng chiến khu Hoà Bình đã bị Việt Minh (CS) bao vây tiêu diệt để dành độc quyền kháng chiến chống Pháp.

TỔNG PHÁT ĐỘNG LỆNH

Nghiêm trọng và khẩn cấp cho toàn thể đồng chí Duy Dân

1. Y cứ thời cuộc quốc tế và quốc nội.
2. Y cứ tổng ý của các Tư lệnh Chỉ Huy, các cấp và các bộ của đảng.
3. Y cứ về quyền và phận sự Thư ký trưởng [TKT] Duy Dân Đảng trong đảng chế tế tấc, XY Lý Đông A T.K.T thống sùý cách mệnh quân.
4. Y cứ tuyên cáo ngày 1-02-4825 tuổi Việt.
5. Y cứ hiệu triệu ngày 12-02-4825 T.V.

Nghiêm Trọng Tuyên Bố

6. Toàn thể tiến vào phát động thời kỳ.
7. Thành lập các khu tác chiến và phát động.
8. Ủy nhiệm các nhân sự phụ trách.
9. Ban phát các phát động kế hoạch lệnh.

Yêu Cầu

10. Toàn thể đồng chí Duy Dân đảng nghiêm khắc phục tòng mệnh lệnh và kỷ luật cách mệnh Duy Dân.
11. Nghiêm khắc phục tòng các lãnh đạo cán cốt thực hành nhiệm vụ.
12. Tuyệt đối và thực tế hy sinh để thực hiện nhiệm vụ đảng của dân tộc.
Đứng trước bản vị tự kỷ, XY Lý Đông A, TKT Duy Dân Đảng thống sùý cách mệnh quân Duy Dân kính cần tuyên thệ.
13. Phụ trách trước đảng, quốc dân và lịch sử những hành vi chỉ huy của mình.

14. Kiên quyết lý hành đến cùng nhiệm vụ dân tộc.

15. Thề tự bản thân hy sinh vì nhiệm vụ.

Nay lệnh

X.Y. Lý Đông A

Ngày 16-02-4825 T.V. (1946)

HUẤN THOẠI

Các đồng chí thân mến.

Thời giờ đã đến mà nòi giống Việt bắt buộc và cho phép Đảng Đại Việt Duy Dân hành động. Các anh từ nay bắt đầu đứng vào trường hợp hành động. Các anh phải tuân theo các chỉ thị của Đảng Bộ, đi đúng với chương trình triển khai của Đảng dẫn dắt. Các anh đừng để mỗi hành vi nào của mỗi anh hối tiếc cho mỗi anh và cho Đảng.

Thành công của Đảng bằng thành công của mỗi đồng chí, bằng thành công của mỗi ngôn luận, cử chỉ, tư tưởng, tình cảm, thái độ của tự mình. Trinh sát người đừng để cho người một ấn tượng xấu xa rằng “tuyên truyền tức là lòe bịp”. Ngồi xuống mà viết, đứng dậy mà đi, làm những công việc rất tầm thường mà Đảng Bộ giao phó cho anh. Các anh cũng đừng cho là mình làm việc lớn, đáng đầu làm việc nhỏ. Các anh cũng đừng chỉ cho là thế ra mình chỉ có thế này! Tất cả việc nhỏ góp nên việc lớn, các anh biết chưa. Cái ngày mà thanh niên Việt chúng ta tỉnh giấc khỏi những mộng tưởng (kiếm hiệp), trút khỏi những cảm giác phong trào (mốt), đã đến ngày mà nòi giống Việt chúng ta đã nếm trải biết bao đau khổ của thực tế, tôi còn phải khuyên các anh gì nữa? Các anh còn phải để tôi khuyên gì nữa? Cách mạng không kiếm hiệp và phong trào đâu!

Tôi kêu gọi các anh, [thận vững], tìm trong, óc sáng, mình nhẹ và tay mạnh để lập lấy thân. Lập được thân mình mới xây được nước nhà. Trận doanh của Đảng cần phải thống nhất mới bền vững, tiền tiến được. Các anh em đừng xa lìa Đảng Bộ và chia rẽ đồng chí. Đảng cần có nhân cách làm gương mẫu cho quốc cách. Đảng phong và quốc cách ở nhân cách mỗi chúng ta làm nên. Đảng không có con đường đi riêng của Đảng. Đảng chỉ đi được và tính được con đường là bản tính nòi giống và tuân theo qua hết khó khăn, vấp vấp, khiêu nại, chớ cấp công cầu lợi, chớ háo hức, chớ kiêu, chớ nản, tôi yêu cầu nhất ở các anh đó.

Lại nữa, khi vào Đảng, các anh nghĩ gì, vì gì? Tất cả là nghĩ đến hy sinh thuần túy. Vì sự phục hưng của nòi giống Việt mà chủ nghĩa Duy Dân là phương pháp và kế hoạch đúng, thế thì hỡi các anh! Giữ cái sở trường đó làm động cơ cho tất cả đời sống và chết của mỗi chúng ta, chớ có một quan niệm dung tục gì về thành công cá nhân, chớ vội xếp

mình một chân vào trong dài thành công quốc gia! Sự sống nòi giống làm bằng sự chết của chúng ta.

Các anh chỉ để trong lòng một câu “hy sinh”, cả tôi cũng thế, tôi chỉ xếp đặt sao cho đời tôi hy sinh cho nòi giống Việt vững vàng và tiên tiến, còn thành công của Đảng, chỉ thành công ở dân tộc thành công, lịch sử thành công.

Chào anh chị thân ái
12-02-4825 T.V (1946)
X.Y Lý Đông A

Phần II

Con người Thái Dịch – Lý Đông A

Qua phần tiểu sử Lý Đông A, độc giả đã được giới thiệu một nhân vật cách mạng Việt ở thập kỷ '30 và '40, có thể nói là một kỳ nhân của thời đại.

Sống trong một bối cảnh lịch sử thế giới đang trên đường băng hoại, trong một bối cảnh xã hội bị ngoại bang thống trị thỏa hiệp với thượng tầng để duy trì đặc quyền, tâm hồn của nòi giống lắng xuống đáy tầng, đợi một ngày thời tiết thuận tiện để nẩy lên những chồi mới. Lý Đông A xuất hiện với một quyết tâm sắt đá và một hoài bão lớn lao, cầm bó đuốc dẫn đầu thế hệ Việt ở tầng cấp đáy bị áp bức, khơi mở đường đi cho nòi giống và cho loài người. Là kỳ nhân, tất Lý Đông A phải có những đặc điểm mà người khác không có được hay không thể có được. Nói rõ hơn, Lý Đông A là một lãnh tụ cách mạng Việt có những đặc điểm mà không có lãnh tụ cách mạng Việt khác có được.

“Hiểu một người nào, cần phải đem con mắt và con tim để nghiệm trải nhân tình thế cố, mà đứng trên nền tảng điều kiện và lịch trình đời sống người đó mà hiểu.”

(Thắng Nghĩa – Xuân Thu)

Đứng trên nguyên tắc và tiền đề trên, chúng ta hãy tìm hiểu con người Lý Đông A trên mấy phương diện sau đây:

1. Lý Đông A với công phu tu dưỡng.
2. Lý Đông A với Việt sử quan.
3. Lý Đông A với chính trị quan.
4. Lý Đông A, một nhà thơ dân tộc.

Chương I

Lý Đông A với công phu tu dưỡng

Nói đến tu dưỡng tức nói đến sự cố gắng phi thường nơi tự mình, bỏ trừ những thú tính trong mình, những dục vọng nhỏ nhen, kiến thiết tự mình thành một tấm thân kim cương cứng rắn và trong suốt.

Một lãnh tụ khi nhận thức được nhiệm vụ lý tưởng lịch sử của mình, không thể nào không có những cố gắng nói trên, kiến lập ở tự mình một hệ thống sinh mệnh kiện toàn, nghĩa là phải thực hiện cá nhân mình trước khi thực hiện xã hội, thực hiện dân tộc, mà thực hiện tức là cụ thể hóa một lý tưởng mô hình thực tại, có mấy lãnh tụ cách mạng Việt nào nghĩ đến việc phải làm cụ thể kể trên, hay theo được tiêu chuẩn trên.

Lý Đông A lập chí “học làm Thánh” từ buổi thiếu thời, đã không quản công phu tự tu thân mình. Theo anh, tự tu mình là chìa khóa của thời đại mới, của sự đạt tới cái tiêu đích đại vô úy, đại tự tại, đại giải thoát cho cả dân tộc, cho mỗi người chúng ta, cho kiện khang giáo pháp, sinh hoạt giáo dục đều đặt trên nền tảng của sự tu dưỡng.

Sự tu dưỡng của anh không giống lối tu của các tông giáo như phái Thiền Tông hay phái Du Già. Thiền Tông dùng phương pháp quán tưởng (quiétisme), dùng tự ngộ giải thoát tự ngã, dùng nội quan để chiếu rọi sự lý, dùng tịch tĩnh để minh tâm huấn tánh. Thiền Tông là phương thức xuất thế và hư vô. Lý Đông A dùng tu dưỡng là phương thức nhập thế, có tác dụng đạt tới giác ngộ. Ba giai đoạn trong quá trình tu dưỡng của anh:

A. Giai đoạn thứ nhất: Lý Đông A dùng phương pháp sau:

1. *Lấy chí xuất khí, chí tức là ý chí trong người, lấy một ý chí kiên cường và mình miễn sai khiến sinh lý sinh hoạt và tâm lý sinh hoạt.*
2. *Lấy tĩnh chế động: dùng một chủ thể rất bền vững để sai khiến những khách thể phức tạp và động loạn, cho khách thể đó tuân theo ý chí của chủ thể.*
Phương pháp này thông qua mấy bước:
 - a. *Hô hấp nhẹ, sáng và chiều mỗi ngày để khai thông vận hành cho vận động hệ của óc.*
 - b. *Vận động nhẹ và tẩy nhẹ cho các dịch chất động ngừng được thông thoát, làm cho toàn bộ cơ năng của thân người được sáng khoái.*
 - c. *Tung hợp và điều chỉnh lại các ký ức của mình, tức là tổ chức những tư tưởng tình cảm đã qua của mình cho không hỗn loạn.*
 - d. *Trầm tiềm cho tinh thần được tĩnh định, không chút vẩn lòng, cho yên nghỉ bộ óc.*

e. *Giữ cho thân vững, tim trong, cho khỏi bị ngoại vật kích thích hay bị động với ngoại vật.*

B. Giai đoạn thứ hai: Ở giai đoạn này phải tiến lên học cách vận dụng và phát triển các thường thái ở trên cho tâm và thân được bình hành phát triển.

Cơ cấu tâm lý khỏe khoắn, sinh hoạt có quy luật, nhân cách biểu hiện được thống nhất. Các phương pháp gồm có:

- a. *Tổ chức lý trí hệ thống tức là học tập về lý tắc (logique). Tư tưởng là một đồ dùng, dùng nó phải có phương pháp. Phương pháp dẫn dắt tư tưởng của người ta, đồng thời giúp tìm ra các luật tắc của tự nhiên và xã hội tiến hóa. Cho nên tư tưởng của người ta khi đã tổ chức theo lý tắc thì mới có khả năng tìm được chân lý, sự thật trong sự thật, mới chỉ huy không nhằm cái tâm lý sinh hoạt của người ta.*
- b. *Tổ chức tình cảm hệ thống tức là học về thẩm mỹ (esthétique), về nghệ thuật, tức là học về cách tổ chức và biểu hiện cảm tình, vũ trụ và xã hội sống theo những trật tự và luật tắc của nghệ thuật. Có cảm nghiệm cái tinh thần và phương pháp nghệ thuật thì tình cảm của ta mới được hợp lý và sinh hoạt của ta mới được mãn ý.*
- c. *Tổ chức ý chí hệ thống tức là học về lịch sử. Lịch sử là sự biểu hiện toàn thể ý chí sinh tồn của loài người và dân tộc. Phải lấy sự thể nghiệm quốc hồn và giác ngộ dân tộc làm tối cao mục tiêu, phải lấy tự kỷ khám phá ra cái ý tưởng muôn đời của dân tộc, căn cứ vào đó, lấy cái sứ mệnh tối thiêng liêng: nối dõi tổ tông, mở mang con cháu, sáng tạo văn minh cho dân tộc mình trên một nền tảng tối vững vàng làm cái phương châm không di chuyển cho một đời mình. Biết lấy ý chí đó làm ý chí mình há chẳng bền mạnh và hy sinh lắm ru?!¹⁰*

(Nhân Sinh và Nhân Tử - Tâm Lý Thần Linh Học)

Hai giai đoạn tập luyện nói trên gọi là nhập môn tu dưỡng. Phương pháp áp dụng rất nhẹ nhàng, gần giống như phương pháp nhập môn của bất cứ một môn phái tu luyện nào khác. Mục đích chính là ổn định tư tưởng và tình cảm, xếp đặt có trật tự những ký ức. Những người tự chữa cho mình bệnh tâm thần cũng thường áp dụng phương pháp này. Cũng ở trong giai đoạn nhập môn, người tập luyện còn phải gạt bỏ những tư tưởng lệch lạc sai lầm, để chỉ còn giữ lại những tư tưởng chính trung nhất.

¹⁰ Những nguyên tắc tu dưỡng nói trên là những chỉ dẫn của Lý Đông A cho các đồng chí khi lưu vong ở Liễu Châu, để họ tự chữa trị bệnh phát sinh do sự mất thăng bằng về mặt sinh lý và tâm lý.

Thí dụ đối với những trầm bệnh lịch sử phải gột rửa cho sạch tâm lý lầm lẫn nguồn gốc của giống nòi. Tâm lý quên bỏ tổ tiên, tâm lý miệt thị tổ tiên hay trái lại tâm lý kiêu nịnh tổ tiên. Những tâm lý thù ghét xã hội, tâm lý giai cấp đơn độc, cá nhân đơn độc, thể hệ đơn độc cũng phải gột rửa cho sạch.

Ở thời kỳ nhập môn, người tu dưỡng, bất cứ thuộc đề căn hay hạ căn cũng có thể thu lượm được kết quả, miễn là bền chí.

- C. Giai đoạn ba: Bước sang giai đoạn sau tức sơ bộ, cao hơn giai đoạn nhập môn nhiều. Trình độ thu thập được kết quả của sơ bộ tùy thuộc vào trình độ tri thức và sự kiên trì của người tu dưỡng. Một đảng viên Duy Dân muốn được coi là chiến sĩ cho một văn minh mới phải trải qua cuộc huấn luyện này. Trắc nghiệm tư cách đạo đức của đảng viên, phải lấy kết quả của bước sơ bộ tu dưỡng làm tiêu chuẩn hiệu suất.

Lý Đông A viết:

“Tu là cõi phúc tình là dây oan. Cá nhân có tu thì dân tộc mới hưng. Dân tộc Việt đừng để dây oan nghiệt của đế quốc đã tâm chằng buộc lấy mình mãi, đồng thời đừng để những dây khắc khổ cùng những truyền thống không thuần túy thắt bóp mình mãi.

Tất cả chúng ta phải độc lập và giải phóng, độc lập cho hết thảy quốc gia mệnh mạch và sinh hoạt cơ năng của ta, cởi mở cho hết thảy dân tộc tính, dân tộc tình, dân tộc chí của ta được tự do thi triển với thế giới. Làm sao cho chúng ta phát huy được những tiềm lực độc đặc của dân tộc ta trong cõi đời, cống hiến cho toàn nhân loại cái quang huy của tâm tình, năng lực nòi giống ta cái tinh thần cố hữu của dân tộc ta: trào phúng, khẳng khái, độc lập, sáng tạo, bền dai... Chúng ta phải kiến thiết mình trên những nhân tố đó. Vậy thì mỗi dân tộc, thanh niên phải tu tình.

1. Trung tâm giáo dưỡng

a. Lập chí chí thành: Lập một chí nguyện, một lý tưởng trên sự giác ngộ, rất xác thiết đối với dân tộc, ở đó sinh ra một lòng chí nhiệt, chí thành, suy động hết thảy sinh mệnh cơ năng.

b. Tính, tâm, thân, mệnh: Tính cho được trong suốt, tâm cho được yên ổn, mệnh cho được vững bền, thân cho được phát huy. Mệnh gồm tinh, khí, thần. Thân vững bền rồi thì tâm mới được yên định tình tức, tinh thần được dồi dào, tất tính được trong suốt như tấm gương. Như thế thân tức là sự nghiệp, thân thể, hành vi, ngôn ngữ, nhân cách sẽ được kiện toàn, thống nhất.

2. Lịch sử sinh hoạt

a. Sống một đời sống lịch sử, sống theo cái quá trình lịch sử của nòi giống, lấy cá nhân sinh mệnh mình phối hợp những giai đoạn của nó vào giai đoạn tất nhiên của lịch sử.

b. Nhận thức lịch sử của dân tộc triệt để, nghĩa là thấm thiết tiếp tục những giáo huấn của tiền nhân để lại.

c. Cảm ứng lịch sử của dân tộc: Chúng ta vui, buồn, khổ, oán, thù, mừng, hy vọng thuần túy bằng cái vui, buồn, khổ, oán, thù, mừng hay hy vọng của dân tộc. Hàm súc những tính, tình, chí của dân tộc vào tấm thân ta, nó sẽ nuôi ta thành một phần tử chân chính và tiền tiến của dân tộc. Nó sẽ cung cấp hết những lý trí và tiềm lực, kinh nghiệm đủ để cho ta ra đời. Hết sức giảm bớt những vui, buồn, khổ, oán, thù, mừng, hy vọng riêng của cá nhân ta.

d. Dân tộc làm trung tâm: Đảm đương sứ mệnh của lịch sử hết thảy sự nghiệp hoặc văn hóa, kinh tế, quân sự, xã hội, chính trị, giáo dục y cứ trên cái nền tảng lịch sử sinh hoạt mà phối hợp với các nhiệm vụ cách mệnh kiến quốc, lý tưởng của nòi giống. Chỉ có lấy đó làm trung tâm, nhiên hậu mới phát huy đến bờ cõi được cái vĩ đại của tự lực và sáng tạo tự lực.

3. Tiềm tại tu dưỡng: Nên hỏi mà biết, biết mà làm, không nên nói nhiều.

a. Nội tình: Tồn - Bảo tồn (minh tính). Dưỡng - Hàm dưỡng (đạm bạc). Tình - Phản tình (khế hội). Xác - Thể xác.

b. Ngoại tâm: Thiệp - Thiệp liệp (non sông, nhân tình, thế cố). Tầm - Tầm nhuần (thiên nhiên, nghệ thuật, cổ phong). Thực - Thực tiễn (học thuật, lao vụ, động tác). Đào - Đào dã (năng mưa, gian hiểm, tính tình). Cách vật - Trí chi (lực hành)."¹¹

(Cõi Phúc và Dây Oan – Tâm Lý Thần Linh Học)

Giai đoạn tu dưỡng để đạt tới sự bùng nổ của trí tuệ, để đạt tới sự tìm ra chân lý thực rất gay go, không phải ai cũng có thể theo được. Lý Đông A phối hợp phương pháp Thiền Tông và phương pháp dựa theo y lý Đông phương vận chuyển Tinh, một dịch chất kết tụ ở thận, lên óc, qua đường xương sống. Sự vận chuyển này nhờ Khí, do sự vận hành của máu, hơi thở mà thành các luồng điện (Thần), tức cái hoạt lực để tinh khí hỗ tương chuyển biến mà nên, mục đích để đạt tới sự thăng hoa¹².

Thiền định giúp Lý Đông A không ít về việc tu dưỡng không những dùng nội quan để soi sáng sự lý, mà còn dùng tịch tĩnh để minh tâm kiến tính.

¹¹ Tài liệu trích trong “Tâm Lý Thần Linh Học” do Lý Đông A viết năm 1941 tại Liễu Châu, dùng trong việc huấn luyện đạo đức và tư cách đảng viên.

¹² Giống như lối tu tiên cổ truyền của người Việt.

Anh phải rời nơi phồn hoa đô hội lên một nơi thanh vắng, núi cao rừng rậm của chùa Yên Tử, nơi mà ngoại cảnh không quấy rối óc anh. Hơn nữa, anh còn phải đối phó với nội cảnh như thanh, hương, sắc, vị... Những thứ mà nhà Phật gọi là “lục trần, lục thức luôn luôn quanh quẩn bên ta, mê dụ ta, khổn quẩn ta và tiêu diệt ta”.

Nhờ căn duyên siêu việt anh đã thành công trong công phu tu dưỡng tại chùa Yên Tử. Anh đã giác ngộ. Nhờ sự giác ngộ ấy anh đã khám phá ra đại biện chứng *Duy nhân nhất nguyên, Duy dân đa nguyên và Duy nhiên vô nguyên*, nó là sự tập đại thành tung hợp toàn thể tinh túy của loài người, khám phá ra từ cổ đến nay và về sau mãi mãi mà thành tựu nên chân lý tiêu chuẩn đương nhiên của nhân sinh vạn cổ. Sự phát hiện ra xã hội tự tính đưa đến sự lập định cương thường nhân loại bất di bất dịch cho nay mai, phục hồi lại sinh mệnh của con người sống đầy đủ và tự tại.

Nếu đem tâm lý học mà giải thích hiện tượng bừng nở của trí tuệ, ta có thể nói nó là sự bộc phát của một thể giam bó tự mình, tự do giam bó lấy mình trên cái tác dụng tượng trưng ngưng kết đa phương biểu xuất và thăng hoa rất cao độ: đó là sáng tác, phát minh và sáng tạo.

Từ nay anh vào đời với bước chân hùng dũng khải, thực sự vững vàng, anh nhìn mọi sự việc với một tuệ nhãn không còn một màu mê chương nào che lấp được mắt anh, từ cái tự nhiên bao la vô tận thăm thẳm, lúc có lúc không cho đến cái nhân loại đa dạng phức tạp. Chính vì loài người không khám phá ra được cái chân lý tuyệt đối của loài người nên mới tự giam hãm vào cái mi phọc của vũ trụ vô nguyên, tuân tòng các luật tắc của tự nhiên vận động mà không nhận thấy loài người sống theo luật tắc của loài người.

Và cũng chính vì không phát hiện ra cái nhất tính của loài người nên mới không nhận ra cái đa dạng muôn hồng nghìn tía của đời sống các dân tộc trong loài người. Cái chân lý ấy có thể tóm vào một câu 8 chữ: “*Loài người là một, dân tộc là nhiều*”.

Bao nhiêu tội ác của loài người phạm phải trong cuộc hành trình mưu cầu cuộc sống, bao nhiêu tổ chức hắc ám của loài người, bắt uồn loài người phải tuân theo để thỏa nguyện cái dục vọng cá nhân hay giai cấp, cái cường bạo bất chính của mình, chính là loài người chưa thực hối hận tội ác của mình, chưa vun trồng được lòng yêu thương nhân loại, chưa giác ngộ được nhân loại nguyên tắc trên toàn thể giới, chưa giác ngộ được một sự thực là loài người muốn có nhân đạo phải không còn những tự do độc quyền, không còn dân chủ độc quyền hay không còn chủ nghĩa ưu việt chủng tộc, ưu việt giai cấp nữa.

Với con mắt của con người “tiên tri tiên giác”, anh nhận rõ cái khổ nạn của dân tộc Việt, cái khổ nạn của loài người do đâu mà có, anh nhận rõ cái xu thế của dân tộc Việt, cái

xu thế của toàn thế giới, thời đại. Tự cảm thấy cái đau khổ lớn lao thức tỉnh ở mình một cách mạnh mẽ, dẫn thân vào với hai bàn tay vạm vỡ, một bộ óc sáng suốt vật lộn hy sinh đến kỳ cùng để hoàn thành cái đạo lớn cho dân tộc và loài người. Ý thức được nhiệm vụ lịch sử, lý tưởng của mình đối với nhân quần xã hội, Lý Đông A phải có một *nhân sinh quan và nhân tử quan* cao cả.

Theo anh, sinh là dây rợ của nòi giống, nghĩa là sinh ra là đã phải gánh vác cái sứ mệnh của lịch sử, phải có bốn phận với nòi giống và loài người, phải đền đáp người trước, báo đáp người sau, bởi nợ công sinh thành của gia đình nòi giống mà còn nợ công huân dưỡng của xã hội.

Sống với chết là hai mặt đối cực của nhân sinh, tuy vậy sống với chết phải là một mối thống nhất, nghĩa là phải hiểu thế nào là sống trên quan hệ với chết.

Trong cuộc sống, đã kiến lập một lý tưởng cho nhiệm vụ sống của mình, tất phải biết làm sao chết cho xứng đáng, làm sao chết cho có một hấp hối vui sướng, làm sao chết cho có một sự nghiệp hoặc một đại nguyện cho tương lai. Lý Đông A thường nói: *“Đại giá của sự chết là sự sống còn mãi mãi của dân tộc và loài người.”*

Thế mà biết bao thanh niên sống mà không có một quan niệm gì về sống với chết cả. Họ sống ồ ạt, u mê, sống cầu thả, sống trụy lạc, đắm đuối mê say, vô ích cho dân tộc nòi giống, vô ích cho nhân quần xã hội.

Về *nhân sinh quan và nhân tử quan*, anh viết:

“Phải chăng tìm cái chết của đời sống của mỗi người một trăm năm, và đời sống của loài người muôn vạn thế, bao nhà tôn giáo, triết học, khoa học, chẳng qua là góp những tài liệu chung quanh cái vấn đề trung tâm là nhân sinh quan và nhân tử quan, thống nhất trên một mối sống. Ôi đạo sống khó thay! Sinh thế dị, trường thế nan! Thế thì loài người nghe đạo phải có tinh thần ‘chiêu văn đạo, tịch tử khả hỷ’ nghĩa là sớm được nghe đạo dù chiều chết cũng vui.

Người sống, còn ví như người trong nhà bước ra khỏi cửa để đi đến một mục đích địa điểm nhất định, phải đã sẵn có cái mục tiêu ở nơi lòng, trong cái quá trình đi đường phải biết hấp thụ những tinh hoa và kinh nghiệm chung quanh để đi tới nơi bằng một tinh thần sáng khoái. Cho nên cái ý chí nguyên bản của mình phải nhất định. Những tinh hoa và kinh nghiệm trong cái lịch trình đó chỉ là những cái tài liệu tích lũy vào cái ý chí nguyên bản, càng phong phú dồi dào vào cuộc sống thêm viên mãn, mỹ lệ.

Cho nên thiết lập một phương châm sống lý tưởng làm nguyên bản bằng cái lý tưởng phương châm sống, kiến lập một cái sinh mệnh chủ quan tuyệt đối có tính chất tiến hóa và sáng tạo, trong quá trình đời sống, hấp thụ thiên nhiên với xã hội tinh hoa sung thực

và phong phú sinh mệnh tài liệu của mình cho đời sống cần được triết học hóa, xã hội hóa và nghệ thuật hóa.

Biết cái chết mới kiến lập được cái quyết tâm. Biết cái sống mới dám đem lòng hy sinh. Biết cái cực chất của sống với chết ở nơi tự mình mới hiểu rõ được cách đặt để mình vào xã hội.

(Nhân Sinh và Nhân Tử - Tâm Lý Thần Linh Học)

Đọc đến đây hẳn đọc giả nhận ra rằng cái con người lãnh tụ cách mạng ấy quả thực là một kỳ nhân của thời đại. Anh đã hy sinh cả thời niên thiếu, tìm tòi học hiểu để đạt tới cái biết chân thực, nghĩa là tìm cái lẽ thực, lẽ phải và lẽ sống, không phải chỉ cho riêng mình mà cho cả nòi giống Việt và nhân loại.

Lại với ý chí kiên quyết bước vào đời để cứu dân tộc, cứu đời ở anh phải tỏa ra cái gì có sức hấp dẫn, sức thuyết phục lạ lùng, khiến người nào gặp anh cũng mến anh, yêu anh, khâm phục anh. Cho nên chúng ta không thấy làm lạ khi nhà lão thành cách mạng Nguyễn Hải Thần vừa mới quen anh mà cụ đã ca ngợi anh hết lời. Hai nhà lãnh đạo Đại Việt Dân Chính là Nguyễn Tường Tam và Hà Lý Tố mới từ Quảng Châu vượt tuyến sang Liễu Châu năm 1940, chỉ trao đổi với anh một số quan điểm chính trị chỉ có một buổi mà chấp nhận gia nhập ngay Duy Dân để phụng hành Thăng Nghĩa.

Lý Đông A với Việt sử quan

Lý Đông A rất quan tâm về môn sử học. Anh vốn quan niệm sử học là môn chính trị tương lai. Cho nên “không đọc sử không đủ tư cách bàn việc quốc gia. Đọc sử mà không nắm được thể dụng không thể có được bản lĩnh về chính trị”. Và lại sự sống còn của chúng ta làm bằng sự chết của Tổ Tiên nòi giống, sức sống ấy càng mãnh liệt phong phú bao nhiêu là nhờ sinh lực của các lớp tử vong, nó là bản cứ duy nhất cho sự tồn tục. Cho nên con đường đấu tranh cho sự tồn tục của nòi giống không thể xa rời con đường đi của lịch sử được.

Về thế giới sử hay nhân loại sử, sách vở tài liệu có đầy đủ ở trung ương thư viện Hà Nội. Lý Đông A không gặp khó khăn gì, nhưng tìm hiểu phần cổ sử của nòi giống Việt, anh đã phải mất rất nhiều thì giờ vùi đầu vào những chồng sách đầy bụi bặm để đọc các sách của các nhà nhân chủng học như Maspéro, Leroy Gourban, Aurousseau, Louis Finot. Anh suy nghĩ về những di vật đào bới được ở những vùng đá vôi, mép trung châu Bắc Việt, hoặc ở lưu vực sông Đáy và sông Mã mà các nhà bác học Pháp gọi là văn minh Bắc Sơn, văn minh Đông Sơn. Những sản phẩm bằng đồng, bằng gốm đó tương tự với những đồ đào được ở Chiết Giang trên lưu vực sông Dương Tử. Anh lại còn cố gắng tìm hiểu qua một ít di tích về văn hóa Môn, tiêu biểu là lối chữ khoa đầu Môn hệ với Phạn hệ và Hán hệ là ba văn hóa hệ ở Á Đông.

Năm 1936-1937, anh không hài lòng về những giả thuyết của các nhà nhân chủng học nói trên giải thích về nguồn gốc và chủng tộc của nòi giống Việt. Một nước không có gốc thì không có căn cứ lịch sử. Phải phát quật cái gốc của giống nòi mới có gia phả của một nước.

Anh nêu lên nhiều câu hỏi như:

- Nòi giống ta là thổ sinh hay từ đâu xuống?
- Xuống Đông Á trước nòi Hán và Di bao nhiêu năm? Lịch sử thế nào?
- Trạng huống đấu tranh giữa Việt, Hán, Di trong khoảng thời gian bấy giờ?
- Trạng huống nam thiên của nòi Việt mất trung tâm mà chia ra Bách Việt?

Tất cả những nghi vấn trên mãi đến năm 1943 anh mới tìm ra giải đáp khi anh viết pho khảo luận nhan đề “Văn Hóa Môn Toàn Tập” gồm 7 quyển. Pho sách này thất truyền sau vụ Cộng quân tấn công vào trường chính trị thiết lập tại đồi Nga Mi.

Những quan điểm của anh về Việt sử căn cứ vào tập [Việt Sử Duy Dân Thông Luận](#), tập huấn ở lớp Đại Học Hoàng Mai do Lý Đông A phụ trách về môn sử học.

Theo tập thông luận này, cổ sử Việt được chia làm ba thời kỳ:

1. Thời kỳ Môn hóa.
2. Thời kỳ tiểu Việt hay thời kỳ Văn Lang.
3. Thời kỳ Lục Lương.

A. Thời kỳ Môn hóa

- a. Bộc ở Thái Sơn: Tổ tiên nòi giống Việt có từ muôn năm về trước, từ núi Tu Di (Pamir) xuống lưu vực sông Hoàng Hà nhiều năm trước nòi Hán. Chiếm được Thái Sơn coi là hoa địa, tức bộc ố văn minh Môn. Thái Sơn là một ngọn trong ngũ nhạc của Tàu. Chiếm được Thái Sơn tức chiếm được điểm chiến lược có thể khống chế lưu vực sông Hoàng Hà. Nơi đây đất đai phì nhiêu nên diễn ra nhiều cuộc tranh chấp giữa nhiều bộ tộc (vào khoảng 5000 năm về trước) như Việt, Hán, Di...

Tại sao gọi là Việt, Viêm, Thái, Hải Đại, Miêu? Đó là những tên Hán tộc đặt cho ta. Viêm là tên một hào trong ngũ hành. Viêm hành hỏa thuộc nam phương, vua của nòi Viêm là Viêm Đế. Gọi là Thái vì chiếm được Thái Sơn. Hải Đại là địa danh thuộc Sơn Đông. Miêu cũng thuộc Việt tộc, Miêu tộc cùng Hoàng Đế đánh nhau tại Trác Lộc¹³.

Nòi Hán gọi là Hạ (tộc Hạ), còn gọi là Hoa (ở núi Hoa Sơn), sau gọi là Hán (vì ở Hán Thủy) thuộc giống Mông-gô-lích, từ An Nhĩ Thái xuống lưu vực sông Hoàng Hà, thắng được Viêm Đế vua của nòi Việt, chiếm Thái Sơn thừa hưởng văn minh Việt.

- b. Chữ Môn: Vào thời ấy, tổ tiên giống Việt đã chế ra được văn tự, tức là chữ Môn gọi là hòa tự, người Tàu chế riếu gọi là hoa dấu (vì giống con nòng nọc). Ta gọi là khoa dấu, và giống Hoa Hạ dùng loại văn tự đó để chế ra chữ viết của họ. Chữ Môn hiện nay còn ít dấu tích ở Mường và Thái. Chữ Môn đó đã bị pha trộn với chữ Phạn mà biến ra một thứ chữ riêng.
- c. Hà Đồ và Lạc Thư: Biểu tượng văn hóa Môn là Hà Đồ, Lạc Thư. Hà Đồ là những công thức số học ghi trên lưng con long mã (rồng) tìm thấy trên sông Hoàng Hà. Lạc Thư là chữ viết trên mai con rùa tìm thấy trên sông Lạc. Sử Việt còn ghi lại chuyện vua Hùng thứ sáu tặng vua Tàu con rùa chu vi tám thước, trên mai rùa có ghi thiên văn, số học và triết học. Vua Tàu cho kê cứu để làm ra Quy lịch.

¹³ Trần Xi Vưu – Hoàng Đế kịch liệt. Hán thư, thiên Quan Chí nói: Loạn nhà Tần từ Xi Vưu đến giờ chưa từng thối. Sử ký Ngũ Đế Bản Kỷ chép: Hoàng Đế trưng binh chư hầu đánh với Xi Vưu tại Trác Lộc. Lại còn chép: Viêm Đế muốn xâm lăng chư hầu đều theo Hiên Viên. Và Hiên Viên cùng Viêm Đế huyết chiến tại Mạch Tuyền (Bản Tuyền).

Xem vậy, Hà Đồ, Lạc Thư là của nòi Việt, nòi Hán đã chinh lý những di sản của nòi Việt mà sáng chế ra âm dương triết học.

- d. Văn Làng và chế độ Bình Sản: Trong thời kỳ Môn hóa, tổ tiên ta đã tiến tới thời kỳ nông nghiệp. Xã hội kết cấu theo bình sản chế giống như chế độ Teuton bên Đức. Xã hội chia ra thành từng Làng, do dân bầu ra.

Lạc Hầu (quan văn), Lạc Tướng (quan võ). Ở thế kỷ thứ sáu dưới thời Lý Phật Tử, ta vẫn dùng chữ Văn Làng. Sau này dùng sai đi vì mượn chữ Lang của Tàu nên gọi là Văn Lang. Ngày nay dân ta vẫn giữ chữ Làng để chỉ đơn vị hành chính nhỏ nhất trong tổ chức xã hội.

Rồng với Phượng là Hèm của nòi giống. Rồng biểu hiệu cho sức mạnh, đấu tranh biến hóa vô cùng. Phượng biểu hiệu cho cao siêu, sáng láng, trường thọ. Rồng và Phượng còn là biểu hiệu của tinh thần và vật chất kết hợp. Vậy cơ sở triết học của ta buổi ban sơ là Nhị Nguyên Luận.

- e. Kinh nghiệm quốc sử trong Môn hóa thời kỳ:

- Mất Thái Sơn tức là mất bọc ỏ (berceau) của văn hóa Môn.
- Để mất cái vận dụng Hà Đồ, Lạc Thư tức là để mất hẳn cái bản lĩnh sống còn của nòi giống, vì mất sự đào tạo văn minh trên sáng tạo đấu tranh.

Do đó sự nam thiên lần thứ nhất của tổ tiên ta xuống lưu vực sông Dương Tử và Ngũ Hồ, Ngũ Lĩnh, làm băng hoại tất cả cơ cấu sống còn của các bộ lạc Việt.

Chúng ta rút ra được những giáo huấn nào trong cuộc thất bại của ông cha nói trên?

- Cần phải có một chủ nghĩa dân tộc. Cách mạng và kiến quốc cần thiết vận dụng được chủ nghĩa dân tộc ấy mới có được vũ khí tinh thần làm phương châm cho hành động.
- Giải quyết vấn đề di động xã hội trong thời kỳ chiến tranh, vận dụng tình thế di động ấy vào kế hoạch kiến thiết quốc gia tương lai sau khi chiến tranh kết thúc. Cho nên chúng ta, để mà phục hưng nòi giống phải tìm ra cách sửa chữa cái thất bại tối sơ này mà sự thất bại lớn nhất là *sự thất bại trên văn hóa*.

B. Thời kỳ Văn Làng Hồng Bàng

Sau cuộc nam thiên xuống Ngũ Hồ Ngũ Lĩnh, các bộ lạc Việt chia nhau bàn cứ từ lưu vực sông Dương Tử xuống tận các đảo Đông Hải. Các bộ lạc Việt chia thành ba hệ:

- Lạc Việt: Từ Hồ Nam xuống Bắc Việt, thượng Lào.
- Mân Việt: Phúc Kiến, Quảng Đông (khoảng đầu thập niên 1940 ở Phúc Kiến còn 300 nhà giòng giống Việt gọi là Đĩnh Hồ).

- Âu Việt: Tứ Xuyên, Quý Châu, Thái Lan, Miến Điện, Nam Dương, Phi Luật Tân...

a. Chính trị và kinh tế dưới thời kỳ Hồng Bàng.

Chế độ quân chủ (vua gọi là Lạc Vương).

Chính trị: Địa phương phân quyền (Lạc Hầu, Lạc Tướng).

Kinh tế: Bình sản ruộng đất theo chế độ quân điền (Lạc điền).

b. Quốc phòng: Phong Châu là hoa địa, trọng địa phía Bắc là Ngũ Hồ, Ngũ Lĩnh; trọng địa phía Nam là Miến Điện (mấy triệu sắc dân Miến nói tiếng nửa Mường nửa Thái. Các nhà nhân chủng học xếp giống này vào giống Tạng Miến). Vũ khí thịnh nhất là cung tên (tên bằng tre và sắt).

c. Đặc điểm về văn hóa: Tục hèm chung cho các bộ lạc từ Dương Tử giang xuống Đông Hải, tục vẽ mình¹⁴, ăn trầu, nhuộm răng, cắt tóc ngắn, thờ cúng tổ tiên và các thần. Quần áo dùng mảnh vải khoét thủng một lỗ để chui đầu qua, không có tay (như lối áo buồm ở miền quê còn có nơi dùng, [hay] áo giáp của một bộ tộc thuộc Vân Nam khi chống nhau với Gia Cát Lượng). Hôn nhân: Tự do kết hôn (chuyện Mế Nàng lấy Chử Đồng Tử).

d. Kỹ thuật đời Hồng Bàng: Về nông nghiệp, ta không thể nào quên những công trình tranh đấu với thiên nhiên của những vua đầu đời Hồng Bàng. Dân ta thường truyền tụng: ông tát bể, ông kể sao, ông đào sông, ông xây rú, ông trú trời. Đó là những tác giả vô danh làm những công việc nhọc nhằn của ông cha chúng ta khi đặt chân tới lưu vực sông Hồng và sông Mã: tháo nước mặn mới cấy lúa được ở miền duyên hải (tát biển), đào sông dẫn nước vào ruộng (đào sông), trồng trọt (xây rú), ghi chép sự vận hành tinh tú để định mùa màng (kể sao), làm nhà để trú (trú trời). Ngoài hai mùa cày cấy, đàn bà lấy vỏ cây dệt áo, nuôi tằm kéo tơ dệt lụa, cắt cói để dệt chiếu, đàn ông đi săn bắn hoặc chài lưới.

Về kỹ thuật, người Việt biết dùng sắt trước thế giới (thế giới dùng đá, đồng rồi mới biết dùng sắt). Những cuộc khai quật ở Đông Sơn tìm thấy những đồ đồng khí cho biết đời Hồng Bàng đã tiến sang văn minh kim khí mà trình độ được biểu hiện ở cái tinh xảo trên trống đồng Ngọc Lũ. Nghệ thuật Lạc Việt sau này bị tiêu diệt bởi chính sách tàn khốc của giống Hán. “Mỗi lần thấy cái trống đồng, mỗi lần nghĩ

¹⁴ Tục xăm mình là đặc thuộc của Việt tộc, hiện nay vẫn là tục đặc thuộc của các dân tộc thuộc giống Anh Đô Nê ở miền đông nam Á Châu. Chúng ta có thể nói rằng tất cả các dân tộc bán khai ở miền nam và tây nam Châu Á từ Miêu Tử đến người Dayak ở Bornéo (Nam Dương) đều là di duệ của Việt tộc (Đào Duy Anh).

tới cái trống đồng bất giác chúng tôi có cái hoài cảm rằng đã mất cái gì quý báu to lớn mà hiện nay không tìm đâu thấy nữa” (Đào Duy Anh).

Ngoài ra, người Việt còn chế ra địa bàn, làm ra quy lịch truyền sang Tàu. Nghề châm cứu, tục tu Tiên (Tiêu Dao) cũng được truyền sang Tàu (Chử Đồng Tử, Nguyễn Tuấn là những người mà dân ta coi là đắc đạo).

e. Kinh nghiệm quốc sử trong thời kỳ Hồng Bàng.

Lạc Long Quân muốn tái kiến văn minh Đại Việt, nhưng công cuộc này thất bại vì

- Sự liên lạc các bộ lạc Việt không thành, nhiều tộc Việt như Ngô, Việt, Sở..., đến đời Xuân Thu không những không đoàn kết được với nhau, lại còn thôn tính lẫn nhau.
- Không phát huy được văn hóa Việt, trong lúc nòi Hán từ khi được thừa hưởng văn minh Thái Sơn (Hà Đồ, Lạc Thư), tu chính dần dần để phát triển thành văn hóa của họ. Văn hóa này tập đại thành văn minh Đông Á mà lại còn có tác dụng Hán hóa các dân tộc chung quanh nước Tàu.

Để yên định cơ sở đạo Nho, nòi Hán lấy tổ là Nghiêu, Thuấn¹⁵, tông là tam vương (Hạ, Thương, Chu).

Phạm vi quốc tế tộc Hạ, theo sử Tàu thì phía nam không quá Hằng Sơn, đông không quá Đông Hải, bắc không quá Âm Sơn (hồ Baikal), tây không quá Lưu Xa. Nghiêu đóng đô ở Bình Dương, tam vương đóng đô ở Hà Nam. Trung tâm sinh hoạt của nòi Hạ thời ấy quanh quần ở ngã ba sông Vị, đến đời Xuân Thu mới lan rộng về đông và nam sông Hoàng Hà.

Hạ lấy Nhân đạo chủ nghĩa lập quốc, lấy quẻ Cấn làm đầu, tháng Giêng ở cung Sửu. Thương lấy Địa đạo chủ nghĩa lập quốc, lấy quẻ Khôn làm đầu, tháng Giêng cũng ở cung Sửu. Chu lấy Thiên đạo chủ nghĩa, quẻ Kiền làm đầu, Tý là tháng Giêng.

Khổng Tử tập đại thành văn hóa từ Nghiêu, lập thành văn minh Trung Quốc, chủ trương hưng Hoa diệt Di, an nội nhiều ngoại, thành lập học vấn.

Trước Nghiêu còn có sách Tam phần, Ngũ điển, Bát sát (vũ trụ quan), Cửu khâu (địa lý), đến đời Khổng Tử đốt hết, chỉ để bộ Tam phần.

¹⁵ Thuấn có lẽ là người Việt, người Hoa nhận vợ.

Hoa tộc chủ nghĩa lấy chính sách Lục dưỡng, Lục an [điều hành]. Lục an: tổ chức xã hội (liên lạc tông tộc lấy sĩ tổ chức sĩ, nông tổ chức nông, quan tổ chức quan...). Lục dưỡng: huấn luyện giáo dục (mặc cùng áo, ăn cùng cơm, nói cùng tiếng, viết cùng chữ, học cùng đạo, luân lý thống nhất). Đức trị là thủ đoạn chính trị “hữu đức giả hữu thổ”. Văn hóa Hoa tộc phát triển kinh khủng, chủng tộc bành trướng xuống nam phương, nhất là sau thời Xuân Thu Chiến Quốc. Nhà Tần thống nhất nước Tàu đem nòi Khương Hoa hóa. Bách Việt trong tình trạng suy đồi vào cuối đời Hồng Bàng, sao thoát khỏi sự băng hoại.

C. Thời kỳ Lục Lương

- a. Nhà Tần thống nhất Trung Hoa, xây Vạn lý trường thành để ngăn Hung Nô ở phía bắc, sửa soạn tấn công về phía nam để thôn tính Bách Việt.

Nhà Hồng Bàng suy nhược, Thục Phán dùng áp lực chính trị và quân sự sát nhập Văn Lang và Âu Việt lập ra nước Âu Lạc xưng là An Dương Vương.

Về gốc tích và xuất xứ của Thục Phán, có nhiều thuyết khác nhau. Có sử gia cho rằng sau khi nhà Tần thôn tính Ba Thục (đời Tần Huệ Vương), nhà Thục chạy xuống phía nam (Vân Nam Vạn Tượng là địa bàn của Nam Chiếu). Có sử gia cho rằng Thục Phán chiếm vùng Quảng Tây, Cao Bằng. Theo phả tích Tản Viên, Thục Phán là miêu duệ của vua Hùng, được vua Hùng thứ 18 truyền ngôi.

Theo sách Hoài Nam Tử (cháu Hán Vũ Đế), quân Tần đánh Hùng Vương ở miền Dương Tử. Tướng Hồng Bàng là Địch Hu Tổng ham mê tửu sắc, trong nước mới cử Thục Phán là tay kiệt kiệt, lãnh đạo cuộc chiến chống quân Tần.

Theo Lý Đông A, Ba Thục là danh từ dùng trong địa động học, căn cứ vào môn học này ta có thể quyết đoán Ba Thục của Thục Phán là đất Trấn Ninh – Vạn Tượng. Con đường nối với Văn Lang gọi là Thục Đạo, và theo nhân chủng học thì Thục Phán thuộc một hệ trong Bách Việt.

Nhà Tần năm 218 phái Đồ Thư, Sư Lập chỉ huy 5 đạo quân gồm 50 vạn quân, gồm cả [kẻ] tù đầy, chinh phục Bách Việt. Đạo quân thứ 4 và thứ 5 diệt được Đông Việt thuộc Chiết Giang, Mân Việt thuộc Phúc Kiến, rồi diệt Nam Việt thuộc Quảng Đông, đặt thành quận Mân Trung và ba quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận. Năm 214, Tần Thủy Hoàng phong Nhâm Ngao và Triệu Đà cai trị.

Ba đạo quân 1, 2 và 3 do Đồ Thư đích thân chỉ huy. Đồ Thư sai Giám Lộc Khai, Kênh Linh Cừ tiến sâu vào Âu Lạc.

An Dương Vương vận động một số Việt tộc trong hệ Bách Việt đứng lên chống quân xâm lược. Phong trào này gọi là Lục Lương (6 giống cứng cổ), dùng du kích chiến giết được Đồ Thư, Sư Lập, tiêu diệt toàn bộ 3 đạo quân xâm lược của nhà Tần. Tàn quân ở lại miền nam nước Tàu, đồng hóa vào các sắc dân địa phương nói tiếng Quan Hỏa.

b. Văn minh Lục Lương

Tiêu biểu cho triết học thời này là biện chứng xoáy vòng tròn ốc do Cao Lỗ sáng chế, nhập dụng vào kiến trúc là thành Cổ Loa xây ở Phúc Yên, chu vi một ngàn trượng. Trung tâm có cái giếng thông ra ngoài thành qua ngòi Ngũ Luyện, có đài Bách Trượng kỷ niệm Bách Việt.

Quốc phòng thực thi bằng chính trị vượt rùa được thần bí hóa và bằng kỹ thuật là máy linh quang thần nổ. Bí mật lọt qua Tàu, đến đời Khương Duy thì mất.

c. Kinh nghiệm quốc sử cho ta biết nguyên nhân thất bại của văn minh Lục Lương:

- Quân du kích không thống nhất. Sự vận động phong trào Lục Lương không mở rộng ra khắp các bộ tộc Bách Việt.
- Triệu Đà cần thỏa hiệp nên cho con kết thân để làm gián điệp.
- Không vận dụng được triết học của Cao Lỗ.

Nòi giống Việt từ sau cuộc thất bại Lục Lương

1. Quan điểm của Lý Đông A về Triệu Đà

Triệu Đà người Châu Dĩnh thuộc tỉnh Sơn Đông, theo Đồ Thư sang xâm lược Bách Việt. Trong bối cảnh xã hội loạn ly của cuối đời Tần, sự bất ổn về chính trị đầu đời Hán, Triệu Đà lập quốc xưng Đế, đóng đô ở Phiên Ngung, lấy quốc hiệu là Nam Việt.

Sự suy nhược của nòi giống ta vào cuối đời Hồng Bàng và đời Âu Lạc là cơ hội cho Triệu Đà thôn tính nước ta. Lãnh thổ Nam Việt mở rộng về phía nam, còn về phía bắc, Triệu Đà dùng Ngô, Việt, Mân làm lá chắn cho Nam Việt chống sự xâm lăng của triều đình Hán.

Nam Việt có nghĩa là nước Việt ở phía nam, vì phía bắc của Nam Việt còn có Ngô, Sở, Việt, Mân [thuộc Bách Việt] cũng là nước Việt hết mà nòi Hán đã coi là căn cứ của Hán tộc rồi. Như vậy, lấy Nam Việt làm quốc hiệu không phải là danh dự cho nòi giống ta mà là quốc sỉ, cũng như sau này Gia Long không hiểu gì về lịch sử nòi giống, không hiểu gốc gác của ông cha, xin nhà Thanh phong vương và đặt cho quốc hiệu. Chữ “Việt Nam” có từ thời đó.

Về nội trị, Triệu Đà dựa vào Bách Việt coi là đồng minh chống Hán, cho nên không trực tiếp thống trị dân Việt, chỉ phái người kiểm soát các cử động của các bộ lạc mà thôi.

Triệu Đà và con cháu cai trị Nam Việt từ 207 đến 111 trước dương lịch thì bị nhà Hán tiêu diệt. Sự diệt vong của Nam Việt có nhiều nguyên nhân:

- a. Không giải quyết vấn đề chủng tộc.
- b. Không nắm giữ được đồng minh. Con cháu Triệu Đà đem quân đánh Mân, Ngô, Việt và lại còn giúp Hán đánh đồng minh của mình.
- c. Về chiến lược quốc phòng, không giữ chắc được (Trường Sa).
- d. Chính lược của Hán thẩm thấu vào triều đình Triệu (đời Ai Vương). Giặc ở ngay trong nhà nên phát sinh cuộc đấu tranh giữa đảng Cù Thị và đảng Việt Phi (Lữ Gia).

Nhà Lý và nhà Trần đã lầm lẫn cho Triệu Đà là tổ của nòi giống. Lê Thánh Tông sửa lại, lấy Hồng Bàng làm Tổ. Ngô Thời Nhiệm, mưu thần của vua Quang Trung gạt bỏ thẳng thù Triệu Đà ra ngoài triều đại chính thống của nòi Việt. Họ Ngô nói: “Triệu Đà là kẻ xâm lược phải gạt bỏ ra ngoài”.

Lý Đông A cho rằng tác dụng kiến quốc của Triệu Đà là mở cửa cho nòi Hán xâm lược. Việc hấp thụ văn hóa Hán khởi đầu từ đó. Mặc dầu họ Triệu không đưa chữ Hán vào nước ta, toàn thể triều đình nhà Triệu áp dụng văn hóa Hán, nghĩa là họ Triệu Hán hóa trên mặt tầng xã hội Việt.

2. Quan điểm của Lý Đông A về suốt thời kỳ Bắc thuộc

- a. Từ sau năm 111 (trước dl) nước ta rơi vào ách đô hộ của Hán tộc, dân ta suốt hơn 10 thế kỷ sống trong đêm dài đen tối, thịnh thoả mới được hưởng một chút ánh sáng của nhật nguyệt lóe lên rồi lại tắt phụt.

Ta có thể chia khoảng thời gian này ra làm 4 thời kỳ:

- Thời cự tuyệt: từ nhà Triệu bị diệt vong đến cuộc dân tộc cách mạng của hai bà Trưng.
- Thời kỳ thỏa hiệp: từ sau cuộc kinh lý của Mã Viện cho tới đời Khúc (trong lịch sử Tàu, thời kỳ này trải qua các triều đại Hán, Tấn, Tùy, Đường...).
- Thời kỳ dung hòa: đời Khúc.
- Thời kỳ phản tỉnh: bắt đầu từ nhà Ngô (939 sau dl).

b. Cuộc cách mạng dân tộc Trưng Vương là tiên phong để mở đầu cho các cuộc cách mạng dân tộc tiếp sau trong suốt thời kỳ thống trị của Hán tộc. Công cuộc mưu đồ của hai bà là một sự gắng sức lớn lao để bảo vệ nòi giống như những gắng sức của tổ tông ta suốt mấy ngàn năm lịch sử đấu tranh sứt máu với nòi Hán. Hai bà đã thất bại vì thời vận lịch sử chưa nung nấu thành thực, cũng như bà Triệu, Lý Bôn, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng... sau này vậy. Nhưng đấy không phải là nguyên nhân chính. Phải xét nét lịch sử của nòi giống ta và cả nòi giống Hán mới tìm ra được cái nguyên nhân chính gây nên sự thất bại liên tiếp của nòi Việt.

Hai nòi giống Hán, Việt sinh ra như có cái “nghiệp” với nhau, chém giết nhau không ngừng từ khi còn ở lưu vực sông Hoàng Hà, tranh chiếm Thái Sơn, tức là tranh chiếm ngôi vị “Thiên Tử”, đeo đuổi nhau xuống lưu vực sông Dương Tử, rồi xuống tận lưu vực sông Hồng và sông Mã. Có thể nói lịch sử Việt là lịch sử của cuộc đấu tranh là nòi Việt liên tiếp phải chạy dài, sự thất bại của nòi giống Việt không phải do tinh thần dân tộc thiếu thốn, gắng sức dờ dang để đến nỗi phải cam chịu trên 10 thế kỷ dưới ách gông cùm nô lệ.

Nguyên nhân chính là nòi giống ta không tái kiến được văn hóa Môn, không gây dựng được một nền văn hóa dân tộc nên không phát huy hết tâm tình và khả năng của dân tộc. Trong khi ấy nòi Hán chiếm lĩnh đất đai của nòi Việt, thừa hưởng văn minh của nòi Việt, sửa đổi lại, tu chỉnh đi để sáng tạo ra văn minh Hán tộc. Cái văn hóa ấy bành trướng càng ngày càng rộng mãi vẫn được coi là mẫu mực cho cả trời Đông Á. Nhưng mấy ai hiểu thấu cái tác dụng đen tối của nó.

“Hưng Hoa diệt Di, hữu đức giả hữu thổ, tuần tuyên văn giáo, thủ tại tứ Di”, đó là cái mặt nạ của nền văn hóa Hán tộc mà Khổng Tử là người tập đại thành và phát dương ra khắp các phía nước Tàu. Cái văn hóa ấy để phục vụ cho chính sách xâm lược đế quốc chủng tộc thiên triều thì thật

tuyệt vời, song đối với nhân đạo chủ nghĩa của loài người thì cái văn hóa ấy thực cùng cực dã man không lời nào tả xiết.

Để phục hưng nòi giống, chúng ta đừng quên rằng phải sửa chữa những thiếu sót của nòi giống ta nói trên.

3. Quan điểm của Lý Đông A về thời kỳ phản tỉnh dân tộc và sáng tạo dân tộc:
Thời vận lịch sử của dân tộc đã nung nấu thành thực ở thời kỳ dung hòa dưới đời họ Khúc, để mở ra thời phản tỉnh mà Ngô Quyền là đại biểu. Cuộc phản tỉnh không còn ủy mị, rụt rè “lom khom đội mũ cánh chuồn” mà triệt để, dân chúng nô nức phấn khởi nên Ngô Quyền mới đạt được thành tích vẻ vang trong trận thủy chiến Bạch Đằng giang¹⁶ thắng quân Nam Hán và khôi phục độc lập cho dân tộc đã mất từ hơn ngàn năm. Tuy vậy, dân chúng vì sống lâu đời dưới chế độ nô lệ, chưa dễ gì cởi bỏ ngay được những giây oan nghiệt mà quân thống trị đã trói buộc mình: uy quyền quốc gia không được đề cao, luật lệ không được tôn trọng, chia rẽ trong xã hội nặng nề..., đều là những trầm bệnh có thể nguy hại cho nền độc lập hầy còn non nớt.

Phải bước sang thời kỳ sáng tạo do Đinh Bộ Lĩnh khởi xướng, nền móng quốc gia mới được kiến lập vững vàng do công cuộc mà dân ta thời ấy gọi là Vạn Thắng, và suy tôn vua Đinh là Vạn Thắng Vương.

“Vạn Thắng nghĩa là thắng hơn ngàn năm đô hộ, thắng dung hòa, thắng phản tỉnh không triệt để, thắng mọi chia rẽ và cát cứ bên trong, thắng tất cả quy lụy ươn hèn của mặt tầng xã hội, thắng tất cả sự tự trị và phân hóa trong trận doanh tranh đấu là thói tranh bá đồ vương và quân phiệt cũ, lập nên nền móng nhân bản bình dân chính trị.”

Cái nền tảng xã hội Việt với Đinh Tiên Hoàng đã chắc chắn thành lập để nòi giống đời sau phát huy những vinh dự như vinh dự Lý, Trần.

Dân tộc ta từ đây không bao giờ còn sợ sệt trước xâm lược và thống trị của Hán nữa.

4. Quan điểm của Lý Đông A về những bài học lịch sử dựng nước và giữ nước

¹⁶ Đây là trận thủy chiến thứ nhất ở Bạch Đằng. Hơn 300 năm sau, Trần Quốc Tuấn đánh trận thủy chiến thứ hai cũng ở sông này, tiêu diệt toàn bộ quân Nguyên, bắt sống Ô Mã Nhi, một thượng tướng Mông Cổ.

- a. Những giáo huấn về quân sự: Đuổi được quân Hán ra khỏi đất nước ta, mở ra thời kỳ tự chủ kéo dài từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIX. Không phải người Hán đã từ bỏ tham vọng thống trị nước ta. Tống, Nguyên, Minh, Thanh đời nào cũng có chiến tranh giữa Việt và Hán. Lê Đại Hành, Lý Thường Kiệt đánh Tống, Trần Quốc Tuấn đánh Nguyên, Lê Lợi diệt Minh, Quang Trung chiến thắng quân Thanh và quân Xiêm xâm lược, tiền nhân đã để lại cho chúng ta biết bao nhiêu bài học quý báu về khoa học chiến tranh, về nghệ thuật chiến tranh chống giặc xâm lăng, kể cả những quân giặc độc ác nhất, hung bạo nhất.

Theo Lý Đông A, hãy để cho các nhà chiến lược Việt nghiên cứu và phát huy cho hết giá trị của những trận đánh Lý-Tống, Trần-Nguyên, Lê Lợi chống Minh hay trận Đống Đa và trận Gia Định của Quang Trung. Có phải những trận đánh nói trên đáng được xếp vào chiến sử thế giới? Trận Austelitz của Napoléon đánh lỗi phản bao vây, không có trận nào trên thế giới sánh được trên giá trị chiến lược với các trận Đống Đa và Gia Định, kể cả những trận Canae, Sedan vẫn được coi là binh lược điển hình của toàn thế giới.

- b. Có hai cuộc chiến tranh trong lịch sử Việt không những đem lại vinh dự cho nòi giống đối với thế giới mà còn cống hiến cho mọi nhà cách mạng Việt, mọi người dân Việt những kinh nghiệm về đạo lập quốc và cứu quốc, đó là cuộc Trần-Nguyên chiến tranh và cuộc cách mạng dân tộc do Lê Lợi lãnh đạo.

1. Xin trích dẫn nguyên văn lời Lý Đông A biện luận về kháng Nguyên:
“Sự thắng lợi của cuộc kháng Nguyên chiến tranh là bài học lớn lao cho đạo lập quốc trên suốt mặt văn hóa. Ở đó mới có cốt rể của cái đạo thắng trận chân chính.

Chiến lược của quân Nguyên y theo nền tảng và quan hệ xã hội và kinh tế của du mục hiếu chiến, đại thể là thứ kỵ binh thiểm diện chiến (blitzkrieg) của lính ngựa. Sự phối bị của quân đội hoàn toàn theo thể chế của phong kiến bộ lạc. Để cho hợp với mục đích chiến lược, tất cả đồ trang bị nhẹ, gọn gàng kín đáo.

Bộ Tổng Tham Mưu thi hành chiến lược trên cái quy mô và thủ tục khoa học hiện đại. Sau khi đã triển khai lưới giăng điệp suốt nước và

tình báo chiến địa xong xuôi mới quy định một kế hoạch tác chiến. Nước bị đánh, bị uy hiếp dưới một kế hoạch tác chiến lấy tiêu diệt năng lực chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự suốt mặt, dưới một động tác thi hành rất khéo léo, bằng đủ sách lược rất quý quyết, những hành vi rất tàn ác, những phá hoại rất triệt để và những cất nhắc rất nhanh chóng. Đây là toàn bộ mặt mũi của toàn diện chiến và quốc lực chiến ngày nay.

Sự thắng trận của Trần Hưng Đạo đặt trên cả một nền tảng xã hội đời Lý đến Trần, và cả một thể hệ vật chất và tinh thần trọn vẹn. Cái kết cấu của xã hội ta lúc bấy giờ, một bề là xã hội đan lát với một bề là chính trị tổ chức từ gia đình, gia tộc, tông tộc đến quốc gia, phối hợp từ bảo đến giáp, thôn, xã, tổng, tỉnh và quốc gia. Sự chinh lý ấy lại thêm sinh hoạt quốc dân từ đời Lý làm cho thiên hạ toàn thể quân điền bình đẳng trên tài sản và tự do trên hưởng dụng. Trên nền tảng xã hội ấy mà sản sinh nguồn cội của độc lập ngay trên tinh thần. Sự thống nhất tinh hoa tam giáo đi qua cái hình thức và gột lọc dân tộc mà biểu hiện ra một hệ tư tưởng cảm giác độc lập. Lại cái công lao của chữ nô làm cho sự diễn đạt được độc lập. Sự nghiệp lớn lao của các nhà sử học giúp vào sự điều dưỡng cái tinh thần quốc dân trong lò lửa ái quốc. Các văn nghệ, nghệ thuật và thần đạo sáng suốt bấy giờ còn nung đúc sinh hoạt của quốc dân trong một bầu không khí cao thượng, nó cần dùng cho mọi xã hội văn minh.

Cái thể chế dân bản chính trị cũng là độc sáng của ta với chế độ vốn cũ của cung đình, nơi mà toàn thể dân chúng hội họp với nhà vua bàn luận việc nước. Các chính sách khoa cử, đề điều, doanh điền, trọng công và trọng thương làm cho xã hội ngày một phồn vinh, cái đó nó khuyến khích tất cả các cuộc tiến hóa khác. Sự quay về tập quyền trên chính thể của nhà Trần, nhưng vẫn không mất hẳn cái tác dụng dân chủ của dân chúng, giáo dục phổ cập đi đôi với sự giảng cứu dân chúng rất cao, cái ấy hợp với tất cả, kiến thành cái tiềm tại vũ lực của dân tộc rất lớn.

Dưới bối cảnh ấy, cuộc Trần-Nguyên chiến tranh chính thức bùng nổ sau các cuộc ngoại giao gay gắt. Ở đây ta có thể trông thấy những cận nhân của cuộc thắng trận qua các thi thố và xử trí của triều Trần bấy giờ.

Sự phát động nguyên lão hội nghị Phúc Xã, cho ta biết một ý nghĩa xã hội lấy trưởng lão làm trung tâm, và một ý nghĩa là tinh thần dân chủ chưa mất, cái ấy rất cần trong cuộc toàn dân kháng chiến. Còn một ý nghĩa nữa là sự sách động cố nhiên là ở chính phủ, nhưng ý chí của dân chúng trong quyết nghị của các đại biểu mới có sức hiệu triệu, tuân tòng vào cái đó mà chế định ra một tối cao quốc sách làm một phương châm chỉ đạo lâu dài không thay đổi. Nhờ đó nó ấn định hết thảy các thể thi, nó quyết định các xử trí mà làm cho đời sống chính trị của quốc dân không bị năm bè bảy mối, ngã ba ngã bảy: quốc sách ấy là kháng chiến.

Chiến lược của kháng chiến bao giờ cũng trên điều kiện bị động, phối hợp với tình thế xã hội và xu hướng chính trị bấy giờ mà quyết định. Tri cứu chiến phối hợp với du kích chiến, tiêu hao chiến, nó là toàn dân chiến lược.

Chiến lược chỉ đạo cho nội chính: cuộc tổng động viên về tinh thần làm bằng về và hịch, cuộc tổng động viên nhân lực làm bằng sự khoáng sung quân đội, chiêu la tướng tài, tổ chức dân chúng, huấn luyện chiến bị. Cuộc tổng động viên vật lực làm bằng thu tập kinh tế về các giải đất dự định làm an toàn, di động các lao động di sinh sản, tổ chức kiên bích thanh dã, tổ chức dân dũng và cần vương quân, sự ân xá các tội phạm, sự thu la các phần tử bất đắc chí còn là một đả kích rất lớn cho âm mưu của giặc Nguyên định lấy Trần Ích Tắc làm chính phủ bù nhìn...

Ngoại giao cũng thực hành theo mục đích chiến lược. Sự làm trung lập hóa nước Chàm thành công ở lòng kiên quyết tỏ rõ sự tín nghĩa của nước ta không cho giặc mượn đường, tuyệt không còn chỗ nào cho người Chàm quay giáo lại theo quân Nguyên. Các bộ tộc được an phủ một cách xứng đáng làm cho hết mọi điều lo ngại mặt sau, còn được lòng tin và sự giúp đỡ quân sự và kinh tế của số đông các bộ tộc (như Đàng Nghĩa...)

Quân Nguyên chia 5 đường vào: Vân Nam, Chi Lăng (bộ), Vạn Kiếp (thủy), Tây Kết (quân đồn bộ), Thuận Hóa (quân đồn bộ). Đại bản doanh đóng ở Bắc Lệ, hữu ở Thăng Long, tả ở Vạn Kiếp.

Quân ta, Trần Hưng Đạo tức Tam Quân Tổng Tư Lệnh, Trần Quang Khải ví như Lục Quân Tư Lệnh, Trần Nhật Duật và Trần Quốc Toản ví như du kích tư lệnh. Giờ phản công đến sau những tháng năm kháng chiến trên trận tuyến đó, để sau trận Hàm Tử, Tây Kết và Chương Dương, phá vỡ hữu dực và biệt động quân của bên địch, tiến lên thu vớt nốt hiệu quả của tiêu hao chiến bằng trận Vạn Kiếp để rồi kéo chính quy quân và du kích quân lên bao vây Thoát Hoan ở Bắc Lệ, y phải chui vào ống đồng hết vía mà về Tàu.

Xem đó cuộc thắng trận đã đem lại bởi dân tộc có căn bản nội tại phối hợp với lúc lâm chiến có một quốc sách thực lâu dài. Sự kiến thiết một hồi sinh căn cứ địa là một tiêu điểm của thắng lợi, sự phát huy được sức lực toàn dân ví như cây cung căng lên bắn ra hết sức, cái tên theo một phương hướng sống còn cho nòi giống. Sự độc lập và thắng lợi là những hiệu quả của một tiền đề kia phát huy ra thực tiễn¹⁷.

2. Cuộc cách mạng dân tộc do Lê Lợi lãnh đạo vào thế kỷ XV chống sự thống trị của quân Minh là một cuộc dân tộc cách mạng trọn vẹn nhất, xứng đáng làm khuôn mẫu cho bất cứ một cuộc dân tộc cách mạng nào.

Quân Minh thống trị dân ta bằng một chế độ cực kỳ hắc ám. Chính quyền đô hộ là một chế độ quân quản tập trung hết quyền hành vào Đô Chỉ Huy Sứ, phụ tá có Bố Chánh Sứ coi về nhân sự và Án Sát Sứ coi về tư pháp. Tất cả sinh hoạt người Việt đều bị kiểm tra và khống chế bằng một mạng lưới vô cùng chặt chẽ. Các cơ cấu ấy đều thống nhất dưới một chính sách nhằm mục đích tiêu diệt khả năng kinh tế của người Việt, giảm sinh lực của dân Việt bằng cách bắt người Việt lao động quá sức, tiêu diệt văn hóa Việt bằng cách thu hết văn hóa phẩm, văn nghệ phẩm đem đốt đi, hoặc đem về Tàu, bắt các nhà có kỹ năng đủ loại, các nhân tài đem về Tàu (như Lê Tắc viết quyển An Nam Chí Lược, Nguyễn Văn An xây thành Bắc Kinh), hoặc dụ các anh hùng thảo dã Việt ra cho làm quan hay giết đi, đồng hóa nòi giống Việt bằng cách cưỡng lấy gái Việt, bắt dân Việt phải nói tiếng Tàu, cắt tóc, để răng trắng, mặc áo ngắn (sau này gọi là áo khách hay áo cộc...).

¹⁷ [Chu Tri Lục 4](#): “Nói về chín kinh nghiệm quốc sử làm giáo huấn cho cách mạng, chính trị của nước Việt.”

Dưới bối cảnh ấy, Lê Lợi cùng bộ tham mưu phải nát gan nát óc để giải quyết các vấn đề của buổi sơ đầu cách mạng. Làm sao thiết lập được một mật khu an toàn để bảo vệ các lãnh tụ và huấn luyện cán bộ? Làm sao tổ chức, chế tạo và vận chuyển vũ khí? Làm sao liên lạc được với các lực lượng cách mạng các địa phương trong điều kiện giao thông cách trở?

Để trả lời các câu hỏi trên, Lý Đông A viết:

“Chiến đấu dư luận đã cho tung hoành bằng mồm miệng khắp nước để phối hợp với sấm truyền mà dẫn khởi lòng tự tín và đấu tranh khắp nhân gian. Các cuộc huyền ảo tuyên truyền đã xếp đặt rất khéo léo để cho dân chúng hiểu biết đến con người lãnh tụ của mình. Các mặt trận vô hình tự thành, với sự liên lạc các anh hùng thảo đã chờ một thời cơ dựng cờ cứu nước.

Thành Lục Hoa (còn gọi Lục Niên) và trại Lam Sơn là nơi xuất phát căn cứ địa, còn gọi là một nơi hồi sinh căn cứ địa, nơi kho tàng vũ lực và cán bộ... Chiến lược địa lý đã vạch ra bằng hình thể tam giác Lục Hoa, Hòa Bình, Tân Viên Sơn, nơi chủ lực của vũ lực. Ở đây, nguyên tắc hành binh “tàng ư cứu địa chi hạ, động ư cứu thiên chi thượng” đã được đem ra thực tiễn một cách hiệu quả. Sự lấy thời gian mà đổi lấy không gian phải là một kế toán chiến lược của hoàn cảnh ấy. Dân chúng từng lượt huy động hết, huy động cả tài năng, sức lực của mình ra, tất cả vì mười năm trời, toàn dân tranh đấu đó.

Sự phối hợp được cả vũ lực của cách mạng vào dân chúng trở thành vũ lực của dân chúng mới phát triển nơi toàn dân cách mạng và toàn dân chiến lược. Cái quyết tâm về kế hoạch tự lực cánh sinh, phải là chủ yếu trong bộ óc của bộ tham mưu đó.

Chúng ta trong buổi hôm nay, phải có bốn phận nghiên cứu sâu rộng Việt sử để tiếp thu lấy những kinh nghiệm của ông cha để lại. Phải phát huy hết giá trị của những kinh nghiệm vô giá ấy, truyền lại cho con cháu chúng ta sau này. Nếu bất hạnh chúng ta hay con cháu chúng ta phải đối phó với một cuộc xâm lăng nào đó, chỉ cần khai thác, vận dụng những bài học trong cuộc chiến tranh Trần-Nguyên và cuộc cách mạng Lê Lợi cũng thừa có những phương châm chỉ đạo cho công cuộc bảo vệ sự sống còn của dân

tộc. Chúng ta không cần phải đi học xa xôi đâu cả, không cần phải đi Moscou để học Staline, đi Diên An để học Mao Trạch Đông mới có bản lĩnh để lãnh đạo cuộc chiến tranh giải phóng. Ý thức hệ Mác-Lê không cống hiến gì tốt cho chúng ta để có một vũ khí tinh thần chân chính để thắng trận chân chính. Kinh nghiệm 40 năm qua chẳng chứng minh điều đó sao? Cái ý thức hệ ấy chẳng đã gây bao nhiêu tội ác chết chóc đau thương cho dân tộc, bao nhiêu chia rẽ hận thù giữa những người cùng máu mủ, trong khi dân tộc ta cần toàn dân đoàn kết để kháng chiến và để kiến thiết đất nước?

Cái gương sáng ở triều Trần chẳng cho chúng ta thấy trong cuộc kháng chiến toàn dân đã tự động kết thành một khối thống nhất đấy sao? Suốt cuộc chiến đấu chỉ có hai làng Đông Khê bỏ theo giặc.

Lại có giáo huấn nào quý hóa bằng lời căn dặn của Trần Hưng Đạo cho hậu thế trong Vạn Kiếp di ngôn:

- Quân giặc càng ác độc ta càng dễ đánh, nhưng nếu quân giặc đem nhân nghĩa giả đi đầu, quân sự đi sau, dùng lối tằm ăn lá dâu mới thực khó đánh. Lúc ấy phải tùy cơ ứng biến mà cắt cử tướng tài. Dầu sao sách lược giữ nước hay nhất là thời bình nên khoan sức cho dân, để thời chiến ta mới lập được những đạo quân phụ tử chi binh, một điều kiện để chiến thắng.”

Xét vậy, phải tìm đâu xa những bài học cứu quốc và kiến quốc. Thật là:
“Rõ trước mắt mà tìm đâu cho thấy!”

Chương III

Lý Đông A với chính trị quan

Năm 1944, tôi (người viết tập này) gặp lại nhà lãnh tụ Duy Dân sau 4 năm xa cách. Anh hỏi tôi về cách sinh hoạt của giới sinh viên cùng xu hướng chính trị của họ. Tôi nói: cũng không khác thời 1937-1939 là bao. Một số đông chăm lo việc đèn sách, học ngày học đêm, học ở học đường, học ở thư viện, học cả ở trong hầm trú ẩn khi có còi báo động máy bay Mỹ bay ngang qua. Một số thường hay luận bàn thời cuộc nhưng lại chia rẽ sâu đậm vì chính kiến bất đồng. Có nhóm khuynh Tam Dân chủ nghĩa, tỏ ý rất khâm phục kiến thiết giai đoạn luận của Tôn Dật Tiên. Có nhóm khuynh ý thức hệ Mác-Lê và không tiếc lời ca ngợi những thành tựu thực tiễn của Staline, biến nước Nga lạc hậu thành nước Nga tiến bộ bậc nhất ở hoàn cầu. Số ngưỡng mộ Nazisme giảm sút nhưng vẫn còn có sự thần phục cái “oai phong” của Furher với chủ nghĩa chủng tộc ưu việt của Đức Quốc Xã.

Cố nhiên đảng viên Duy Dân thường hay ít bộc lộ tư tưởng của mình, hoặc bộc lộ tư tưởng một cách kín đáo. Tôi cũng không quên nhắc lại cho họ Lý nghe lời một anh bạn rất có tiếng ở đại học hồi anh còn là chủ tịch tổng hội sinh viên phân khoa luật:

“Liên Xô đã cống hiến cho ta những mô hình kiến thiết tuyệt vời. Ta chỉ cần học tập ở đó, lọ là phải kiếm đâu xa!”

Lý Đông A chép miệng ngắt lời tôi: “Mất gốc! Mất gốc. Thật đáng tiếc, mà chính lại là những thanh niên đầy huyết tính”.

Ngày hôm sau tôi nhận được bản sao tập Sử Hồn, tập tài liệu anh viết ngay khi tôi ra về, kèm theo tập Xuân Thu¹⁸ mà anh sáng tác từ năm trước với dòng chữ viết tay: “Để anh dùng trong công tác khai mông vận động”. Khai mông các bạn của tôi.

Vừa đọc hết mục đầu của Sử Hồn tức mục Hối Hận, tôi nhận ra ngay cái thâm ý của anh muốn mở những mông lung, những u tối ngay chính trong đầu tôi trước đã, cái tế nhị của anh với đồng chí trong công việc truyền thụ tư tưởng thường là như thế đó.

¹⁸ Hai tập Sử Hồn và Xuân Thu cùng một số tập khác được Nhà xuất bản Gió Đáy in tại Sài Gòn trước 1975 dưới tên sách “Huyết Hoa” - vừa là tên của một bài văn xuôi mà cũng là tên của một bài thơ. Để tránh sự trùng hợp này, Học Hội Thăng Nghĩa đặt tựa “[Tiểu Luận Thăng Nghĩa](#)” thay cho cuốn “Huyết Hoa” nói trên.

Xin trích dẫn đoạn văn Hồi Hận trong tập Sử Hồn để độc giả hiểu thêm con người lãnh tụ Duy Dân vào lúc ấy mới 23 tuổi đời:

“Người ta đã tốn bao nhiêu lời lẽ ca ngợi những cái lớn lao của thời Tam Đại nước Tàu, cùng các cuộc ’89, ’17 của Pháp với Nga. Sau cuộc phục hoạt cổ điển Âu Châu, người ta đã đặt hai thời kỳ đó làm khuôn mẫu thế giới sử trên nhân loại học. Từ nhân đạo thành lập đến nhân đạo tăng tiến, chúng ta ước ao loài người bước lên một bước thứ ba để ổn định cái văn hóa hòa bình của nhân đạo thực thể. Hai thời kỳ trên, tuy nhiên trong hành trình của nó dấy theo bao nhiêu những hắc muội của dã man cùng cực làm cái hồi hận day dứt của tâm hồn ảo não cho đạo đức của sử.

Một cái văn hóa trù lấp cả Á Đông “tiền thân chủ nghĩa” thực hành chính trị tối khoa học của nông nghiệp và âm dương học trên chữ Lễ suy động bởi một cơ trí thiên triều chủ nghĩa, Hán tộc thiên hạ chủng tộc đế quốc chủ nghĩa đem kết tinh hết cái cực thiện và cực mỹ vào một công cụ “phong thiện” để diệt chủng bốn chung quanh.

Chúng ta còn được thừa hưởng cuộc đấu tranh thất bại của tổ tiên ta với nòi Hán, cái vết máu nhơ nhớp và cột đồng Mã Viện¹⁹.

“Đồng Trung Hoa đến mang làm cột.”

Lại bây giờ đây, người ta công kích cuộc ’89 chỉ là sự cấy mạ của giai cấp phú hào. Nếu lấy con mắt thiên cận của con mắt duy vật mà xét thì người ta cho thế là phải. Nhưng lấy con mắt công chứng lịch sử nhân loại mà tập trung mà nói, nó chỉ là cuộc vật lộn của chân lý. Sự chiếm lĩnh và hưởng thụ những tinh thần và vật chất công cụ của mỗi sự nghiệp tiến hóa trong tay mỗi người và mỗi nòi, tùy theo tính chất và xu hướng của nó mà phấn động với công ích thuần nhân loại, có phải tội của ’89 đâu? Tuy nhiên cái cực thiện, cái cực mỹ của đời đó rớt lại cho con cháu Pháp Lan Tây đế quốc về sau này, chỉ còn lại cái vô dân chủ suy động bởi cái “máy đoan đầu dài”, người ta gọi nó là guillotine không đúng, nó là “La Francaise” máy Pháp Lan Tây phải hơn.

“Máy Pháp Lan sang để chém người.”

¹⁹ Khi Mạc Đĩnh Chi đi sứ Tàu, nho sĩ Tàu đưa ra một vế câu đối định làm nhục quốc thể của Đại Việt. Vế đó như sau: “Đồng trụ chí kim đài dĩ lục” (Cột đồng đến giờ đã xanh rêu). Trạng Mạc Đĩnh Chi đọc vế đối tỏ rõ cái hùng khí của dân ta: “Đằng Giang tự cổ huyết do hồng”. Cột đồng Mã Viện ngày nay không còn dấu tích, trái lại sóng sông Bạch Đằng vẫn vỗ thuyền các các như tiếng reo hò của muôn vạn quân Việt thi nhau giết giặc.

Staline làm cho cách mạng '17 mất hết nhân loại toàn tính nhưng mà cũng mang đến cho người Nga Xô một địa vị của thiên triều chủ nghĩa, Trung Quốc chủ nghĩa Xô Viết đội lốt Pierre Alexandre, tóm lại đội lốt Tsar Komintern. Than ôi! Chỉ là cái tổ chức hắc ám của Francmaconnerie tính cách Anh Cát Lợi. Cái biện chứng duy vật kia có cái tác dụng thời đại và địa phương của nó, cũng như cái lý tắc cơ giới của thế kỷ XVII đẻ ra vô dân chủ, tuy không đúng chắc nhưng mà cũng vừa đủ để sửa soạn một cuộc tiến hóa, cố gắng hiến một cuộc phản tỉnh về đời người ta trên thực tiễn, phê phán và tu chỉnh cho nhân loại một nền tảng kinh tế trên “phụ kinh tế” mà không “siêu kinh tế”. Trên thực trạng của Nga Xô Viết, nếu Marx đem Nga quốc hóa đi được trên thực thể của biện chứng đó, đó là vấn đề kỹ thuật, thì nghĩa là thực hiện một thiên triều chủ nghĩa Komintern, một thứ Tsarisme.

Thế giới muốn ổn định phải giáng ngộ không một thiên hạ chủ nghĩa hoặc đội lốt dân chủ, hoặc đội lốt Tam Dân, hoặc trắng trợn như Phát Xít, hay hùng hồn như Nazi làm bận lòng các anh! Đừng ngừng trệ, đừng theo đuôi, nếu Lão Tử với Gandhi gặp nhau tất cũng đồng ý rằng chỉ có chủ nghĩa của các ông ấy như có thi hành ra được họa may mới có toàn tính nhân loại, mới cộng sản, dân chủ và nhân nghĩa được. Trotsky bị giết đi chứng thực cho thế giới rằng Marxisme chân chính đã bị chối bỏ.

Còn cái gì qua các thời đại? Cách thức sống của các bộ lạc, các nòi giống, các thời đại, các khuôn khổ, người ta cần bàn tay với luân lý gia đình cho nông nghiệp. Người ta cần lý trí với bản lĩnh cho thương nghiệp, người ta cần lý tắc với vô đạo đức cho công nghiệp. Tổ chức Teuton bên Đức hay Lạc Chế bên ta đời Hồng Bàng còn vẽ được chân hình cái toàn tính của loài người. Như muốn xác định nữa, còn phải theo Lão Tử với Gandhi. Sự sống của người ta y cứ vào người ta hết. Bởi vì người ta sống trong vũ trụ, vũ trụ đó là đối tượng đại đồng của loài người. Người và vũ trụ, trên nền tảng và điều kiện chủ, khách quan sinh sản ra hết thảy. Tự ta quyết nhiên có cái bản lĩnh độc lập, tự do, sinh tồn ở ta đó. Bao nhiêu cái hoa mỹ, bao nhiêu cái tình vi, bao nhiêu những năng lực và công cụ tinh thần với vật chất, hữu hình hay vô hình chỉ là những thuộc tính của sống còn Duy Nhân, Duy Dân chân lý ở trên cái nút tự tại trong vũ trụ kia. Thái cực, giác ngộ, chân như, thượng đế, cực chất của xã hội theo cái tính lưu động của loài người mà lưu động, phải tìm đâu xa!

*Nhân đạo đừng mong quân “lộ khẩu”
Nhân quyền chớ cậy dựa “xanh người”*

Quản Trọng nói câu: “Nước lớn nhiều thì hợp các nước lớn vào đi đánh các nước nhỏ để làm bá đạo. Nước nhỏ nhiều thì hợp các nước nhỏ lại đi đánh các nước lớn để làm vương đạo”.

Hãy hối hận, hãy luôn luôn đề phòng và cảnh tỉnh cả mình và mọi người để đi tìm nhân nghĩa và đạo đức. Dân chủ vương đạo, nếu chỉ nắm được cái vỏ của nó, cái bóng của nó trên bao nhiêu hoa mỹ, anh hùng vinh quang của nó mà mất thực thể của nó thì trên hành động và nhất là lập ngôn của các anh sẽ chỉ là của độc sâu cay cho loài người mà thôi.

Duy Dân chủ nghĩa như muốn thế giới hóa, hay hợp hơn, đồng nhân hóa phải làm cho thế giới mỗi người, mỗi nòi nghiêm ngặt hiểu rõ những thống khổ và hối hận kia. Phải sám hối, phải nghiêm ngặt giữ gìn cương thường Lạc chế làm nền tảng tự lực trên hết mọi chính sách kinh tế, chính trị, xã hội và nhân chủng. Các thứ chế độ chỉ là ngành ngọn mà thôi. Đạo đức, nhân nghĩa, vương đạo, dân chủ như lột truồng ra, trút sạch một tấm lòng yêu thương loài người trên thực thể, há chẳng phải chỉ còn một thủ đoạn khoa học làm khéo của giống buôn loài người, giết người buộc người một cách văn minh “theo ý nghĩa dã man” ư?

Cuộc Duy Dân cách mạng của nòi Việt muốn là một *Kultur Kampf*²⁰ cho nhân loại nguyên tắc toàn thế giới. Nhân loại là một nhân đạo toàn tính mà không còn những độc chiếm hay tự do độc quyền như lối *English Liberty* hay *Liberté Francaise* hay hưng Hoa diệt Di được nữa”.

(Hối Hận – Sứ Hồn)

Qua đoạn văn trích dẫn trên, độc giả hẳn nhận thấy quan điểm rõ rệt của Lý Đông A về các chế độ chính trị phi nhân, phi dân tộc, phi dân chủ, khống chế loài người mà vẫn đội lốt đạo đức, nhân nghĩa, nhân đạo. Đồng thời độc giả cũng cảm nhận được tình yêu thương dân tộc, yêu thương nhân loại vô bờ bến của anh.

²⁰ Kulturkampf: Trong giai đoạn 1871-1877, một cuộc xung đột giữa chính quyền đế quốc Đức và Giáo hội Công giáo La Mã ở Đức đã được khởi xướng bởi Thủ tướng Otto von Bismarck. Chính sách thống nhất quốc gia của ông đòi hỏi Giáo hội phải lệ thuộc vào nhà nước. Ông đã thất bại trong việc đạt được sự lệ thuộc này của Giáo hội, chủ yếu là do bộ máy quan liêu yếu kém và sự kháng cự thụ động hiệu quả của Giáo hội bất chấp sự đàn áp rộng rãi.

Sau này tại Mỹ cũng đặt luật nhằm tách ảnh hưởng của Giáo hội ra khỏi nhà nước. TD

Theo anh, tình yêu thương là của nhân đạo. Yêu thương là bản ngã của sinh mệnh loài người. Cho nên bất cứ một chủ trương chính trị nào, một chủ nghĩa nào, nếu gạt bỏ tình yêu thương, thiếu cái căn bản nhân loại thì chỉ là ích kỷ, tàn ác vô nhân đạo.

Thế nhưng Lý Đông A lại sinh vào một thời đại nhiễu nhương, lại ở một nước mà từ ngày lập quốc xa xưa đến nay vẫn nếm trải không biết bao nhiêu đau thương tủ nhục do sự thống trị áp bức đè nén của các dị tộc. Thực tại nếu dân tộc nòi giống anh không có ý chí mạnh về độc lập, không có tinh thần bất khuất quật cường, không có sức bền dai chịu đựng thì đã bị tiêu diệt, bị đồng hóa từ lâu rồi.

Cho nên trước khi dành lòng yêu thương của anh cho nhân loại, anh phải trút hết lòng yêu thương ấy cho dân tộc anh đã, một dân tộc đáng mến, đáng thương, đáng được cảm phục.

1. Chủ nghĩa cách mạng dân tộc

Chủ nghĩa cách mạng do anh đề ra, trước hết là một chủ nghĩa cứu dân tộc. “Cứu quốc, tồn chủng”, di chúc của Phan Sào Nam là phương châm chính trị của Đảng Duy Dân cứu lấy nước, có nghĩa là đấu tranh để đòi độc lập tự chủ cho dân tộc mình. Cái chủ nghĩa đó phải căn bản và chân chính. Giữ lấy nòi, nghĩa là giữ lấy nòi giống cho thuần túy về phương diện chủng tộc, còn ý nghĩa nữa là dùng những phương án kiến lập một nền chính trị để cho quốc dân Việt được sống một cách rộng rãi, đầy đủ, vui vẻ, tiến bộ và không có lo lắng, tức có bảo chứng từ nơi quốc dân.

Cuộc cách mạng Duy Dân là một cuộc cách mạng dân tộc. Hai chữ dân tộc không phải là một danh từ suông, rỗng tuếch ở đầu môi miệng lưỡi. Bao nhiêu người nói đến dân tộc mà không hiểu thực thể của dân tộc là gì! Và lại còn có biết bao nhiêu nhà cách mạng không ngớt chê bai mạt sát các cuộc cách mạng dân tộc, cho rằng đó là các cuộc cách mạng lạc hậu, phi khoa học và trái với tiến hóa loài người, ý nói cuộc cách mạng Mác-Lê mới là tiến bộ khoa học.

2. Chủ nghĩa sinh mệnh

Chủ nghĩa dân tộc phát xuất từ học thuyết sinh mệnh của loài người. Ta phải đi ngược lại dòng lịch sử nhân loại để tìm hiểu cái sơ đầu thành lập xã hội loài người mới có thể nắm vững được cái nguyên tắc dân tộc, chủ thể của xã hội từ buổi sơ đầu thành lập từ đó.

Sinh mệnh là nguyên tố nền tảng của lịch sử. Thiên tính thứ nhất của sinh mệnh là *sắc tính* hay phồn thực, hay sinh thực, tức sự kết hợp tự nhiên của âm dương mà sinh con đẻ cái, nghĩa là duyên trường sinh mệnh ra không gian và thời gian.

Thiên tính phụ đới là *cấp dưỡng và ý thức*. Cấp dưỡng tức kinh tế để duy trì sự sinh tồn của sinh mệnh. Ý thức là sự tích lũy những kinh nghiệm, của những thủ đoạn và hành động sinh hoạt giúp cho sự duyên trường và khoáng trường sinh mệnh. Thiên tính thứ ba là chuyển di tác dụng gọi là *xã hội tự tính*. Sự hợp quần là đầu mối của sinh hoạt tập thể và là đầu mối của sự tiến hóa. Cho nên căn cứ lịch sử là lịch sử của loài người từ khi sống thành xã hội, xã hội chủng tộc, xã hội kinh tế, xã hội văn hóa.

Ba phạm trù chủng tộc [*sinh*], kinh tế [*vật*], ý thức [*tâm*][*duy sinh, duy vật, duy tâm thống nhất*], hỗ tương hoạt động không dứt, vận động lẫn nhau, xúc tiến hết thảy các cơ cấu và quan hệ xã hội. Trong ba phạm trù trên, phạm trù chủng tộc hay *dân tộc* rất trọng yếu. Nó là cội gốc cho sự hợp quần đầu tiên của loài người. Nó là trung tâm cho sự tạo dựng mọi quan hệ về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa... Sự phát triển của nhân tố dân tộc bằng *hướng tâm vận động*, sự khoáng trường của nó bằng *hướng thượng vận động*.

Cho đến ngày nay và cho đến ngày mai, mãi mãi sau này nó vẫn là một nguyên tắc không thể bỏ được cho mọi hình thức quốc gia, quốc tế hay thế giới nào.

3. Lập trường dân tộc và mục tiêu cách mạng

Sự suy cứu về nguồn gốc của yếu tố dân tộc cho ta biết tại sao Lý Đông A lấy dân tộc làm căn bản lập trường cho cách mạng. Lộ tuyến chính trị của Duy Dân cũng do lập trường dân tộc đó quy định ra. Con đường với phương hướng chính trị đã được lịch sử Việt từ ngàn đời chỉ vạch ra cho nòi giống cháu con noi theo, ngõ hầu đạt tới mục đích trung tâm là tranh đòi lấy sống còn độc lập. Nhưng sống còn độc lập chỉ là mục tiêu tối cận, mục tiêu viễn đại là kiến lập toàn bộ cái sự nghiệp sinh mệnh của dân tộc tung hợp với toàn bộ thể hệ văn hóa của dân tộc. “*Cái sự nghiệp ấy phải gây dựng, vun trồng, sáng tạo nên, làm cho dân tộc có năng lực sống, còn, nổi, tiến, hóa, trên cái nền tảng thực thể một sinh hoạt chắc chắn và đầy đủ, lại phù giữ cho cái sinh hoạt đó một cách thức sáng sủa và mỹ mãn, đấy là sinh mệnh với văn hóa, hai thứ là một mà thôi*”.

Vậy để thích ứng với sinh mệnh lớn lao trên, công cuộc cách mạng do Lý Đông A đề ra phải “*toàn diện từ nhân chủng sinh hoạt, chính trị, kinh tế, văn hóa... cho đến mọi thứ gì từ vô hình đến hữu hình, từ mọi cái rất nhỏ đến cái rất to, từ mọi cái rất thấp đến rất cao*”.

Công cuộc cách mạng ấy còn phải “*triệt để từ đầu cho đến cuối, đừng làm dở dang, từ thất bại cho đến thành công quyết không nản chí, từ ngọn đến gốc, chớ có hững hờ, từ hình thức đến nội dung tuyệt không cho phù diễn*”.

Lại công cuộc cách mạng ấy phải “*hướng thượng, từ hiện tại phải trông về tương lai, chớ để văn minh của chúng ta giật lùi, từ bảo thủ làm cho tiên tiến, chớ để văn minh của chúng ta thoái bộ. Cách mạng phải đi đôi với sáng tạo, mà sáng tạo cũng không thể nào thiếu một phương diện và tính chất trên được*”.

Trọng yếu nhất là làm sao cho cách mạng với sáng tạo của nòi giống Việt về mai sau bền vững được trên con đường hướng thượng. Há chẳng thấy nhiều cuộc cách mạng của thế giới chứng tỏ có thể giật lùi được đấy ư?” (Tuyên Ngôn).

4. Xét nét về diễn biến thời cuộc thế giới và trong nước

Thành lập cương lĩnh đấu tranh cách mạng, trước hết hãy xét nét những diễn biến thời cuộc thế giới. Diễn biến thời cuộc thế giới có những đặc điểm sau đây:

- a. Từ sau thế chiến 1914-1918, thế giới có xu hướng phát triển trên toàn cầu. Đến cuộc thế chiến 1939, sự phát triển ấy đã đạt tới mức biên tế (marginal).
- b. Phải tập trung tri thức chính trị suốt mặt thống nhất vào một nhơn quan, mới có được một viễn kiến sâu sắc và chính xác ngỗ hầu nắm giữ được sự xoay vần của thời đại cùng sự thành tựu của tương lai. Như đã nói trên, cuộc chiến thứ hai phát sinh từ sự tranh bá giữa ba trào lưu quốc tế. Tiềm năng kinh tế của các phe lâm chiến cho phép ta đoán định chắc chắn rằng, chủ động chiến trường sẽ giật lại về phía tư bản từ cuối 1942 đến đầu 1943, Đức sẽ hạ súng vào đầu 1945 và Nhật sẽ giải thể Đại Đông Á vào cuối 1945 hay sang đầu 1946 (coi Xuân Thu, mục Chiến Hậu).

Tình hình chính trị hậu chiến có những điểm sau:

- Thất bại trên hòa bình: Hai cường quốc thắng trận được hưởng lợi lộc nhiều nhất là Hoa Kỳ và Nga Sô. Vì không tiêu diệt được hết mâu thuẫn nên sự tranh chấp lại gây nên tình trạng giả ổn định trên thế giới, biểu hiện ra bằng những cuộc biến loạn địa phương, còn gọi là chiến tranh nóng cục bộ ở những nước có một vị trí chiến lược quan trọng. Dân chúng của những nước ấy sẽ là nạn nhân, và chính quyền ở những nước ấy trở thành công cụ cho hai siêu cường.
- Anh tuy là nước thắng trận nhưng kiệt quệ vì chiến tranh, đối nội phải lo việc kiến thiết quốc dân sinh hoạt, nên đối ngoại phải liên minh với Hoa Kỳ và phải chấp nhận một cách hậm hực mọi chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ.

- Các nước Châu Âu sẽ mất một thời gian khá lâu mới phục hồi được sinh lực để gây lại phong độ cường quốc từ thuở nào.
 - Tàu cũng được coi là nước thắng trận. Sau chiến tranh, tham vọng của Tưởng Giới Thạch thật kinh khủng. Sự việc Tôn Văn yêu cầu Hoa Thịnh Đốn chiếm lĩnh Việt và Hàn chứng thực rằng Tàu muốn nối gót các đế quốc, đòi làm môi giới giữa Đông và Tây và làm sức an định cho Đông Á. Nhưng nhiều khó khăn đến với họ Tưởng như sự băng hoại kinh tế, sự lũng đoạn chính trị của bọn Quốc Dân Đảng, cái viễn ảnh nổi loạn của bọn Cộng sản Diên An gây ra mà Tưởng Giới Thạch vẫn gọi là bệnh lao trong phế phủ. Tất cả cái đó sẽ làm thất bại mưu toan thực hiện chính sách cũ là Hán tộc đế quốc chủng tộc thiên triều chủ nghĩa.
 - Các khối tập đoàn kinh tế hay chính trị sẽ xuất hiện, đầu mối cho cuộc *hướng tâm vận động*, nhưng mặt khác cũng là đầu mối cho *chính sách kinh tế toàn cầu* sau này.
 - Phong trào giải phóng dân tộc của các nước bị trị sẽ tràn lan trên khắp Á Châu, Thái Bình Dương, Phi Châu, gây nên những cuộc biến loạn lớn, chiến tranh giữa đế quốc thực dân và dân bị trị, chiến tranh do tranh chấp nội bộ giữa các phe phái chạy đua chiếm chính quyền, dẫn tới sự anarchie (rối loạn vô chính phủ) về kinh tế và chính trị. (Tổng Cương Nhận Xét Thời Cuộc).
- c. Trên đây là những nét chính về diễn biến chính trị về thời hậu chiến mà Lý Đông A phác họa. Nay hãy quay lại mình để xét nét về tình hình chính trị và cách mạng trước thế chiến.

Như đã nói ở phần tiểu sử Lý Đông A, Phan Sào Nam là đại biểu chân chính cho cuộc vận động cách mạng Việt vào đầu thế kỷ XX, với một lập trường nghiêm chỉnh, một phong độ cao siêu, tiên sinh đã quy tụ được hết mọi xu hướng chính trị từ hữu sang tả. Nhưng từ sau ngày tiên sinh bị bắt, các cán bộ của tiên sinh chia rẽ nhau, khuynh loát nhau, thậm chí tìm cách sát hại nhau nữa. Hiên trạng ấy thật đáng bi quan khi đất nước Việt sắp bước vào một kỷ nguyên mới, một thời vận mới, nghĩa là cuộc thế chiến thứ hai sắp kết thúc.

Luận về giai đoạn diễn biến chính trị trên, Lý Đông A có một nhận thức lạc quan:

“Cuộc cần vương của Nho sĩ được nối liền với ý thức thời đại mới, bởi Nho sĩ Duy Dân mà Phan Sào Nam là đại biểu, để được nối liền với giai tầng ăn lương mới sản sinh ra trí thức (Quốc Dân Đảng) và nửa trí thức (Cộng Sản Đảng), qua sự gạt lọc các giai tầng ấy đào thải để cho thúc đẩy giai tầng gốc của quốc dân và thể hệ đáy của quốc dân trung kiên tối đại đa số làm chủ thời đại Vận Thắng mới, chỉ có nó mới đảm nhiệm nổi sứ mệnh của lịch sử”.

Đồng thời luận về khúc diễn tiến của văn hóa, ý thức và xã hội, Lý Đông A cũng lạc quan không kém:

“Hai văn hóa mặt tảng Nho và Âu cự tuyệt nhau suốt từ 1865 đến 1900 trở lại đôi năm để mở sự thỏa hiệp dần dà, dung hòa bằng Đồng Văn nhật báo, Đông Dương tạp chí, Nam Phong từ 1920. Nòi giống đã biết phản tỉnh lại lịch sử của mình từ 1930 suốt tới 1940 trở đi 1, 2 năm. Nhưng mà thời đại sáng tạo chân chính phải do những con người ’40 làm việc cho 2000, dẫn dắt bởi Thắng Nghĩa. Chữ quốc ngữ đến từ khi Âu Á gặp gỡ, trải qua các thời kỳ nó đều làm đồ đạc và vũ khí rất lợi hại: làm môi giới cho thỏa hiệp, làm vũ khí dung hòa, làm đầu đề phản tỉnh để tụt xuống đáy tầng, ở trong thân tạng của nó nảy nở ra sức sáng tạo lớn lao”.

Một sức gốc được hình thành sau những cuộc phản tỉnh dù phản tỉnh không triệt để. Lãnh đạo được sức gốc, sức đáy tầng ấy sẽ thành công trong sự nghiệp giải phóng quê hương, dù sau này khi thế chiến kết thúc, thế lực thống trị là Tàu, là Pháp hay quốc tế công quân. Chúng ta có thừa kinh nghiệm kháng chiến cứu nước. Tiếp thu được những giáo huấn của cuộc chiến tranh Trần-Nguyên và Lê Lợi khởi nghĩa, nòi giống ta có đủ bản lĩnh lãnh đạo kháng chiến thành công. Phải, cuộc giải phóng nhất định thành công, chỉ cần bổ sung bằng kỹ thuật hiện đại.

Thời cuộc đã diễn tiến theo chiều hướng anh dự liệu trên. Sức gốc đáy tầng dân tộc quả thực đã hình thành sau thế chiến chấm dứt. Nhưng người lãnh đạo sức gốc đó để hoàn thành sứ mệnh lịch sử của dân tộc lại không phải là anh mà là Hồ Chí Minh. Anh đã bị Hồ Chí Minh sát hại. Và Hồ Chí Minh chỉ thực hiện được phần đầu của sự nghiệp, thiếu một đầu óc sáng tạo dân tộc nòi giống, không tiến lên được bước tiến hóa văn minh. Đất nước sau gần nửa thế kỷ vẫn còn ngụp lặn trong tình trạng chậm tiến, trong thoái hóa. Thật là một tiếc hận cho nòi giống!

5. Chính sách Đồng Nhân

Đồng Nhân là sách lược của cách mạng Duy Dân. Đồng Nhân có nghĩa là cùng sống với người và giúp nhau tiến hóa. Chính sách này thường gọi tắt là “cùng sống và giúp tiến”. Nó không phải là chính sách xâm lược đối với những dân tộc nhỏ hơn ta mà lịch sử và hình thể đã quy định cho chúng ta, một tập đoàn an toàn trên bán đảo chúng ta đang sống. Như Việt, Thái, Mèo, Lèo, Kha, Tày, Nùng, Mán, Mọi, Châu, Lô Lô Nhắng, Dao, Phàn Sinh, Ngải v.v...

Chính sách Đồng Nhân còn có tác dụng sửa chữa những lầm lỗi các triều đại của ta trong quá khứ, khi có những sự va chạm giữa dân ta và các sắc dân đã cùng chung sống với dân ta từ bao nhiêu thế kỷ.

*Nước cười thay cuộc chiến ào ạt
Của những người một Tổ mà đôi quê*

...

*Thiếp nghĩ thăm bao nhiêu đời xương máu
Chí anh hùng hay chinh chiến đam mê.*

(Hận Mế Hê)²¹

Nói chung thì sự va chạm chỉ nhất thời. Trong những cuộc tranh đấu giữa nòi giống ta với các dị tộc xâm lược, các dân tộc nhỏ, các bộ lạc đã từng giúp đỡ ta nhiều về quân sự và kinh tế. Sự độc lập và giải phóng của chúng ta bao giờ cũng có máu của họ chảy lẫn vào dòng máu của chúng ta trên một hàng trận vật lộn cho cùng một phương hướng.

Từ 1950 trở đi, nguyên tắc Đồng Nhân sẽ là nguyên tắc chính trị chung cho các dân tộc sống dưới vòm trời Đông Nam Á. Các dân tộc này từ thời xa xưa vốn cùng chung một gốc, vì sinh tồn mà phiêu bạt, cho đến ngày nay không nhận được nhau là có họ gần họ xa. Cái đó là do điều kiện địa lý, khí hậu, kinh tế, chính trị, ngôn ngữ, tôn giáo... Một lập trường chung được dựng nên “vì sự sinh tồn lâu dài của tự mình đứng trước sóng trào quốc tế, tự thấy mình cần phải liên lạc số mệnh mình với số mệnh chung kia. Nhưng nếu đứng trên một nhỡn quan ích kỷ một cách thấp kém, chỉ lo đến giải phóng riêng một mình, sự phát triển riêng cho mình, cái cử động ấy dù có thành công cũng sẽ mang đến sự thất bại đi sau đó một thời gian thôi. Phải biết rằng độc lập riêng một mình có vững chắc hay không là nhờ sự đoàn kết của các độc lập riêng của các dân tộc trong một độc lập chung²².”

Chúng ta phải tuyệt đối tuân theo dân tộc nguyên tắc, tôn trọng sự sống còn [tiếp] nổi tiến hóa và văn minh của họ cũng như họ tôn trọng sự sống còn nổi tiến hóa và văn minh của ta. Chúng ta phải kiên quyết đề ra chính sách Đồng nhân, Hợp tác, Liên phòng, Cùng sống và Giúp tiến.

²¹ Trong lịch sử Việt gọi là Mị Ê. Chữ ‘Mế’ là tiếng cổ của ta, có nghĩa là ‘Nàng’.

Khu Liên trong dòng dõi Hồng Bàng, đem bộ lạc băng rừng vượt suối xuống phía nam Quảng Bình lập ra một Lâm Ấp hay Chăm Quốc từ đầu công nguyên theo sử Tàu. Chi Khu Liên muốn chạy xa khỏi Hán tộc, gây dựng lại văn minh Hồng Bàng.

²² Cương lĩnh cách mạng Việt, lập trường đối quốc tế.

Lý Đông A thuyết minh cùng các anh em trong khu vực Đông Nam Á như sau:

“Đảng Duy Dân lập ra chỉ để làm việc cho toàn thể dân chúng, chỉ để bênh vực cho nòi giống, chỉ để kêu gọi ai đó suốt cả các nòi giống nhỏ yếu trong cõi ngoài cõi, đùm bọc lại nhau cho bền bỉ, cho cứng rắn, mang hết tâm hồn, sức tay, óc, nghĩ, đồ lễ ra góp tất cả vào công việc cứu nước cho độc lập, giành quyền sống còn về cho mình, tự mình làm chủ, giữ lấy nòi cho trong sạch con Rồng cháu Tiên, Trăm Việt sum vầy một nhà, mỗi dòng máu đều ngang hàng, góp làm, bênh [vực nhau...” Thiếu một đoạn].

... nếu kiến thiết thất bại, tình trạng còn khốn đốn hơn cách mạng thất bại. Họ chỉ chăm chú đoạt được chính quyền [và] tưởng thế là xong, nên mới tự cao tự đại, đuổi được xâm lược, tưởng là đã có sự nghiệp lẫy lừng, sử xanh ghi chép, bia đá khắc công. Thực sự công cuộc của họ không giá trị hơn gì cuộc tranh bá đồ vương kiểu phong kiến tối tăm, mặc dù khoác lên công cuộc của họ một bộ áo dân chủ.

Theo Lý Đông A: *“Lực lượng chúng ta đem vào cách mạng chỉ nhu yếu có chừng, mà lực lượng chúng ta dành vào kiến thiết mới là vô hạn. Tại sao? Vì nước ta dưới một trạng thái cực kỳ hỗn loạn, quốc dân sinh hoạt thiếu thốn, năng lực văn hóa dân tộc thấp kém. Tất cả các cái đó bắt nguồn từ mấy thế kỷ nay, từ cuộc Trịnh-Nguyễn phân tranh, lại bị thống trị dưới một chế độ quân chủ phong kiến hủ bại của nhà Nguyễn, tiếp theo dưới chế độ thực dân của Pháp..., chúng ta không thể nào không gắng hết sức mình để tạo dựng lại một quốc gia đồ nát, đưa dắt dân tộc lên trình độ ngang hàng với thế giới.*

Phải có một sáng tạo mới mẻ và siêu việt mới hoàn thành sự nghiệp ấy cho giống nòi... Phải chỉ có làm được công việc ấy mới gọi là sự nghiệp lịch sử, không ai là không ghi ơn!”

Nói tường tận về chương trình thực tiễn kiến thiết quốc gia của Duy Dân thuộc phạm vi một cuốn sách khác. Ở đây chỉ nêu lên những nét lớn cùng mục đích của chương trình đó mà thôi.

Ba mục tiêu lớn đầu tiên là *tán dục khoa học, kiến chế và cường thường*.

Tán dục khoa học

Tức “tham tán hóa dục”, danh từ mượn trong Kinh Dịch, có nghĩa nuôi nấng cái sinh thành của vũ trụ thiên nhiên, nhằm mở rộng cái kiến trúc xã hội loài người. Thường người ta chỉ xem cái khổ nạn của loài người do cái cấu trúc không hợp lý của xã hội loài

người, mà không biết phần nhiều do vũ trụ thiên nhiên gây ra. Cho nên phải cải tạo thiên nhiên cho hợp với đời sống của loài người. Tài bồi tạo hóa, điều lý âm dương (khí hậu), thanh tịnh tam giới (hình giới, khí giới, thiên giới) là mục đích của tán dục khoa học.

Thí dụ: Trồng cây, khai rừng, đào sông... để biến đổi khí hậu, dùng khoa học để biến cải luật kinh tế độ giảm ra luật kinh tế độ tăng... Sự nghiệp “bình thiên thành địa” này còn nhằm mục tiêu giải quyết nạn ô nhiễm môi sinh, đảo lộn sinh thái, một vấn đề mà Lý Đông A đã báo động từ 50 năm trước, bây giờ thế giới đang phải lo lắng giải quyết.

Chính sách kiến chế

Gồm *Duyên sơn chính sách* và *Kê xã chính sách*. Loài người từ lúc thành lập xã hội đã phát triển từ miền núi cao xuống đồng bằng rồi tiến ra biển cả. Ven biển, đồng bằng bắt đầu chen chúc những người, phát sinh nhiều vấn đề xã hội bệnh hoạn. Nếu một chính sách cách mạng chỉ lo sắp xếp lại xã hội, sửa chữa những bệnh tật của xã hội không thôi, thì chính sách cách mạng ấy không mấy hữu hiệu, nghĩa là thất bại.

Mục đích của *Duyên sơn chính sách* là phân bố lại cư trú, sửa đổi lại những sai lệch từ xưa để đem công nghiệp và nông nghiệp đến tình trạng có điều kiện cực độ phát triển.

Kế hoạch đại để là chia địa bàn toàn quốc ra từng khu vực lớn, thích hợp cho sinh hoạt quốc dân, làm cho sản xuất thuận lợi (nguyên liệu gần nơi sản xuất, giao thông tiện lợi...), mệnh mạch (arterestivaux) (xa lộ, đường giao thông lớn) phân phối lại, kinh tế phân bố. Với sự tiến bộ khoa học ngày nay, duyên sơn chính sách thực hiện dễ dàng, tiện nghi thời đại được đưa tới rừng sâu núi thẳm, đồng nội xa xôi không còn khó khăn gì hết. Tất cả những biện pháp ấy, phù giúp cho việc thủy chuẩn sinh hoạt quốc dân, việc làm trong sạch hình giới và khí giới.

Kê xã chính sách

Như *Urbanisme* (phép sửa sang hay thuật kiến trúc thành thị), tức là chính sách “nông thôn thành thị hóa”. Sự sai khớp sinh hoạt nông thôn và thành thị đã có từ xưa. Cuộc kiến thiết *Marxisme* thất bại vì không giải quyết được vấn đề đó. Nguyên tăng hóa nông nghiệp và công nghiệp, điện khí hóa, cơ giới hóa nông thôn, do đó sự hưởng thụ văn minh mới không thiên lệch (nông dân không có chạy ra đô thị), giáo dục thâm nhập đến mọi tầng lớp nhân dân, cơ năng *Duy Dân* phổ biến thích hợp cho sự thực hiện lý tưởng dân chủ toàn dân.

Kiến chế chính sách mà không thực hiện thành công thì vô luận một chính sách kiến thiết xã hội nào ở thế kỷ XXI cũng thành công được.

Cương thường nhân loại

Cương thường là tất cả mối giềng quy định quan hệ giữa loài người với thiên nhiên, giữa người với người trong loài người, giữa quốc gia với quốc gia, giữa quốc gia với quốc dân (cá nhân, đoàn thể, gia đình, chức nghiệp).

Đại thể cương thường là nền tảng cho sự thực hành nền chính trị nhân loại (nhân bản, nhân tính, nhân chủ). Phải đem xã hội thực tiễn trở lại xã hội tự tính. Xã hội thực tiễn gìn giữ được xã hội tự tính tính chất bao nhiêu thì hòa bình hạnh phúc được bảo chứng bấy nhiêu. Cho nên ta có thể nói rằng cương thường nhân loại là gốc, mọi hiến pháp, luật pháp, luật định chỉ là ngọn.

Bộ mệnh hôn nhân

‘Bộ mệnh’ là tiếng Mường, tiêu biểu cho sự giao du trai gái trong sạch để chuẩn bị cho hôn nhân. Hôn nhân là yếu tố thứ nhất của xã hội sinh hoạt (cũng như phần chủng là yếu tố thứ nhất của sinh mệnh). Hôn nhân quý *Trinh* [vợ chồng trung trinh với nhau]: trai trinh với vợ, gái trinh với chồng nếu muốn có con cái lành mạnh. Nhân chủng được khỏe mạnh là nhờ chế độ bộ mệnh. Làm sao cho tình dục được điều hòa, sinh lý khỏi bị thiên kỳ phát triển, bệnh hoạn xã hội mới tránh được, đều phải trông vào sự kiện toàn và bền vững của sự hợp phối hợp lý và sáng suốt.

Bình sản kinh tế

Kinh tế là yếu tố thứ hai của xã hội. Nếu hôn nhân quý *Trinh* thì nhân sinh quý *Bình*. Toàn thể cơ cấu sinh hoạt xã hội kinh tế, từ sản xuất phân phối đến tiêu thụ có Bình thì sự mãn túc an thích mới có bảo chứng.

Cho nên “*chế độ bình sản kinh tế* không chấp nhận sự quốc gia toàn bộ khống chế về kinh tế, đem nhân sinh xuống địa vị tôi đòi. Trái lại cũng không chấp nhận sự quốc gia toàn bộ phóng nhiệm về kinh tế đem giai cấp cạnh tranh vào tòi tàn của loài người”.

Nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp... phải tổ chức sao cho kinh tế quốc gia hoạt động trên nền tảng bình sản.

Cơ năng chính trị

Chính trị cơ năng nhằm mục đích tổ chức chế độ dân chủ toàn dân bằng quốc dân tề. Quốc Dân Đoàn là cơ sở tổ chức của nhân dân tích cực tự động, tự thành, tự chủ; từ tổ chức, huấn luyện, quản lý lấy nhân dân tiến lên bằng sự chuốt lọc qua các tầng cấp xã, hạt, huyện, tỉnh, quốc, tổ chức lấy quốc gia, quản lý lấy chính trị.

Quốc Dân Đoàn có đầy đủ quyền công khai thảo luận và biểu quyết các vấn đề quốc chính, bãi miễn các đại biểu, tạo thành một dân chủ có chuyên môn tính, tư cách tính và tự giác tính.

Trên phương diện cơ năng quyền chế, hiến pháp cơ năng quy định quyền hạn bằng nguyên tắc: không tập quyền cũng không phân quyền, và cũng chẳng quân quyền mà là đan quyền, theo sử thống của nòi giống di truyền lại ở các đời Lý, Trần, Lê Thánh Tông thịnh trị.

Sự phá bỏ giới vạch của thống trị và bị trị biểu hiện bằng sự quy định quyền lực qua 4 cơ quan: Tối cao lập pháp (quốc hội), Tối cao quốc thể (quốc trưởng), Hành chính tổng cơ và Phê phán công đường.

Tối cao quốc thể một chân đứng bên lập pháp, một chân đứng bên hành pháp, đem chính trị nhất nguyên hóa.

Phê phán công đường bình luận quốc chính, kiểm thảo tình thế, kiến nghị phương cách. Đó là cơ quan tối cao tiêu biểu cho chính trị phản tỉnh.

Chỉ có chế độ dân chủ Duy Dân như thế (không có chuyên chế của một đảng hay một người, không giằng co chính trị [đảng phái] làm tê liệt quốc gia²³), đi theo với các chủ trương thực tiễn của Duy Dân trên hành chính mới là thực tại dân chủ, triệt để dân chủ trên tam phân (phân công, phân lợi, phân mệnh) và tôn trọng ba yếu tố *cơ hội, nghĩa vụ, quyền lợi* thống nhất và bình đẳng.

²³ Nói theo ngày nay thì vai trò của xã hội dân sự từ người dân cần mạnh lên, vai trò đảng phái giảm đi để tạo bình đẳng cơ hội tham gia chính trị cho mọi người dân chứ không chỉ cho đảng viên các đảng. Đảng phái dần dà trở thành 'vô đảng' để tránh tranh chấp đảng phái chính trị, gây nguy hại cho nền dân chủ. Tổ chức cho chính quyền hoạt động hiệu quả là một nghệ thuật tổ chức theo cơ năng – bản vị thuyết, nhưng không nhất thiết phải có các chính đảng mới tổ chức được. TD

Kiện khang giáo pháp

Mục đích của kiện khang là đào tạo thể cách con người. Thanh niên thời đại phải tập luyện làm sao cho có sức lực (force) và sức bền dai (endurance). Có sức khỏe mới có cố gắng và can đảm, có sức bền mới có nghị lực (énergie), nhẫn nại (patience) và bền chí (persévérance).

Văn hóa tương lai của dân tộc tất phải lấy cái khuôn khổ thanh niên: thận vững, tim trong, óc sáng, mình nhẹ, tay mạnh.

Các văn hóa thời đại trên thế giới cũng đã đề ra những mẫu người tiêu biểu cho văn minh của họ. Tàu, với chế độ quân chủ nông nghiệp có mẫu người Quân tử, chi phối đạo đức của con người từ bao thế kỷ. Không những ở Tàu, mà cả khắp nơi trong vùng Đông Á. Châu Âu sau thời phục hưng đưa ra mẫu người Hiệp sĩ, tiếp sau có mẫu người Trí thức, có kiến thức không sâu nhưng rộng, lịch thiệp trên giao tế, nói chuyện duyên dáng trong những cuộc họp mặt (honnêtehomme). Mỹ có mẫu người Doanh nhân thành công trên doanh trường, Mác-xít có mẫu người Chiến sĩ thi đua (chính ủy) v.v...

Những mẫu người lý tưởng kể trên chỉ tiêu biểu cho một xã hội ở một thời đại, hoặc tiêu biểu cho một giai cấp đặc thù chứ không có tính chất nhân bản, nên lần lượt bị thời gian đào thải. Mẫu người *thận vững, tim trong, óc sáng, mình nhẹ, tay mạnh* với tính chất nhân bản sẽ vượt không gian và tồn tại mãi với thời gian, vì nó là mẫu người lý tưởng của chung nhân loại. Lịch sử nhân loại đã chẳng chứng tỏ rằng loài người từ ngày thành lập xã hội nhân loại đến nay vẫn lướt lướt theo đuổi theo một bóng dáng của một phạm trù “người” lý tưởng, cùng với bóng dáng một xã hội Người lý tưởng đó sao?

Xét toàn bộ những mục tiêu thực tiễn kiến thiết chính trị nói trên ta thấy có tính chất nhất quán. *Bình sản kinh tế, Bộ mạng hôn nhân, Kiện khang giáo dục* là thống nhất tắc vì không chia được cũng như đời sống rất cơ năng phức tạp của loài người.

Tán dục khoa học, Kiến chế chính sách, Cương thường nhân loại cũng là thống nhất tắc. Loài người không những phải sửa chữa lại cái cơ cấu không hợp lý của xã hội mình, mà cũng còn phải tu chỉnh lại thiên nhiên, mở rộng thiên nhiên tức mở rộng kiến trúc xã hội loài người, nhiên hậu mới bớt cho loài người những khổ nạn.

Tinh thần Duy Dân dân chủ ở *Bộ mạng*, ở *Kiện khang* và ở *Bình sản* là theo nguyên tắc của quốc dân sinh hoạt. Tán dục, Kiến chế, Cương thường biểu hiện cái chính trị nhân

bản, nhân chủ, lấy loài người làm chủ đạo sinh hoạt của loài người, làm chủ đạo cho vũ trụ, lấy quan hệ công nhận cường thường của xã hội tự tính làm chủ đạo cho chính trị.

Cho nên *Tán dục, Kiến chế, Cường thường, Bộ mệnh, Bình sản, Kiện khang* là những chủ trương phải bình quân giải quyết. Chỉ có những chủ trương chân xác ấy mới đem cho xã hội thực tiễn nguyên vẹn cái xã hội tự tính.

Chương IV

Lý Đông A, nhà thi sĩ dân tộc

Vào đầu năm 1945, Lý Đông A trao cho tôi (tác giả) một thi tập, và anh nói: “Anh hãy đọc tập thơ này của tôi để rồi anh thấy thơ tôi ra sao.”

Thấy ra sao? Tôi đọc đi đọc lại tập thơ của họ Lý nhiều lần mà tôi vẫn chưa lãnh hội nhiều “cái ra sao” cả. Tôi rất quen với loại thơ yêu nước khi tôi còn nhỏ. Tôi đã từng xúc động khi đọc bài thơ “Nguyễn Phi Khanh khuyên Nguyễn Trãi” của thi sĩ Á Nam Trần Tuấn Khải.

Nhưng đọc thơ của Lý Đông A trong thi tập [Đạo Trường Ngâm](#) thì thực “hóc búa” quá. Sau này tôi hối hận mãi tại sao tôi không yêu cầu anh giải cho tôi những chỗ mà tôi không tìm được ý nghĩa. Cơ hội ấy tôi đã bỏ qua. Sau vụ [trận chiến] Hòa Bình tôi không còn gặp anh được nữa, tôi sống trong vùng kháng chiến, buồn nản, tôi lấy thơ anh ra đọc và suy nghĩ. Vào khu quân Pháp chiếm đóng, tôi vẫn thường ngâm nga thơ anh hằng ngày. Thế rồi thơ Lý Đông A thâm nhập vào óc tôi, vào tiềm thức tôi, vào lòng tôi, hòa với thơ thật tôi lúc nào tôi không hay. Cho đến ngày nay, khi phải giải bày một ý nghĩa nào đó của tư tưởng Duy Dân, tôi dùng mấy câu thơ lại thấy rõ nghĩa hơn là một thuyết minh dài dòng.

Thí dụ như hai câu:

*Cơ trong vật lý nên thần dụng
Đạo ở nhân tình, chớ dị đoan.
(Tiên Long Châu Hành)*

Ấy đấy, thơ Lý Đông A “ra sao” đối với tôi là như thế đấy. Nó đã vào lòng tôi rồi không bao giờ nó ra đi cả. Tôi không phải là nhà thơ, tôi cũng không phải là nhà bình luận văn

học như Vũ Ngọc Phan, tôi đọc thơ Lý Đông A và tôi chỉ trình bày với đọc giả những cảm nghĩ của tôi mà thôi.

Tập thơ của Lý Đông A ngày nay còn truyền lại chừng 50 bài dưới nhan đề Đạo Trường Ngâm đã hai lần xuất bản, lần thứ nhất tại Hà Nội năm 1945 và lần thứ hai tại Sài Gòn năm 1968. Những ấn phẩm chỉ phát cho đảng viên mà không phát hành ra ngoài, vì không phải là ấn phẩm công khai xuất bản. Các thi phẩm khác của anh đã thất truyền do trải qua nhiều biến cố. Cho nên rất ít người biết đến thơ của anh. Trong những mục bình luận về thi ca Việt Nam, tên anh chưa bao giờ được nhắc đến, trừ nhà văn Tam Ích viết trong tạp chí Đời Mới vào đầu thập niên '60.

Thi tập của Lý Đông A có thể chia thành nhiều loại: Loại vịnh lịch sử, loại hứng ngâm, nhàn ngâm, loại triết học, loại cách mạng đấu tranh, loại tâm tư...

Nhưng dù ở bất cứ loại nào, đọc giả vẫn thấy lòng yêu thương vô bờ bến của nhà thi sĩ cách mạng ký gởi vào những vần thơ bất hủ.

Theo anh, *“nhà văn nghệ phải phát thệ cái yêu thương, phải thể nghiệm được yêu thương trong sinh mệnh lịch sử hiện tại và tương lai trong loài người, trong sống thực, sống máu và sống đấu tranh của loài người. Bỏ loài người ra, văn nghệ không còn giá trị gì hết, nhưng bỏ đa số loài người ra với bỏ lòng yêu thương vô ngã ra, văn nghệ không thể có một giá trị thích đáng.”*

(Muses – Huyết Hoa)

Cho nên thơ của anh không bài nào không chan chứa tình yêu thương.

Vào đầu thập niên '40, lênh đênh nơi hải ngoại, mục đích đi tìm đồng chí và đi tìm dấu tích của tổ tiên nòi giống trên khắp cõi Hoa Nam, anh có nhiều dịp chỉ điểm cho bao nhiêu thanh niên Việt trôi dạt nơi đất người khỏi bước vào đường sai lạc.

Nhìn về cố hương, biết bao nhiêu thanh niên đủ các lớp vẫn u mê chưa tỉnh trước sóng trào quốc tế ào ạt chảy vào đất Tổ. Anh giận hờn những thanh niên ấy vẫn thản nhiên sống mà không thấm thía cái thân phận của một dân vong quốc:

*Nhấp chén rượu mài dao, giận chém đá
Tắc cô thần nghiệt tử có ai chia?
Buổi Âu phong Á vũ vẫn còn mê
Chưa thức dậy cùng ta tuyết quốc sử.*

(Quốc Sĩ)

Anh giận những phường vì tranh chấp chính trị mà không thấy cái gương “*Mình vào, Thanh đến, đến Tây lai*”. Anh giận những kẻ “*cân đai mang súng sả*” mà “*chạy trước hươu gớm lũ chó săn nèn*”.

Anh thẹn cho những nhà trí thức, vì mộng giàu sang mà quên mất đường quê. Rồi anh thẹn cho cả lớp người bình dân cam tâm làm phen dậu cho quyền thống trị, thẹn cho cả những bậc yếm khản quên nhiệm vụ dùng mũi chỉ dục chinh nhân:

*Thẹn những bác i, ô chi lái nhài
Mải sân Trình, cửa Khổng, mải Balê
Mộng hầu quan tứ xứ lạc đường quê
Quê nước ở trong hồn người tự chủ!
Thẹn đất nước dưới chân giày uế xú
Người Lâm Thao, Bến Ngự luống tâm cơ
Mà Bướm hồn, Xuân nửa nảo lòng thơ
Để đàn nhạn Cô Tô đài thoi thóp!*

*Thẹn những phường thất phu, xanh, đỏ khố
Cũng vênh vang ra phết bậc thầy, cô
Đoái chẳng ai Sát Thát, lại Bình Ngô
Quân hồn để sượng sùng gươm Vạn Thắng.*

(Quốc Sĩ)

Để rồi cuối cùng anh than không biết còn có ai nhớ tới chữ trượng phu!

*Nghĩ đến sự nước nòi lòng tan nát
Có ai còn nhớ chữ ‘trượng phu’ chẳng?
Núi Lam Sơn còn sống lại Thánh Vương
Để mở lại nước non nòi Đại Việt?!*

Thực tại cái hồn giận ấy là cái hồn giận của dân tộc nòi giống, chứ đâu phải là cái hồn giận của cá nhân anh. Và đứng trước tình trạng “*Đất nước trong sông còn ngoi ngóp*”, cái hùng chí ở anh bốc lên ngất trời, hét lên những Bài Ca Chính Khí:

*Nước Mê Linh trắng thu còn vắng vặc
Sông Bạch Đằng sóng vỗ thuyền các cắc*

*Non Chi Lãng gió cuốn rừng cung đao
Đồng Đống Đa xương người phơi man máu.*

*Buổi Sát Thát chàm vai thề đầu mất
Ngày bình Ngô nổi cờ không khuất tất
Khi Cần Vương nhổ mặt lũ gian hùng
Lúc cứu quốc vòng bên lao uất uất.*

*Thề làm quẻ nước Nam, không vua Bắc
Đầu chẳng còn, quyết không đương cắt tóc
Lửa đốt mình không phụ nợ non sông
Dây thắt cổ cho tròn trung nghĩa!*

*Chính khí Việt khắp đất trời bằng bạc
Chính khí Việt trong máu người Hồng Lạc
Đông thê thê quất dây hồn phục hưng
Gươm Vạn Thắng cứu giống nòi giết giặc.
(Chính Khí ca)*

Bài ca Chính Khí của Lý Đông A thực đã làm mờ nhạt bài ca chính khí Văn Thiên Tường của Tào.

Lưỡi gươm Vạn Thắng chính là lưỡi gươm Việt nung đúc trong lò Viêm Hồng bằng thép Văn Lang. Lưỡi gươm ấy tôi bằng máu, bằng khí và bằng óc cho nên có thể chém được “sắt côn Ngô để thu hồi Hà Lạc.”

*Thuở Vạn Kiếp tiên trao khét oanh liệt
Ngày Lục Niên đã hiện thét quang vinh
Rửa lấy máu gọt mài bằng xương thịt
Chém muông Hồ, thú Hán nước uy linh.*

*Như Bình Trọng nhờn nhờn giữ một mực
Tựa Lê Lai ngật ngật xung chín lần
Rửa lấy khí, gọt mài bằng trung trực
Sờn gai người, chém đảo sóng ba quân.*

*Ví bình phú, ngư long bay xào xạc
Bằng phiến minh tuyết lửa thổi chập chành*

*Rửa lấy óc, gọt mài bằng sáng tác
Nổi phong trần cuốn quét khắp đản thanh.*

Cũng bằng lưỡi gươm Việt ấy, Lý Đông A đã hô hào khắp đồng bào trăm Việt:

*Hỡi con nhà Lạc Âu, nước Trăm Việt!
Hãy đứng dậy vùng gươm khoa nửa triệt
Nổi mây mù sấm sét gió mưa ran
Cả vũ trụ hét lên ca kỳ tuyệt.*
(Lưỡi Gươm Việt)

Ở hải ngoại [Liễu Châu, Tàu], Lý Đông A có dịp thăm viếng nhiều nơi có di tích lịch sử. Đương nhiên, với tâm hồn của một người như anh, tất nảy sinh nhiều vần thơ cảm xúc, nhưng đồng thời chúng ta cũng nhận thấy trong tất cả mọi bài vịnh lịch sử của anh đều hàm ẩn một lập trường duy nhất của anh: lập trường dân tộc Việt.

Nhân viếng thành Cổ Loa, anh nhớ ngay tới cuộc đấu tranh giằng dai Hán - Việt vào cuối đời Tần sang đời Hán, chấm dứt bằng cuộc hận tình, cái hận tình của Mế Châu. Anh tức giận nên hạ chữ “Đứa Trọng Thủy!”

*Đứa Trọng Thủy ham gì sắc Mế Châu
Vì linh quang thần nỏ chút nhiệm màu
Vì Cổ Loa thành cao hào lại rộng
Vì non sông gấm vóc nòi Viêm Âu.*

*Biết thân em duyên đó nợ nần đâu
Dấu đoạn trường đem rắc lối giặc Tàu
Gan bách chiến nổi cha sâu cô tức
Giá bằng người, em hối để thẳng ngâu.*

*Máu oan em đọng lại ngọc trân châu
Khối oan em thề rửa máu thẳng ngâu
Sóng oan em thề tát bầu bể ác
Hồn oan em chẳng bỏ cõi Viêm Âu.*
(Hận Mế Châu)

Rồi liên tưởng đến một mối hận tình khác trong lịch sử Việt cũng gây ra một cuộc chiến tranh, cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn: Mối hận Mế Hê:

*Cát Đồi Bàn còn hận dài Sạ Đầu
Sóng Hoàng Giang ngậm cười mãi Mế Hê
Chàng vì chưng chí Khu Liên thì đấu
Thiếp vì chưng tình phu phụ nào hề!*

*Nực cười thay cuộc chiến tranh ảo não
Của những người một Tổ mà đôi quê
Hận dài thay! Đường đời ai phen dẫu
Giống Việt Thường, đất cũ ai đòi về?*

*Thiếp côi Bắc hồn mai sương giang khẩu
Giải lụa đào nguyện bắc gióng ô thê
Chàng phương Nam thập thò chuôi Nam Đầu
Nguyện đêm đêm nhòm thấu côi thâm nê.*

*Thiếp nghĩ thảm bao nhiêu đời xương máu
Chí anh hùng hay chinh chiến đam mê
Chàng rằng nuôi muôn năm thù nghịch khẩu
Vì ông cha nèm²⁴ rửa cháu con thề.*

*Nòi giống Hán trên non sông phụ mẫu
Từ muôn xưa giày xéo bao ê chề
Vết sỉ nhục Giao Châu đầy đẫm máu
Cỏ cây cùng ai oán giục hồn quê.
(Hận Mế Hê)*

Nòi giống Hán từ muôn xưa đã dày xéo non sông ta hằng bao thế kỷ. Đến thế kỷ XV, vì họ Hồ cắc cớ, lại lăm le thống trị dân ta. Trước khi bị Lê Lợi làm cho chúng khốn quẫn, nhà hậu Trần với Nguyễn Cảnh Chân và Đặng Tất đã đánh một trận ở chân núi Bô Cô Ninh Bình long trời lở đất, làm bạt cả oai Tuyên Đức, bay hồn Trương Phụ. Âm điệu của bài thơ Vết Bô Cô như vang lên những tiếng hô hét của đội quân Cần Vương người Việt lũ lượt kéo đến núi Bô Cô.

*Người anh hùng cứu quốc đứng lên hô
Quyết đem thân sống chết với quân Ngô*

²⁴ “Nèm”: Tiếng cũ nghĩa như nguyên rửa (theo giải thích của ông Mẫn Cầu).

*Tiếng Cần Vương vừa hầm hè bến mộ
Sóng ba quân đã cuộn cuộn non Bô.*

...
*Lòng phần hận một đêm sấm sét hô
Trong ngoài kênh dãn dựa máu quân Ngô
Oai Tuyên Đức bạt theo hồn Trương Phụ
Đây thành ma, đổ sụp dưới non Bô.*
(Vết Bô Cô)

Cũng thuộc tỉnh Ninh Bình, Lý Đông A đến thành Tràng An, cố đô của nước ta trước khi có Thăng Long, thăm đền vua Đinh Tiên Hoàng, tưởng nhớ lại thời đại của người anh hùng áo vải cầm cờ lau lãnh đạo giai tầng bình dân đứng ra thống nhất dân tộc, thắng trong, độ ngoài bằng sáng tạo, cởi mở cháu con bằng vinh quang vô thượng.

Dem so sánh thế kỷ thứ X với thế kỷ XX, Lý Đông A tưởng như tiếng gọi xa xăm vắng vắng của cảnh lau, thức tỉnh trong đáy hồn và đáy lòng anh một cuộc phục hưng và phục hoạt lớn lao, về vang của nòi giống Việt ở thời đại này. Bài thơ Đường Vua Đinh đã nói lên cái chí khí của anh muốn đứng ra lãnh cái trách nhiệm lịch sử ấy. Xin trích một đoạn:

*Đường vua Đinh, người rày mà nếp trước
Hội thái bình mang mở cuộc rồng mây
Cờ bông lau rập rình đầy non nước
Ánh huy hoàng sáng rực khắp Đông Tây.*

*Đường vua Đinh đã bước
Nghịệp vua Đinh còn đây
Hang Luồn, dốc Sỏi, mấy gềnh Mây
Giặc Tống, quân Hầu nép móng vây.*

*Sông Hoàng Long dạt dào sóng vỗ
Động Hoa Lư rầm rập bào bay
Phục lại ngàn năm giờ phút ấy
Đường vua Đinh cũ lại là đây!*
(Đường Vua Đinh)

Cái chí lớn của anh bàng bạc qua khắp các bài thơ Nhân Ngâm, Hứng Ngâm, Thi Điếu, Tự Hào, có lúc hùng tâm dâng lên cao ngút.

Cũng bởi vì:

*Lòng quyết tử tiến lên đường gió bụi
Hai bàn tay thề phục lại sơn hà
Thái Bình Dương lấp bằng sâu nhục tử
Đem máu đào rửa sạch máu yêu ma.
(Xuân Tráng Sĩ)*

Sự nghiệp lớn lao không thể một mình đảm đương được, anh khát khao tìm đồng chí, làm nên sự nghiệp cũng nhờ cán bộ mà duy trì được sự nghiệp cũng trông vào cán bộ:

*Lều gianh, cỏ rậm vui anh hào
Tìm người đồng chí dạ khát khao
Trông theo cánh buồm, hỏi mây sao!
(Tơ Đồng)*

Hay:

*Sao được tráng sĩ vài ngàn muôn?
Cùng ta dong dẫu khắp doanh hoàn
Dừng lại non sông xưa Bách Việt
Lập nên thế giới mới Duy Dân!
(Hứng Ngâm)*

Hay:

*Bước chân cao thấp mãi không cần
Chỉ vị đan thanh chút nhọc nhằn
Trở lại hồng hoang khai nguyệt quật
Dò vào cừu cực nắm thiên căn.*

*Cương thường không ngại giòng thân mệnh
Giáo dưỡng gồm trong trực vũ văn
Giữ được Xuân Thu tròn vẹn mãi
Còn nhờ tri kỷ tắc bắn khoăn.
(Tiên Long Châu Hành)*

(Thiếu một đoạn).

[Bốn lời thề của các cán bộ Duy Dân:

Thề giác biện chứng lớn

Thề tu tính, mệnh ta

Thề cứu nòi giống Việt]

Thề bênh loài người yếu

Thề cùng vũ trụ hòa.

“Thề cùng vũ trụ hòa” tức chủ trương *Tán dục khoa học*. Nếu phá hoại môi sinh mà không tài bồi thiên nhiên thì không phải hòa với vũ trụ.

Đại biện chứng Duy Dân tóm lại trong hai câu thơ:

Nhất nguyên tóm lại ngôi hoàng cực

Vô hạn trùm ra khoảng thế gian.

(Bạch Sơn Hành)

Triển khai triết lý trên phải mất bao trang giấy?

Lại:

Tạo hóa như không cả

Nên chẳng bởi tại người

Thánh hiền sao vắng vẻ

Trông mòng lũ trẻ tươi.

(Thánh Đồng Ngâm)

Cái chân lý vũ trụ quan và nhân sinh quan dễ hiểu như thế, đơn giản như thế mà sao thánh hiền không nói lên mà phải trông mòng lũ trẻ hậu sinh?

Hay tại cái chân lý ấy từ trước tới nay chưa có ai khám phá ra cả, thực hư lẫn lộn, chân giả không phân, rõ ràng trước mắt phải tìm kiếm đâu xa!

Hư thực, anh hùng trông rõ thực

Giả chân, hào kiệt biết rành chân

Xưa nay bất trắc cơ khôn nói

Để hỏi đời ai bất thế nhân?

(Tiên Long Châu Hành)

Bài Đạo Trường Ngâm dùng làm tựa cho thi tập Lý Đông A chính là một bài thơ diễn tả sự đau khổ của dân Việt, đấu tranh cho sự tồn tại của mình, trải qua biết bao tang thương dâu bể. Triết học Duy Dân cũng còn được ký gởi trong 56 câu thơ của bài ấy. Trong cái vũ trụ vô nguyên, cái vòng không đáy xoay vần vô cùng vô tận, loài người sinh ra và nòi giống Việt cũng xuất hiện từ thuở hồng hoang huyền hoàng. Triết học vũ trụ vô nguyên là triết học của người Việt mà tiêu biểu là Sách Hóa trắng tinh. Sách tức là sự nhập dụng Duy Nhiên vào Duy Nhân và Duy Dân vậy.

Cái đau khổ của nòi giống đã có từ bao giờ mà chỉ thấy:

Trúc lưa đã dày phen trĩu loạn
Son xanh còn chiếu dạ được thua.
(Đạo Trường Ngâm)

Lại còn biết bao công lao mở mang của tổ tiên từ buổi “hỗn độn”, mặc cho nắng mưa bão táp. Cái công mở mang ấy phải kể cả những tác giả vô danh đấu tranh với thiên nhiên, nhằm tăng tiện nghi cho đời sống dân chúng.

Nhưng trời nào có biết tới những cực khổ của cha ông chúng ta, một mặt phải đấu tranh với thiên nhiên để gây dựng cháu con, một mặt phải đấu tranh với những quân xâm lược để gìn giữ sống còn cho con cháu.

Nắng mưa tâm sự ở trên đời
Tạo hóa như không, lọ có trời.
(Đạo Trường Ngâm)

Chúng ta đã thể nghiệm được những gì? Hay là chỉ có cái tanh hôi của cột đồng Mã Viện, cái nhân quyền giả nghĩa của giống Pháp Lan?

Đồng Trung Hoa đến mang làm cột
Máy Pháp Lan sang để chém người
Đạo nghĩa gớm cho quân lợm khẫu!
Nhân quyền khiếp cả đũa xanh người!
(Đạo Trường Ngâm)

Đã biết bao người đi tìm học ở Tây, Tàu, Nga, Mỹ. Khi học được mỗi nơi một chủ nghĩa, vội vàng chấp nhận làm chủ nghĩa cho mình, vội vã đứng vào lập trường của họ mà không phân biệt dở hay, chứ không biết hấp thu và đồng hóa về cơ sở dân tộc, cho thông qua dân tộc hình thái, lấy dân làm lý tưởng mục đích, phương pháp và thủ đoạn để mà sáng tạo một văn minh Việt phải quay về gốc đạo, tìm hiểu ở những tác giả vô

danh, ở những giếng trăm họ. Chắp nối được lửa hương là được trao truyền vàng đá, gìn giữ được nòi giống và lại còn kiến thiết được văn minh cho nhân loại.

*Văn minh nghĩ kỹ còn nhiều việc
Đem cả muôn loài lên Duy Nhiên.*
(Đạo Trường Ngâm)

Loài người ở tự nhiên mà sinh ra, nhưng lại quy về thiên nhiên và quy về theo cách thức nào? Văn minh hay không chính là ở điểm đó.

Bài Đạo Trường Ngâm còn tiềm ẩn tâm sự riêng của thi sĩ. Chúng ta sẽ thấy cái tâm sự ấy trong những bài Bạch Sơn Hành, Nga Mi Hành, Thiên Cổ Thông.

Tâm sự của thi sĩ bộc lộ rõ rệt nhất trong bài Huyết Hoa. Người quốc sĩ tài hoa tự ví mình như đóa huyết hoa, đóa thiên tài hoa bị trời bó mãi, đất bó không tha. Phải chăng tạo hóa ghen tài hay vô tình mà vẫn mãi mãi không tha?

Nhớ tới tích Bạch Trĩ đậu cành nam ủ rũ đau thương, Lý Đông A cảm tác bài Huyết Hoa tuyệt diệu:

*Hồn bạch trĩ băng khuâng tìm nước cũ
Tìm cội dài, mậm ngẩn núi Viêm phương
Tìm nắng mưa bầu đoàn loài một tổ
Đậu cành nam rền rĩ đau thương*
(Huyết Hoa)

Lững thững đi trên đồi Nga Mi, chợt ngắt một bông sim rừng, ngắm nhìn năm cánh hoa đỏ tươi đều đặn trên đài hoa xanh, anh sáng tác ngay được bài thơ có tựa đề “Thiên Tài Hoa”:

*Sao Viêm phương chọn chốn giáng tinh thần
Trong muôn hoa, lấy một ở hồng trần
Chợt bóng mái, chân sim ta tìm gặp
Đầu dây leo bình dị đóa siêu quần.*

*Đóa siêu quần, ta gọi thiên tài hoa
Nếp tinh quang in năm cánh kỷ hà
Sắc đỏ như trời Nam phun ánh lửa
Hương không thơm, vì ẩn tích Ngâm hà.*

*Tích Ngân hà huyền diệu chất thiên tài
Gió mưa hồn cổ quốc tít non đoài
Đóa Huyết Hoa, người ta bừng thức giấc
Sao Viêm phương chói lợi mọc trên đài.
(Thiên Tài Hoa)*

Thực phải có một sinh mệnh dàn dựa nhựa sống, chan chứa xuân tình, hồn thơ lai láng mới nảy sinh những vần thơ bất hủ, như một nhạc sĩ thiên tài, siêu thần nhập thánh, gảy lên những âm điệu tình tang tuyệt diệu.

Thơ Lý Đông A không một chút giả tạo, không một chút gò ép, vần điệu tự nhiên phát ra như nước chảy mây trôi.

Anh làm thơ rất nhanh, dễ dàng như ngồi nói chuyện. Ngồi chơi trên bao lơn một căn lầu nhìn ra Văn Miếu Hà Nội, một đám thanh niên và thiếu nữ đang được hướng dẫn diễn hành, đang tập hô ủng hộ và đả đảo. Tức cảnh anh làm bài Xuân Cầm có câu:

*Ì òm nhi! phường khôn đế bá!
Nheo nhách thay! đàn đại bất bơ!
(Xuân Cầm)*

Lại khi được tin Nhật đầu hàng sau hai trái bom nguyên tử, anh sáng tác ngay được bài thơ nhan đề Nguyên Tử Đạn, mở đầu với ba chữ “O horror! O horror! O horror”, tiếng kêu rít lên trong đáy lòng của những con người nhân đạo, xin trích dẫn vài đoạn:

.....

*Một sáng kiến phi thường, thép nở hoa
Đảo Phù Tang áp phục, giải can qua
Ngày thắng trận như kinh hoàng vũ trụ
Sức dã man tàn hiệu đã bùng ra.*

*Một văn minh tiếc hận tự ngàn xưa
Cõi Sa Bà đường hạnh phúc mịt mù
Những kỹ nghệ hùng hồn thôi chớ nữa
Nhân gian còn phấp phỏng giữa khi khu.*

*Một trách nhiệm ghê hồn giữa kỷ nguyên
Đòi nhân luân chinh phục được thiên nhiên
Dẫu cao ngất oai hùng qua trí dũng*

Thiếu hòa bình, chiến thắng cũng nguy hiểm.

(Nguyễn Tử Đạn)

Nhưng muốn tìm hiểu tâm uẩn chính của Lý Đông A, chúng ta phải trong một lúc nào đó, gác hết những suy tư tầm thường của thế tục, tự tắm rửa linh hồn của mình trong hương hoa của nòi giống. Sự quan cảm của chúng ta với hồn thơ của thi sĩ mới trong suốt được.

Qua những bài thơ như Thiên Cổ Thông, Bạch Sơn Hành, Tiên Long Châu Hành v.v..., chúng ta bước vào một địa hạt mệnh lung, vào bờ cõi của thế giới lúc vô hình, lúc hữu hình.

Sự cảm ứng với hồn thơ của thi sĩ chỉ có thể bằng siêu thức hay siêu giác trong địa hạt tâm linh mà khoa học chưa hề lý giải.

Trên đời sống cách mạng, Lý Đông A chưa hề nói tới tiền thân hậu kiếp của anh, chưa hề nói tới “*Dầu tái sinh hữu hạnh dạ còn thương*”. Anh chỉ có một lần nói trước một số khá đông đồng chí: “Muốn mưu đồ sự nghiệp cứu dân tộc phải thông suốt ba kiếp của mình”. Ba kiếp anh nói đây có thể hiểu theo nghĩa luân hồi của nhà Phật, mà cũng có thể anh ám chỉ phải thông hiểu quá khứ (lịch sử), biết rõ thời đại để có phương hướng xây dựng tương lai cho dân tộc.

Nhưng trong thơ, chúng ta được nghe nhiều lần thi sĩ nói về sự tái sinh của anh. Anh tái sinh để làm tròn sứ mệnh mà kiếp trước anh chưa làm tròn. Tiền thân của anh là chàng thanh niên Nguyễn Tuấn, bán củi chợ Tràng An, tuổi trẻ mà thông minh cái thế, học rộng tài cao, nhân có cuộc kén rể ở lầu Văn Lang mà được chọn làm phò mã của Vua Hùng thứ 18. Chàng dâng pho quốc sách, mong nếu được thực hiện có thể tái kiến văn minh nòi Việt. Văn minh Việt đến đời Vua Hùng 18 đã suy đồi, nhà vua u mê, chàng và vợ bỏ đi ẩn dật. Tục truyền chàng chọn Bạch Sơn làm nơi tu luyện. Khi đắc đạo mới dời lên Tản Viên Sơn, cả hai nơi phong cảnh thực hữu tình.

Miền Gia Viễn Ninh Bình, vào mùa mưa lụt hàng năm nước phủ đến chân trời. Người ta gọi là tiểu Bồng Lai. Đứng trên con đường Ninh Bình Gia Viễn, nhìn về phía tây nam là dãy Tràng An. Phía tây bắc một ngọn núi trắng toát vươn cao khỏi dãy hoa cương từ Hòa Bình chạy xuống. Dân địa phương gọi là núi Mũ, tên chữ là Bạch Sơn. Dòng lục thủy chạy uốn quanh giống như sông Hồng lượn vòng núi Tản. Cho nên về phương diện địa hình, sông xanh núi trắng được coi như núi Tản sông Hồng rút nhỏ.

*Doanh châu mới biết là chủ nhân
Núi Tản sông Thao rút nhỏ dần
Biệt nước non đi thiên cổ hận
Về giang sơn lại vạn niên xuân.*
(Bạch Sơn Hành)

Phong khí miền núi trắng sông xanh tốt đẹp đến mức nào khiến Cao Biền, viên quan đô hộ đời Đường đã ghi một câu trong sách địa lý của y: “Bạch Sơn Lục Thủy chi gian, tức hữu Hoàng y xưng trẫm”. Nhân vật xưng trẫm đó đã ứng vào Vua Đinh Tiên Hoàng ở thế kỷ thứ X.

Trong một cuộc viếng thăm núi Mũ, Lý Đông A mừng rỡ trước một cảnh mà anh có linh cảm đã quen thuộc từ lâu. Chân núi phủ đầy cây thài lài, lan ra tận ngôi đền. Từ ngọn núi cao xuống chân núi, ai đã tạc hình con rồng uốn khúc, đầu dựa lên lưng con rùa. Thiên tạo hay nhân tạo? Không ai hay. Anh bần thần ngơ ngẩn trước Totem của nòi giống. Cái hèm Tiên Rồng mà anh đã dày công tìm kiếm khắp miền Hoa Nam không ngờ nó lại sừng sững ở nơi đây:

*Vết Tiên Rồng ai khắc qua mưa nắng
Cỏ hoa còn gìn giữ mặc tang thương*
(Thiên Cổ Thông)

*Thài lài ngấn cũ Rồng bay vết
Gianh trúc nền nay Việt hiện thân
Hong Lạc tính linh, ta bắt tử
Ngóảnh trông kiếp trước dạ tần ngần.*

*Hoàng Long bán củi chờ Tràng An
Hong Lạc tên ta gọi Tản Ngàn
Đạo ở thiên căn kinh độc lập
Cơ trong nguyệt quật, động chu hoàn.*

*Nhất nguyên tóm lại ngôi hoàng cực
Vô hạn trùm ra khoảng thế gian
Xuất nhập cứ theo đường thượng kính
Ngàn năm ta ký chốn thanh nhàn.*
(Bạch Sơn Hành)

Chúng ta tự hỏi: phải chăng Tản Viên Sơn và Lý Đông A là một? Thời gian cách biệt giữa hai nhân vật đã ba ngàn năm có lẽ, đối với nhân thể là dài, song đối với sự xoay vần của vũ trụ tự nhiên chẳng có giá trị là bao, những chất liệu linh hồn anh hoa dân tộc, những chủng tử, lượng tử, năng tử biến đi trong thế giới hữu hình, nhưng vẫn hiện hữu trong thế giới vô hình, trong cái vòng xoáy không đáy kia, nhào lộn thúc động lại để rồi lại tái xuất hiện dưới một hình hài khác, vẫn cùng chung một tâm nguyện: tâm nguyện *thực hiện* cho đất nước ngày một thêm sáng.

Dấu thiên cổ nhân duyên nhiều cảnh thái

Khối tình yêu khôn nói hết tơ vương.

(Thiên Cổ Thông)

Lại nữa Tản Viên Sơn Thánh, khi biệt nước non đi, để lại cho dân tộc nòi giống một cuốn sách Hóa, một chiếc gậy Thần, vì *không thực hiện* được cái triết học ấy nên đối với thế tục chỉ coi là bài thơ Thu Nguyệt Xuân Hoa!

Nhưng đối với Lý Đông A, cái triết học sách Hóa trắng tinh không một chữ ấy có một giá trị tuyệt vời. Nó trùng hợp với cái *Duy Nhiên, Duy Nhân, Duy Dân đại biện chứng* mà Lý Đông A đã giác ngộ tại chùa Yên Tử. Có phải được truyền thừa y bát mà Lý Đông A đã thể hội được cả văn minh Hồng Bàng, văn minh Lý - Trần để sáng tạo một thể hệ văn hóa mới, một sinh mệnh sự nghiệp mới, ngõ hầu hoàn thành một nhiệm vụ mới trên chính trị, kinh tế, cởi mở loài người, lớn lao dân tộc?

Kỷ hà sử vạch ngày lau trúc

Phả ký truyền trao, tích gió mây.

(Nga Mi Hành)

Song chúng ta cũng không khỏi có thoáng nghĩ, liệu hậu thân của Thánh Tản với cái kiến trúc đồ sộ là Duy Dân chủ nghĩa bị phá hoại, bị mất mát ở đương thời, để rồi cũng để lại một bài thơ Thu Nguyệt Xuân Hoa²⁵?

Đến đây, để kết thúc mục điểm thơ Lý Đông A, tác giả xin mượn câu phê bình thơ Lý Đông A của nhà văn Tam Ích viết trong tạp chí Đời Mới:

“Trước Lý Đông A, về thơ không có ai bằng Lý Đông A trừ Nguyễn Du, và sau Lý Đông A không có ai bằng Lý Đông A.”

²⁵ Tháng 1 năm 2026, khi đánh máy lại cuốn sách này để đưa lên trang [Thăng Nghĩa Lý Đông A](#), Học Hội Thăng Nghĩa tìm các bài thơ trong tập thơ Đạo Trường Ngâm nhưng không có bài “Thu Nguyệt Xuân Hoa”.

Và tác giả xin có thêm lời giải thích: vì thơ Lý Đông A là thơ THÁNH.

Phần kết

Thua được đành hay số nước non

Viết đến đây, qua bao nhiêu trang giấy, tôi đã làm xong một công việc của chính tôi mà nhiều năm lưỡng lự không muốn làm. Đó là việc giới thiệu với độc giả một nhân vật Việt, thuần túy Việt, đáng lẽ phải có một vai trò quan yếu trong cuộc phục hưng và phục hoạt nòi giống ở giữa thế kỷ XX.

Người ấy là lãnh tụ một đảng cách mạng, Đảng Việt Duy Dân, tên Nguyễn Hữu Thanh, bí danh và bút danh là Thái Dịch – Lý Đông A.

Lấy năm 1940 làm mốc, Thái Dịch mới 20 tuổi đời, nhưng đã làm một lãnh tụ cách mạng hoạt động đương thời với những nhân vật mà quốc dân và thế giới đã biết đến như: Hồ Chí Minh, Trương Tử Anh, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Xuân Tiên, Nhưộng Tống, Huỳnh Phú Sổ v.v...

Với một hệ thống tư tưởng đầy sáng kiến, phản ánh lẽ thực, lẽ phải, lẽ sống của cuộc sống dân tộc và loài người, tên tuổi anh đáng được thanh sử ghi tên. Chủ trương cứu quốc do anh đề nghị với quốc dân Việt và các nhà cách mạng chính trị Việt đáng được nghiên cứu thảo luận, để rồi nếu xét là thích hợp nhất, thuận lợi nhất cho dân tộc nòi giống, thì sẽ được đem ra thực thi. Quốc gia Việt khốn khổ của chúng ta đã vươn lên rất xa đối với nhiều quốc gia khác trên thế giới về mọi mặt: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa...

Tội thay! Người ta – những lãnh tụ cách mạng thời ấy – đã đem Marx, Lénine, Tôn Văn, Hitler..., làm tổ sư cho công cuộc mưu đồ của họ, lấy uy vọng của những nhân vật ngoại lai nói trên, thay thế cho uy vọng lãnh tụ cách mạng dân tộc Việt.

Tên tuổi Lý Đông A bị chìm đắm, đường lối cách mạng của anh bị che giấu, xuyên tạc, thân anh bị sát hại, sách vở của anh bị đốt, đảng viên anh bị diệt. Tội ác là thành kiến hẹp hòi, đổ kỵ nhỏ nhen, kiến thức hạn chế, lại lấy *thủ đoạn làm mục đích*, cho nên không có tội ác nào mà không dám phạm.

Gạt bỏ và kết tội phương hướng chính trị của Lý Đông A, giới lãnh đạo đất nước Việt đã mò mẫm và mắc biết bao sai lầm về chính trị, lại còn đi đôi với chính sách tàn bạo của giới có trách nhiệm lèo lái con thuyền Việt ở những thập niên '50, '60, '70, '80..., đưa tới hậu quả không lường được. Bao nhiêu chết chóc, tù đầy, tàn phá, bao nhiêu suy sụp chỉ vì cái chính trị cận thị. Đã thế lại quá hăng say, đưa nhân dân Việt ra làm lâu la cho quốc tế, đưa đất nước ta làm công cụ cho siêu cường.

Đất nước điêu tàn, dân chúng nghèo đói, xã hội băng hoại, dân phong đổ nát. Cái vô luân, vô đạo đức ăn sâu mọc rễ trong khắp tầng lớp nhân dân ở khắp lứa tuổi. Hình ảnh thảm thê của đất nước ta từ thập kỷ '50 đến '80 là như vậy đó!

Tần Thủy Hoàng xưa kia đốt sách chôn học trò mà đạo Nho vẫn sống, và lại còn sống mạnh hơn trước, giữ địa vị độc tôn dưới triều Hán.

Cộng sản Việt đốt sách Duy Dân, sát hại lãnh tụ Duy Dân, diệt môn đệ Duy Dân mà tư tưởng Duy Dân vẫn tồn tại, đảng viên Duy Dân vẫn sống, sống vinh dự hơn trước. Trong cái bối cảnh lịch sử và chính trị của đất nước, ở thập kỷ '40 và '50, với những điều kiện rất ngặt nghèo do cộng sản áp đặt, sự truyền bá và phát dương tư tưởng Duy Dân rất bị hạn chế, tên tuổi Lý Đông A rất ít người biết đến, tài liệu Duy Dân do Lý Đông A viết ra ít có ai được đọc. Tiếp theo đến giữa thập niên '70, cộng sản thống trị toàn quốc, mở lại sự càn quét nhân sự Duy Dân, công khai cấm ngặt lưu hành tài liệu Duy Dân, đưa sách vở Duy Dân vào lò nấu giấy Thủ Đức.

E rằng với thời gian trôi đi, thế hệ '40 tàn đi, thế hệ '80 tiếp nối không còn mấy ai biết tới Lý Đông A.

Viết cuốn hồi ký này, ghi lại ít dòng về thân thế và sự nghiệp Lý Đông A, mô tả con người Lý Đông A thông qua những quan điểm lịch sử, chính trị cùng sự nghiệp văn hóa của Lý Đông A, tác giả chỉ có một ước vọng nhắc nhở nòi giống, nhắc nhở nhân loại đừng quá vô tình quên một con người đáng kính, đáng thương và đáng ơn nhất.

Đạt được mục đích ấy, tác giả cũng đã góp phần vào việc trả cho Lý Đông A cái gì của Lý Đông A, và lương tâm tác giả cũng được yên ổn, vì đã đền đáp Lý Đông A cái công truyền thụ lẽ phải, lẽ sống và lẽ thực cho chính bản thân tác giả.

Hận lòng như gió thổi, thổi đời thuở

Sự nước non dài, dài cả một ta!

(Huyết Hoa)

Mùa Hạ 1989 (4868 tuổi Việt)
Thái Hùng B